

Cùng quý độc giả thân mến,

Phật đản về, trong niềm hân hoan thiết tha đón chào của muôn triệu trái tim nhiệt thành trên khắp tinh cầu này. Khác nào như trăm hoa đua nở chào đón ánh sáng mặt trời. Trái tim mặt trời vật lý luôn soi sáng trường dưỡng cho muôn loài. Trái tim tâm lý cũng luôn soi sáng ngát tỏa hương thơm từ bi để làm xoa dịu với đi bao nỗi ưu phiền khổ lụy của chúng sinh. Sự ra đời của Đức Phật là một trái tim tâm linh từ bi, bình đẳng, vị tha không có biên giới. Một trái tim tràn đầy chất liệu tình người và hướng chúng sinh về con đường chánh giác vượt thoát khỏi vòng sinh tử khổ đau.

Chính vì thế, nên từ lúc sinh ra, xuất gia, thành đạo cho đến khi nhập Niết bàn không lúc nào mà Đức Phật không đề cao tinh thần giác ngộ và giải thoát. Vì đó là tôn chỉ, là mục đích cứu cánh của đạo Phật. Xây dựng đạo đức nhân bản, cải hóa xã hội lành mạnh, làm đẹp con người thánh thiện... đó là nền tảng giáo dục cơ bản mà Đức Phật luôn quan tâm hướng đến. Bất luận thời đại xã hội nào mà mỗi cá nhân, thiểu phẩm chất đạo đức, thiểu chất liệu yêu thương tình người, thiểu tinh thần đoàn kết hòa hợp, bao dung, thiểu cái nhìn cảm thông, công bằng và hỗ trợ v.v... thì thời đại xã hội đó, chắc chắn không sao tránh khỏi những tệ nạn xáo trộn bất an, mà hậu quả là thối nát sa đọa. Đó như là một định luật hệ lụy tất yếu hiển nhiên của con người thời đại.

Hiện nhơn loại đang sống trong thời đại mới, thời đại của một nền khoa học kỹ thuật tân tiến, phát minh những máy móc cực kỳ tinh vi sắc xảo và mọi thứ tiện nghi vật chất...nhằm để cung ứng mọi nhu cầu thiết yếu cho con người. Ấy thế mà, con người vẫn còn phải chịu đựng nhiều bức bách khổ đau triền miên như: thiên tai, chiến tranh, khủng bố, dịch bệnh, nghèo đói, dốt nát v.v... Ta tự hỏi: nguyên nhân đó do đâu? Phải chăng do con người thiếu ý thức, thiểu chất liệu tình người, thiểu lương



Lá  
Thư  
Tòa  
Soạn

tâm đạo đức, thiếu nhơn tính tình thương,... nên mới gây ra những thảm nạn chiến tranh, tàn sát lẫn nhau và làm cho môi trường sinh thái phải bị ô nhiễm ngày càng tồi tệ hơn. Những lý do nói trên, chưa phải là nguyên nhân chính. Mà nguyên nhân chính là do con người còn quá nhiều tham vọng, luôn nuôi dưỡng ba thứ độc tố nguy hiểm “**Tham, Sân, Si**”. Ngày nào mà nhơn loại còn dung dưỡng ba thứ độc tố nguy hiểm này, thì ngày đó thế giới loài người sẽ không bao giờ có được đời sống an ổn để sống chung hòa bình. Chiến tranh hay hòa bình đều phát nguyên từ tâm thức của con người. Tâm loạn thì thế giới loạn. Tâm an thì thế giới an. Tâm bình thì thế giới bình. Như vậy, muốn cho một thế giới được an ổn hòa bình, thì chúng ta không cần tìm kiếm ở đâu xa. Mà mỗi người chúng ta nên tự quán chiếu thật sâu sắc ở nơi chính mình. Tâm ta còn nặng lòng chấp ngã đảo điên, còn theo cảnh theo duyên tạo nhiều nghiệp ác, thì đừng mong nhơn loại có một đời sống an vui hạnh phúc và thế giới không bao giờ có được hòa bình! Và như thế, hòa bình chỉ là cái bánh vẽ hư ảo mà thôi.

Thiết nghĩ, chúng ta thiết lễ kỷ niệm cúng dường Phật đản, không phải chỉ có một bế phô trương hình thức bên ngoài không thôi, mà chúng ta còn cần phải có phẩm chất nội dung cao đẹp. Chính cái phẩm chất nội dung đó mới thật là quan thiết. Phẩm chất nội dung được thể hiện qua những suy tư, nói năng và hành động trong chánh niệm. Có chánh niệm, tĩnh thức, thì mọi việc làm của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa và mới đem lại nhiều lợi lạc cho đời sống tâm linh.

Bằng không, thì mọi hình thức lễ nghi chỉ có tác dụng làm đẹp bề ngoài, còn phẩm chất nội dung thì thật là rỗng tuếch, vì “Sự” và “Lý” không viên dung với nhau vậy.

Mong sao trong mùa Phật đản này, chúng ta nên cố gắng thật hành qua bài kệ mà Đức Thế Tôn đã dạy:

*Chớ làm các điều ác  
Vâng làm các điều lành  
Giữ tâm ý mình trong sạch  
Đó là lời chư Phật dạy.*

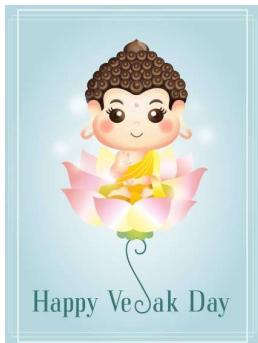
Bài kệ tuy có bốn câu ngắn gọn, nhưng nội hàm thật vô cùng sâu sắc. Có thể nói, nó chứa đựng tóm thâu tất cả những yếu nghĩa mà trong các kinh điển Phật dạy. Được thế,

thì chúng ta mới thực sự thành tâm cúng dường Đức Phật vậy.

Nhân mùa Phật đản lần thứ 2647, tòa soạn xin chân thành kính chúc chư Tôn đức Tăng Ni, quý đồng hương Phật tử, quý độc giả xa gần, quý ân nhân mạnh thường quân, luôn được an lạc hạnh phúc và luôn hanh thông thăng hoa trong cuộc sống.

Trân Trọng

**Ban Biên Tập**



Thư Mời

## **Đại lễ Phật Đản 2647**

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản 2647

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

363-365 Victoria Street Wetherill Park 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

vào ngày:

**Chủ Nhật 28/05/23 (10 tháng 4 năm Quý Mão):**

♦ **10:30 - Đại lễ Phật Đản**

- Cúng Chư hương linh thờ tại chùa

♦ 12:30 - Văn nghệ mừng Phật Đản

♦ 13:30 - Lễ Truyền Tam quy – Ngũ giới

♦ 15:30 - Cúng thí thực thập loại cô hồn

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỉ chung của  
Phật giáo đồ Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc văn phòng

Tổ đình Phước Huệ điện thoại 02 9725 2324

Kính nguyện kiết tường  
Ban Tổ Chức



## GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÚC ĐẠI LỢI - TÂN TÂY LAN

### HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Văn phòng: Chùa Quang Minh - 18 Burke Street, Braybrook VIC 3019. AUSTRALIA  
Tel: +61393125729 +61395482215 Fax: +61393110278 Email: phuoctan@quangminh.org.au

## THÔNG BÁCH PHẬT ĐẢN PL.2567 - DL.2023

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư Tôn Hoà Thượng, chư Thượng Toạ, Ni Trưởng, Ni Sư, chư Đại Đức  
Tăng Ni, quý đồng hương Phật tử.

Kính bạch chư tôn liệt vị.

Kỷ niệm ngày sinh Đức Phật Thích Ca có ý nghĩa rất lớn đối với người con Phật khắp nơi trên thế giới. Ngày Đản sinh của Đức Phật đã được trở thành ngày lễ hội tôn giáo toàn cầu nhằm tôn vinh những giá trị đạo đức nhân văn thiết thực của Đạo Phật vì hòa bình cho nhân loại.

Trong kinh Tăng Chi Bộ: Đức Phật ra đời “vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người”. Sau khi thành đạo, Ngài đi khắp nơi thuyết pháp nhằm khơi dậy tín tâm của mọi người và cảm hóa đủ tất cả mọi hạng người, không phân biệt giàu nghèo sang hèn, từ bậc vua chúa cho đến kẻ bần cùng hạ tiện.

Hơn 26 thế kỷ qua, các thế hệ Phật tử khắp nơi trên thế giới đã hành trì những lời Phật dạy, phát huy tư tưởng lợi tha với nền tảng nhân thức từ bi và trí tuệ, lời dạy của Ngài đã lý giải các nguyên nhân hệ lụy trong đời sống khổ đau, để rồi chuyển hóa và làm thăng hoa cho cuộc sống. Chính vì thế, sự ra đời của Đức Phật là một điểm nhấn là những thời khắc vô cùng quan trọng trong dòng tư tưởng của Đạo Phật.

Kính bạch chư tôn liệt vị,

Nhìn lại quá khứ 60 năm trước 1963, Bồ tát Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân nói lên hạnh nguyện vị tha vì đạo pháp và dân tộc qua bối cảnh trong giai đoạn lịch sử đất nước. Ngài dùng ngọn lửa trí tuệ thiêu thân đánh thức lương tri của con người nhằm đốt cháy ý thức hệ, chủ nghĩa hận thù, tôn giáo cực đoan v.v... Với ý chí sáng ngời hạnh nguyện lợi tha của Bồ tát đạo “từ nǎng dùt lạc, bi nǎng bạt khổ” nhằm tỏa sáng tinh thần từ bi trí tuệ của Đại thừa Phật giáo Việt nam.

Thế giới ngày nay là thời điểm vô cùng khó khăn của lịch sử nhân loại: Đại dịch Covid 19 đã ổn định đi qua. Chiến tranh tại Ukraine vẫn tiếp tục, các siêu cường đang lâm vào thế bế tắc, chưa có phương cách để giải quyết chiến tranh. Hàng ngày bom đạn các nơi viện trợ dồn về để tàn phá đất nước Ukraine và người dân vô tội, làm dẫn đến ảnh hưởng an ninh, chính trị kinh tế toàn cầu rất căng thẳng.

Nhân mùa Phật đản năm nay 2023 cũng là mùa An cư Kiết hạ, kính chúc chư Tăng, Ni có nhiều thời gian cho sự tu tập, quán chiêu thiền định, trau dồi Giới Định Tuệ. Mùa Phật đản cũng chính là thời điểm để cho tất cả chúng ta suy gẫm về những giá trị nhân bản của lòng bao dung, tâm từ bi và tinh thần phụng sự nhân loại đã được thể hiện một cách sinh động qua chính đời sống của Đức Phật và những lời giáo huấn của Ngài. Cầu nguyện cho chiến tranh Ukraine sớm chấm dứt. Cầu nguyện cho quý đồng hương Phật tử có một mùa Phật đản được an lạc trong Chánh pháp.

### Hòa Thượng Thích Thiện Tâm

Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành - GHPGVNTN UDL - TTL

# Tưởng Niệm

## PHẬT ĐẢN

**D**ối với người con Phật, khi nghe đến hai từ Phật Đản, hay cụm từ Tưởng Niệm Phật Đản, thì trong lòng khởi lên tràn ngập niềm hân hoan vui sướng và đầy cảm xúc rung động.

Hân hoan vui sướng, vì nghĩ đến sự ra đời của Đức Phật, một bậc Thánh trên các bậc Thánh, đã xuất hiện giữa cuộc đời đầy kham nhẫn, vì sự khổ đau cùng tột của kiếp nhân sinh nói riêng và vạn loại hữu tình nói chung. Ngài đã phải cùng cộng hưởng và chia sớt, cũng như hoá giải nỗi khổ đau tương đối của kiếp nhân sinh qua bốn tướng sanh, lão, bệnh và tử, cũng như cái Khô chơn lý của ba cõi hữu tình thuộc sinh diệt biến dị, hư nguy vô chủ.

Cảm xúc rung động, vì không biết phước đức nào, để hôm nay được làm Con của Ngài. Được sống trong tình thương bao la vô tận. Được tận hưởng sự ngọt ngào vi diệu của cam lồ pháp vị. Được Ngài dắt dùn trên lộ trình giác ngộ trải qua vô số kiếp sanh tử luân hồi.

Sự ra đời của Ngài, đã gióng lên tiếng chuông thức tinh hồn tình đang mê ngủ mộng mị, chìm đắm trong cảnh hoan ca lạc thú không ngừng.

Sự ra đời của Ngài, như người hướng đạo đã chỉ đường cho kẻ lữ hành đang lang thang loanh quanh trên cánh rừng hoang mạc, để biết lối trở về chốn xưa.

Sự ra đời của Ngài, để lại bức thông điệp bình đẳng tuyệt đối giữa chúng sanh và chúng sanh. Bình đẳng đến mức tột cùng không còn sự bình đẳng nào khác: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Điều này đã được Đức Phật khẳng định một cách minh bạch kiên cố trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện thứ hai, rằng: “.... Xá-Lợi-Phát! Sao nói rằng các đức Phật Thế-Tôn chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra đời? Các đức Phật Thế-Tôn vì muốn cho chúng sanh khai tri kiến Phật để được thanh tịnh mà hiện ra noi đời; vì muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng sanh mà hiện ra noi đời; vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật mà hiện ra noi đời; vì muốn cho chúng sanh chúng vào đạo tri kiến Phật mà hiện ra noi đời.



Xá-Lợi-Phát! Đó là các đức Phật do vì một sự nhân duyên lớn mà hiện ra noi đời”.

Đức Phật bảo Xá-Lợi-Phát : “Các đức Phật Như-Lai chỉ giáo hóa Bồ-Tát, những điều làm ra thường vì một việc: chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh tò ngộ thôi” (Hoà thượng Thích Trí Tịnh - Việt dịch)

Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, đều ra đời với một mục đích duy nhất, đó chính là “Khai Thị Chúng Sanh Ngộ Nhập Phật Tri Kiến”, cũng chính là Phật Tánh. Nếu không phải là Đấng Toàn Giác Vô Thượng, thì không một ai trong thế gian này, có thể chỉ ra được cái Phật Tánh vốn sẵn có trong mỗi chúng sanh vậy. Cho dù đó là những bậc Thánh xuất thế như A La Hán, Duyên Giác và Bồ Tát chẳng nữa cũng không thể có đủ phương tiện từ bi trí tuệ để chỉ ra được.

Như trong kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Như Lai Tánh thứ 12 Đức Phật nói với ngài Ca Diếp rằng: “.... Này Thiện-nam-tử! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được. Khác nào cô gái nghèo có kho vàng mà chẳng biết. Hôm nay ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh hiện bị các phiền não che đậy. Như cô gái nghèo kia trong nhà sẵn có kho vàng nhưng không thấy được. Hôm nay đức Như-Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho chúng sanh, đây chính là Phật tánh. Chúng sanh thấy được tánh này lòng rất vui mừng quy ngưỡng đức Như-Lai.

Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như-Lai. Cô gái nghèo dụ cho vô lượng chúng sanh. Kho vàng ròng dụ cho Phật tánh. .... ”

“..... Này Thiện-nam-tử! Kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu này, lúc đức Như-Lai chưa nói cùng lại như vậy. Vô lượng Bồ-tát đều đầy đủ thật hành các ba-la-mật, nhấn đến bậc thập-

trụ vẫn còn chưa thấy được Phật tánh. Lúc Như-Lai đã nói, mới thấy được chút ít. Lúc Bồ-Tát này đã được thấy, đều nói rằng: "Thế-Tôn! Lạ lùng thay, chúng tôi lưu chuyển thọ vô lượng sanh tử, thường bị vô ngã làm mê lầm. Nay Thiện-nam-tử! Bồ-tát này lên bức thập-địa còn chưa thấy được Phật tánh rõ ràng, huống là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà có thể thấy đặng. (Hoà thượng Thích Trí Tịnh – Việt dịch)

Vì thế mới tôn xưng Ngài là bậc Thánh trên tất cả bậc Thánh, là Thầy của Trời Người, là Cha Lành chung bốn loại.

Cho nên, sự kiện ra đời của Đức Phật, là chỉ bày chân lý tối thắng cứu cánh vốn có của mỗi chúng hữu tình trong ba cõi (dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Kinh gọi là "Pháp Nhĩ Như Thị". Cũng chính vì vậy, Đức Phật tuyên bố: "49 năm Ta không nói một lời", bởi lẽ chân lý vốn như vậy. Do đó, dấu Đức Phật có ra đời hay không ra đời, thì các pháp vốn vẫn vậy, không sanh cũng không diệt, không tăng cũng không giảm, không sạch cũng không dơ. Tuy chân lý vốn là vậy, nhưng khắp cả Trời Người đều không thấy được, kể cả các bậc Thánh xuất thế như Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát, tuy cũng thấy được chân lý, nhưng cũng không nhận chân được cứu cánh như Đức Phật. Vì lẽ đó, mà chúng ta cảm nhận được lòng từ vô lượng vô biên của Đức Phật, mà trong kinh nói rằng: "Phật thương chúng sanh như con đẻ". Và tình thương bao la ấy được diễn đạt qua trí tuệ ba la mật, như Bồ Tát Đại Huệ tán thán công đức Phật trong kinh Lăng Già như sau:

世間離生滅,  
智不得有無。  
Thế gian ly sanh diệt  
Do như hư không hoa  
Trí bất đắc hữu vô  
Nhi hưng đại bi tâm.

猶如虛空華,  
而興大悲心。  
Thế gian lìa sanh diệt  
Như hoa đốm hư không  
Trí chẳng thấy có không  
Mà khởi tâm đại bi

一切法如幻,  
智不得有無,  
Nhát thiết pháp như huyền  
Viễn ly ư tâm thức  
Trí bất đắc hữu vô  
Nhi hưng đại bi tâm.

遠離於心識,  
而興大悲心。  
Tất cả pháp như huyền  
Xa lìa nơi tâm thức  
Trí chẳng thấy có không  
Mà khởi tâm đại bi

遠離於斷常,  
智不得有無  
Viễn ly ư đoạn thường  
Thế gian hằng như mộng  
Trí bất đắc hữu vô  
Nhi hưng đại bi tâm.

世間恒如夢,  
而興大悲心。  
Xa rời ở đoạn thường  
Thế gian thường như mộng  
Trí chẳng thấy có không  
Mà khởi tâm đại bi

知人法無我  
常清淨無相  
Tri nhân pháp vô ngã  
Phiền não cập nhĩ diệm  
Thường thanh tịnh vô tướng  
Nhi hưng đại bi tâm

煩惱及爾炎,  
而興大悲心。  
Biết nhân pháp vô ngã  
Phiền não cùng sở tri  
Thường thanh tịnh không tướng  
Mà khởi tâm đại bi

Dựa theo tác phẩm Thiền & Kinh Lăng Già do Suzuki biên soạn và Trúc Thiên dịch ra Việt văn thì nghĩa của những bài kệ do Bồ Tát Đại Huệ khởi xướng như sau:

"Khi quán tướng thế gian này bằng trí và bi, người sẽ thấy nó giống như hoa đốm giữa trời, không thể nói nó có sinh ra, hay bị diệt đi, vì cả hai phạm trù "có" và "không" đều không dùng được ở đây.

"Khi quán tướng muôn vật bằng trí và bi người sẽ thấy nó như ánh giáng, ngoài sức lãnh hội của tâm thức, cũng không thể nói nó "có" hoặc "không", vì cả hai phạm trù đều không dùng được ở đây.

"Khi quán tướng thế gian này bằng trí và bi, người sẽ thấy nó như chiêm bao, không thể nói nó là hằng hữu bất biến (thường kiên) hoặc tràn vong trong hư vô (đoạn kiên) cũng không thể nói nó "có" hoặc "không", vì cả hai phạm trù đều không dùng được ở đây.

"Khi quán tướng pháp giới bằng trí và bi, người sẽ thấy tất cả đều bỗn lai thanh tịnh, vô nhiễm (vô tướng), không tự tánh (vô ngã) trong không có thể giới chủ quan (nhân) gây phiền não chướng, ngoài không thể giới khách quan (pháp) gây sở tri chướng (nhĩ diệm).

Qua đó chúng ta thấy rằng; sở dĩ Đức Phật có lòng từ bi rộng lớn, là bởi Ngài có trí tuệ viên mãn, hay còn gọi trí tuệ ba la mật, quán thấy rõ tột cùng cứu cánh thật tướng các pháp vốn không, như hoa đốm giữa hư không, nên không có pháp nào sanh, vì không có pháp nào sanh nên cũng không có pháp nào diệt. Do đó không có các pháp nào thường hằng nên cũng

không có các pháp nào đoạn diệt, thân năm ấm (nhơn) không thật có ngã và cái pháp năm ấm cũng vốn không, cho nên phiền não cùng sở tri (nhĩ diệm) không có chỗ nương gá để phát sanh, vì vậy không có tập nhân phiền não nên không có khổ quả của sanh tử luân hồi, đã không sanh tử nên cũng không Niết Bàn. Vì nếu có Niết Bàn tức có Sanh Tử, như vậy thuộc đối đài nhị nguyên chưa được gọi rót ráo cứu cánh, hai đế (tục đế và chân đế) chưa dung thông, thì hai chướng (phiền não chướng và sở tri chướng) chưa trừ, hai chấp (chấp ngã và chấp pháp) cũng vẫn còn, thì không thể vào cánh cửa không hai (bất nhị). Khi còn phân hai, thì không thể rót ráo và như vậy thì trí tuệ chưa viên mãn hay còn gọi là trí tuệ chưa có ba la mật. Khi nào nhị đế dung thông, nhị chướng quyên trừ, nhị chấp vĩnh đoạn, thì mới nhập bất nhị môn. Lúc bấy giờ mới thấy đúng như thật tướng là Sanh Tử tức Niết Bàn, Phiền Não tức Bồ Đề.

Tóm lại, Tưởng Niệm Phật Đản, bằng cách chúng ta kiến trúc tòa lâu đài niềm tin kiên cố về bản nguyên ra đời của Đức Phật, như phẩm Phuông Tiện thứ hai trong kinh Pháp Hoa đã nói. Và nhận thức sâu sắc về bản hoài Đại Hùng Đại Lực Đại Từ Bi của Đức Thế Tôn thi hiện giữa trần gian ngũ trước ác thế này. Cái năng lực ấy duy chỉ có Phật Thế Tôn mới thể hiện ra toàn bộ sự lý viên dung và lấy làm phương tiện độ sanh. Vì thế mà Bồ Tát Đại Huệ mới ca ngợi tán thán Trí Tuệ Ba La Mật của Thế Tôn là bậc:

知人法無我,  
常清淨無相,

煩惱及爾炎,  
而興大悲心。

Tri nhân pháp vô ngã  
Phiền não cập nhĩ diệm  
Thường thanh tịnh vô tướng

*Biết nhân pháp vô ngã*  
*Phiền não cùng sở tri*  
*Thường thanh tịnh không tướng*

Nhi hưng đại bi tâm.

一切無涅槃  
無有佛涅槃,  
若有若無有,

無有涅槃佛,  
遠離覺所覺。  
是二悉俱離,

Nhát thiết vô niết bàn  
Vô hữu niết bàn Phật  
Vô hữu Phật niết bàn  
Viễn ly giác sở giác.  
Nhược hữu nhược vô hữu  
Thị nhất thiết câu ly

*Tất cả không Niết Bàn*  
*Không có Niết Bàn Phật*  
*Không có Phật Niết Bàn*  
*Xa lìa giác, sở giác*  
*Nếu có, nếu không có*  
*Cả hai thấy đều là*

牟尼寂靜觀,

是名為不取,

Mâu ni tịch tĩnh quán  
Thị tác viễn ly sanh  
Thi danh vi bất thủ  
Kim thế hậu thế tịnh.

是則遠離生,

今世後世淨

*Quán Mâu ni tịch tĩnh*  
*Ây là xa rời sanh*  
*Nên gọi là chẳng thủ*  
*Đời nay đời sau tịnh*

“Khi quán tướng pháp giới bằng trí và bi, sẽ thấy tất cả vốn bản lai thanh tịnh, vô nhiễm (vô tướng), không tự tánh (vô ngã) trong không có thế giới chủ quan (nhân) gây phiền não chướng, ngoài không thế giới khách quan (pháp) gây sở tri chướng (nhĩ diệm).

“Khi lìa cả hai tướng đối đài người giác và quả vị giác (giác, sở giác), sẽ thấy không đâu có niết-bàn, không có Phật nào ở niết-bàn, không có niết-bàn nào của Phật.

“Khi quán tướng thể tánh vắng lặng của Mâu-ni, tự tại ngoài vòng sanh diệt, không chấp “có”, không chấp “không”, cả hai phạm trù luận lý đều dứt sạch, ắt không thủ chấp, nên được thanh tịnh ngay ở đời nay và đời sau.

Như lời thông điệp nhiệm màu, bài kệ vạch ra cho chúng ta con đường thực tiễn để đi vào cõi Thánh trí tự chứng. Lời tán thán của Bồ-tát Đại Huệ như bay vút giữa tầng không, chao liêng giữa đỉnh non Lăng-già, hoà nhập vào tiếng reo trầm hùng của sóng biển. Đến nay đã hơn 2500 năm, sự thể nhập của đạo Giác ngộ và Giải thoát chính là bằng từng bước chân của những người mang lý tưởng thực hành Bồ-tát đạo, vượt lên trên những dị biệt, những chấp trước, những đối cực nhị biên, v.v... để vận hành sâu sắc giá trị miên viễn của Trí tuệ và Từ bi.” (trích từ tác phẩm Giới Thiệu Kinh Lăng Già của tác giả Thích Nhuận Châu)

Nhưng để thấu đạt cứu cánh như vậy, thì hành giả phải trải qua vô số kiếp thực hành sáu ba la mật. Muốn tiến đến sáu ba la mật, thì trước tiên chúng ta phải đi vào cánh cửa nhị biên, bằng cách tập hạnh xả ly những gì vốn có ta và của ta (ngã và ngã sở). Cho nên Đức Phật đại từ bi và đại trí tuệ, phương tiện khuyên nhủ chúng sanh hành thiện xả ác, bố thí, phóng sanh, và tu tập theo mười đại nguyện vương của ngài Phổ Hiền Bồ-tát là: Lễ kính, ca ngợi, cúng dường, sám hối, tuỳ hỷ, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, thường tuỳ Phật học, hằng thuận chúng sanh và phò giai hối hướng. Từ đó cái Tánh Giác Bản Lai sẽ được

Đản Sanh trong mỗi hành giả, cho đến khi Tánh Giác hoàn toàn viên mãn ở ngôi Diệu Giác, như khi xưa dưới cội Bồ Đề, đức Phật đã hàng phục ma binh, khi sao mai vừa xuất hiện, sự giác ngộ viên mãn hiển hiện. Đè rồi ánh sáng giác ngộ viên mãn ấy, đã chiếu soi cho tất cả hàng phàm phu ngoại đạo, trở thành các bậc Thánh Thanh văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Và tận đời vị lai trở thành Phật giác hạnh viên mãn.

Vì vậy, để Tưởng Niệm Phật Đản, là hàng con Phật phước đức của chúng ta hãy phát bốn hoảng thệ nguyện là:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ  
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn  
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học  
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

Như ngài A Nan sau khi tỏ ngộ chân tâm, và muôn báo ân Phật từ bi chỉ bày, mà đã phát nguyện rằng:

Ngũ trước ác thế đệ tiên nhập  
Như nhất chúng sanh vị thành Phật  
Chung bất ư thử thủ nê hoàn  
Đại hùng đại lực đại từ bi  
Hy cánh thảm trừ vi tế hoạch  
Linh ngã tảo đăng vô thượng giác.

Nghĩa:

Đời ác 5 trước thè đi vào trước  
Nếu như còn một chúng sanh chưa thành Phật  
Con cũng nguyện không vào quả Niết Bàn  
Bậc Oai Dũng sức mạnh và thương yêu siêu việt

Thật hy hữu - diệt sạch tư duy cợn bẩn  
Khiến con mau lên ngôi vị tột cùng Giác Ngộ  
Tưởng Niệm Phật Đản là để Tri Ân Phật và  
Báo Ân Phật, thì chúng ta cũng tập tành phát  
nguyện như ngài A Nan hay cũng như chư Đại  
Bồ Tát, thì mới đúng nghĩa con Phật chân thật  
và đúng theo với bản hoài Thị Hiện Đản Sanh  
của Phật.

Có vậy mới đúng:

Tương thử thâm tâm phụng tràn sát  
Thị tặc danh vi báo Phật ân.

Nghĩa:

Đem tấm lòng sâu sắc trải qua số kiếp để  
phụng sự hàm linh  
Được vậy mới có thể nói là báo đền ơn Phật.

An Chí

## Mừng Ngày Phật Đản

Phật đản lại về khắp đó đây  
Lòng người Phật tử thật vui thay  
Thành tâm tưởng niệm on từ phụ  
Thương xót chúng sanh đến cõi này

Cõi này ô trọc khổ quanh năm  
Chấp ngã chấp nhân đủ lỗi làm  
Giai cấp thần quyền luôn áp bức  
Hận thù chồng chất mãi trong tâm

Cuộc đời Ngài sống rất bình yên  
Bên cạnh con thơ với vợ hiền  
Bùa nợ đi thăm dân quá khổ  
Ngài về lòng cứ mãi ưu phiền

Ngài thấy con người quá khổ đau  
Sanh, già, bệnh, chết lê tuôn trào  
Đời người ngắn ngủi bằng hơi thở  
Kiếp sống vô thường biến đổi mau

Ngài quyết đi tu bỏ phụ hoàng  
Vợ hiền, ngôi báu, đứa con ngoan  
Tìm đường cứu khổ cho nhân loại  
Trải mấy năm trời chốn núi hoang

Rồi một đêm kia Ngài tọa thiền  
Đạo màu tỏ ngộ sáng vô biên  
Ma vương ba cõi đều quy phục  
Phiền não vô minh cũng dứt liền

Từ đó mở ra ánh đạo vàng  
Con đường giác ngộ sống bình an  
Tử bi, bình đẳng không thù hận  
Mang lại tình thương cho thế gian

Đốt nén tâm hương dâng cúng người  
Lòng thành tưởng niệm đức Như Lai  
Cầu cho thế giới thường an ổn  
Nhân loại thương yêu, hướng Phật dài

Văn Thân



# Con Đường Tu Tập



Đức Phật ra đời với mục đích là chỉ cho chúng sinh con đường tu tập giác ngộ thẳng đến Niết bàn. Niết bàn là một hiện tượng giải thoát có thật. Nếu chúng ta đi đúng lộ trình mà Đức Phật đã chỉ dạy. Có rất nhiều con đường dẫn đến đích giác ngộ và giải thoát. Chẳng qua là có những con đường dễ hoặc khó đó thôi. Dễ hay khó, là tùy theo căn cơ trình độ hiểu biết của mỗi chúng sinh. Ở đây, chỉ xin được giới hạn trong phạm vi loài người để tiện bè tìm hiểu. Bởi vì đức Phật là con người, nên tất cả những gì Ngài nói, mục đích chỉ nhắm tới con người. Dĩ nhiên, lòng từ bi của Phật thì chan hòa bao trùm tất cả muôn loài vạn vật. Loài nào ít nhiều gì cũng được thâm nhuần giáo pháp của Ngài. Nhưng chỉ có đặc biệt là loài người chúng ta mới có thể nhận hiểu sâu xa những gì Phật nói. Tuy nhiên, cùng là loài người, nhưng trình độ căn tánh chúng duyên Phật pháp của mỗi người lại khác nhau. Sự nhận thức hiểu biết sâu cạn, cao thấp dĩ nhiên là bất đồng. Đó là tùy theo căn duyên biệt nghiệp của mỗi người.

Đọc kinh Phật, chắc chúng ta còn nhớ, trong Kinh Pháp Cú, câu Kinh 89, đức Phật có dạy:

*“Người nào chính tâm tu tập các pháp giác chi, xa lìa tánh có chấp, rời bỏ tâm nhiễm ái, diệt hết mọi phiền não để trở nên sáng suốt, thì sẽ chứng Niết bàn ngay trong đời hiện tại”* (bản dịch Việt ngữ của cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu).

Qua lời dạy này, phải chăng đức Phật muốn đưa chúng ta trở về với đời sống hiện thực. Nếu chúng ta muốn có được một cuộc sống an vui hạnh phúc ngay trong lòng cuộc đời này, thì chúng ta không thể nào xem thường, thờ ơ xao lảng lời Phật dạy.

## Chính tâm tu tập các pháp giác chi

Chính tâm là tâm ngay thẳng. Đã tu thì không thể dùng tà tâm. Trong đạo Phật không chấp nhận tà tâm. Vì tà tâm, tự nó đã là bất chánh sa đọa. Cho nên Phật dạy, khi tu ta phải sử dụng chánh tâm để tu. Kinh Duy Ma Cật nói: “Trực tâm tức thị đạo tràng”. Người có tâm ngay thẳng, thì nơi nào đối với họ, cũng là đạo tràng cả. Bởi tâm ngay thẳng là không bị dính kẹt

hai bên, tức vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Thế thì, chính tâm ngay thẳng đó mới xứng hợp với đạo tràng. Vì đạo tràng là nơi thanh tịnh. Đem tâm thanh tịnh mà tu tập các pháp thanh tịnh, thì mới có kết quả như ý tốt đẹp.

Trong đạo Phật có vô lượng pháp môn tu. Pháp môn nào cũng nhằm mục đích hướng dẫn hành giả thẳng đến Phật quả. Đó là mục đích tối hậu nhắm tới của người tu. Tuy nhiên, muốn thẳng đến mục tiêu đó, có nhiều cách tu để chúng ta lựa chọn. Thất giác chi hay thất bồ đề phần là một trong muôn ngàn pháp tu của Phật giáo. Pháp tu này, Phật chỉ dạy cho hàng Thanh Văn. Nó là một trong 37 phẩm trợ đạo, thuộc Đạo đế. Nói dạy cho Thanh Văn, kỳ thật nó cũng là nền tảng cho hệ tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Vậy, Thất giác chi là gì? Chúng gồm có 7 thứ: 1. Trạch pháp. 2. Tinh tân. 3. Hỷ. 4. Khinh an. 5. Niệm. 6. Định. 7. Xả. Bảy thứ này, khi hành trì, nó có sự liên hệ mật thiết chặt chẽ với nhau.

Trạch pháp, là lựa chọn một pháp môn để tu hành. Như trên đã nói, pháp môn Phật dạy tuy nhiều, nhưng chúng ta cần phải lựa chọn cho thật kỹ. Đây là một điều rất hệ trọng cho việc tu hành của chúng ta. Sau khi đã dùng trí huệ lựa chọn kỹ càng rồi, kế tiếp, chúng ta phải tinh tấn tu tập. Có tinh chuyên tu hành thì chúng ta mới có kết quả tốt. Cái kết quả bước đầu là chúng ta có được một niêm hỷ lạc nhẹ nhẹ thoải mái êm dịu trong tâm. Tâm chúng ta sẽ bớt dần những rối rắm, bức bách khó chịu.

Đó là nhờ sự nỗ lực chuyên cần tu hành của chúng ta. Khi tâm thức của chúng ta cảm thấy được nhẹ nhàng tươi mát, thì đó là chúng ta có được trạng thái khinh an. Khinh an là một trạng thái có thật, chứ không phải mơ hồ. Điều này, nếu ai đã từng có những giây phút thiền quán hay niệm Phật, thì họ có một chứng nghiệm rất thực tế rõ ràng. Chỉ trừ phi những ai tu lơ là, không thiết thiết hành trì, tất nhiên là không có. Muôn kéo dài hoặc muôn có được thường xuyên những giây phút an lạc nhẹ

nhàng này, tất nhiên, là chúng ta phải hằng nhớ đến pháp mình đang tu. Chúng ta nhớ một cách liên tục. Càng tập trung tư tưởng nhớ đến chứng nào, thì chúng ta lại càng có sức định nhiều chứng này. Như ta tha thiết nhớ đến danh hiệu Phật, miệng niệm, tâm gắn chặt vào tiếng, không cho hở ra, tất nhiên, tâm ta sẽ được an định. Điều quan trọng nên nhớ, muôn có được sự an định đó lâu dài, là ta cần phải buông bỏ mọi dính mắc ở nơi tràn cảnh (xả). Nhất là đừng khởi tâm dính kẹt vào pháp môn mình đang tu. Bởi dính mắc vào bất cứ điều gì, cũng là một chướng ngại lớn cho việc tu hành. Làm đâu bỎ đó, không để tâm chấp trước bất cứ điều gì, đó là một thái độ rất khôn ngoan trong việc tu hành của chúng ta. Và như thế, chắc chắn chúng ta sẽ dễ dàng tiến đến thành công.

### Xa lìa tánh cố chấp

Cố chấp là một chứng bệnh trầm trọng của con người. Mọi sự đau khổ của con người bởi do tính cố chấp mà ra. Cố chấp là con đê của bảo thủ và định kiến. Người có tánh cố chấp, lúc nào họ cũng bảo thủ ý kiến của họ. Dù ý kiến họ sai, việc làm không đúng, nhưng họ vẫn bảo thủ cố chấp tới cùng. Họ là người không bao giờ biết hồi cải sửa sai. Người như thế, thì thử hỏi làm sao họ tiến bộ cho được? Từ tánh cố chấp, họ nhìn đời một cách cao ngạo. Họ thấy mọi người đều sai, chỉ có mình họ là đúng. Giống như tâm trạng của Khuất Nguyên: “Đời đục cá chỉ mình ta trong, đời say cá chỉ mình ta tỉnh”. Người tu hành mà mang nặng tánh cố chấp này, thì con đường giải thoát đối với họ rất là xa xôi diệu vợi. Muốn được giải thoát, thì phải dẹp bỏ cái bệnh trạng cố chấp này.

Phật dạy người tu phải xa lìa tánh cố chấp. Hoa giải thoát không bao giờ mọc lên trong khu vườn cố chấp bảo thủ. Hoa giải thoát chỉ mọc và nở rộ trong khu vườn hỷ xả mà thôi. Theo lời Phật dạy, ta phải quyết chí vươn lên tiêu diệt cái tánh xấu này. Vì chính nó sẽ làm trở ngại lớn lao trên bước đường tu tiến của ta.

### Rời bỏ tánh nhiễm ái

“Niêm bát nhứt bát sanh Tịnh độ, ái bát nhiễm bát sanh Ta bà”. Nhiễm ái là cội gốc của đau khổ. Muốn dứt khổ, ta phải dứt trừ ái nhiễm. Ái nhiễm là con đê của bản ngã. Đây là loại nguy hiểm nhứt. Thật khó trừ khó đoạn. Cuộc đời này tràn đầy đau khổ, nguyên nhân cũng do ái nhiễm mà ra. Vì ái ngã, mới tìm đủ mọi cách để bảo vệ và lo lắng cho nó được ăn sung mặc sướng. Rồi đến ái luyến người thân và mọi sự

vật liên hệ mật thiết với ta. Bởi do lòng ái nhiễm nặng, nên không bao giờ thoát khỏi cõi Ta bà này.

### Diệt hết mọi phiền não, để trở nên sáng suốt

Trăng Phật tánh bị lu mờ, vì bị mây mù phiền não che ngăn. Dù vẫn biết, ánh trăng lúc nào cũng vẫn chiếu sáng. Muốn cho ánh sáng hiển lộ, thì phải phá tan mây mù. Mây mù phiền não che mờ trí giác của ta. Ta bị khổ đau truyền kiếp cũng chỉ vì nó. Nhưng bản chất của mây là giả dối không thật. Tuy nó dày thật, nhưng nó cũng dễ tan biến. Nếu ta dùng ánh sáng trí huệ chiếu soi, thì nó sẽ tan biến ngay. Bởi vì: “Vô minh thật tánh, tức Phật tánh” (Chứng Đạo Ca). Thực tánh của vô minh chính là tánh giác, chứ không có gì xa lạ. Dụ như, căn nhà dù bỏ hoang bóng tối lâu năm, nhưng chỉ cần một ngọn đuốc soi vào, thì bóng tối kia sẽ tan biến ngay. Vô minh phiền não cũng thế. Điều quan trọng là ta có ngọn đuốc trong tay hay không? Cho nên, đối với người tu, không sợ bóng tối phiền não mà chỉ sợ không có ngọn đuốc trí huệ. Muốn diệt hết phiền não, để cho tâm ta trở nên sáng suốt, đúng như lời Phật dạy ở trên, không phải một sớm một chiều, hay một ngày một bữa mà ta có thể dứt hết được. Tất nhiên, điều này, nó đòi hỏi ta phải bền chí tu hành. Giống như lau bụi nói ở trên. Gương lòng của chúng ta bị bụi bám lâu ngày, vì bỏ lâu quá không lau, nay ta biết được cái giá trị của tấm gương đó, nên ta ra sức cố công chịu khó lau chùi, quyết định có ngày gương kia sẽ hết bụi mà thôi. Điều quan trọng đáng nói ở đây là, ta có bền chí và thiết thiệt lau hay không? Hay là một ngày lau, năm ba ngày nghỉ, như thế thì gương Phật tánh kia không biết bao giờ mới hết bụi!

### Sẽ chứng Niết bàn ngay trong đời hiện tại

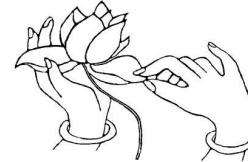
Kết luận của pháp cú này, Phật cho chúng ta thấy rõ sự lợi ích của việc tu hành có kết quả ngay trong thực tế. Do đâu Phật nói như thế? Do Phật lấy bản thân của Phật cũng như tất cả những vị đệ tử của Ngài để chứng minh.

Thật vậy, Phật và đệ tử của Ngài thành tựu đạo quả ngay trong cõi đời này. Không mơ ước ở một cảnh giới nào xa xôi. Có tu là có giải thoát. Như nói có ăn là có no. Có học là có biết chữ. Trừ những kẻ muốn no bụng mà không chịu ăn. Chẳng những không ăn, mà tối ngày họ chỉ mơ mộng thức ăn xa xôi ở nơi đâu, mà thực tế là bụng họ vẫn đang đói. Dù có đói cũng cam chịu, nhưng thức ăn hiện tại họ không bao giờ

ngó đến. Người như thế, thì thử hỏi làm sao họ no bụng cho được? Thế thì trách ai đây? Phật đã cho chúng ta quá đầy đủ thức ăn, chỉ cần ta chọn lựa cho đúng thức ăn hợp với khẩu vị của ta rồi ăn ngay, thì sẽ có kết quả no bụng. Đó là một thực tế. Đạo Phật là một thực tế như thế. Người ta thích đến với đạo Phật, bởi do đạo Phật rất tôn trọng sự thật. Không huyền đàm viễn vông, hứa suông, hứa cuội. Phật tu Phật thành. Đệ tử tu đệ tử thành. Ta tu ta thành. Quả đúng với câu: “Ai tu nấy thành, ai hành nấy đắc”. Chỉ cần mọi người nỗ lực tha thiết chuyên cần tu hành, đúng theo lời Phật dạy, phù hợp với căn cơ của mình, tất nhiên là có kết quả tốt đẹp ngay. Bởi đó là một định luật nhân quả tất yếu, bất di bất dịch. Ta tu theo Phật mà không tin chắc vào nhân quả Phật dạy, vậy thử hỏi ta tin vào cái gì? Bởi căn cứ theo

luật nhân quả, nên Phật nói một cách khảng định rằng: “*Người nào hết phiền não, thì người đó sẽ được Niết bàn*”. Như vậy, Niết bàn chính trong tầm tay của mỗi người chúng ta. Xin đừng tìm Niết bàn ở một nơi nào khác. Người nào còn có tâm vọng động muốn đi tìm Niết bàn ở một cảnh giới xa xôi nào đó, thì người đó không phải là người tu theo đạo Phật. Và tệ hơn nữa, chỉ là kẻ mò trăng dưới nước hay bắt bóng trong gương mà thôi.

### Tịnh Đức



## Ơi em một thoáng sông Hằng

**Ù** em vốn dĩ sông Hằng  
Trong ta mơ ước nhọc nhằn bao năm  
Chỉ là một chuyến ghé thăm  
Sao gian khó quá, băn khoăn đợi chờ  
Duyên lành sao mãi hững hờ  
Tóc xanh đã chuyển, mắt mờ sương dang  
Sông ơi chờ có bâng khuâng  
Hẹn em ráng đợi, rồi ta sẽ về  
Thăm em chẳng lỡ câu thẻ  
Giác mơ đất Phật bôn bè trong ta  
Tháng ngày lòng những thiết tha  
Giọt Duyên tụ lại, Phước lành nở hoa  
Có Thầy cùng bạn bước qua  
Đòng sông đứng lại đợi ta về cùng  
Ù em vốn dĩ sông Hằng  
Ta về giữa buổi con trăng hạ tuần  
Thương em luống những ngày Xuân  
Miệt mài ra biển, chuyên luân muộn phiền  
Ngàn năm ôm trọn nỗi niềm  
Ai đi? Ai ở? Lệnh đèn phận người  
Những bông hoa hé môi cười  
Cho ta gởi xuống mười mươi nguyện cầu  
Ù em vốn dĩ sông Hằng  
Phù sa trải rộng, nắng mưa đủ đầy  
Chim về nghiêng trọn cánh gầy  
Lao xao sông nước, chân mây góc trời  
Bập bùng ánh lửa trêu người

Nhập nhô sóng vỗ - bao người đến, đi -  
Hồn thiêng u uất biệt ly  
Tỉ tê chuyện vắng u mê kiếp nào!?  
Ù em vốn dĩ sông Hằng  
Đang tay ôm trọn bao thân phận người  
Nước về gột rửa dòng sâu  
Có-không, không-có, tự tâm hiển bày  
Thương em một thoáng sông Hằng  
Ta về đất Phật - mặn mà ghé thăm -  
Em không phải là A Nô Ma  
Đòng sông tĩnh lặng tiến Người ra đi  
Đêm nao trăng sáng trời trong  
Tiến chân Thái Tử xao lòng nhân gian  
Em cũng chẳng phải là Ni Liên Thiên  
Đòng sông soi bóng Phật thành năm xưa  
Ta về đất Phật - niêm mõ -  
Thương em một thuở bình minh đại khò  
Ánh vàng chiêu rọi muôn nơi  
Sao trông em vẫn hững hờ buông trôi?  
Duyên hội ngộ chỉ vây thôi!  
Chút tình gởi lại, ừ thôi ta về!

**Bình minh trên sông Hằng**  
**14/02/2023**

**Cao Thanh Dũng**

**L**ời giới thiệu:

“Trong ngày lễ Phật Đản, chúng ta có cơ hội quán chiếu để thấy rằng có thể tiếp xúc với Bụt một cách rất cụ thể. Bụt cũng có thể có những khó khăn. Khó khăn của Bụt có thể đến từ bên trong hoặc bên ngoài. Nhưng mỗi khi có khó khăn tới thì Bụt biết tiếp xúc với những khó khăn ấy và mỉm cười với chúng rồi tìm cách chuyển hóa chúng....”

Nhân ngày lễ Phật Đản năm nay, để cung kính tưởng niệm Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, một vị cao tăng VN với sứ mệnh hoàng truyền Phật pháp trong nhiều thập kỷ ở thế giới Phuong Tây và đã tạo được một ảnh hưởng sâu rộng trong giới trẻ, Ngài vừa viên tịch vào ngày 22.01.2022 tại Tổ Đinh Từ Hiếu, Hué.

BBT xin trích bài nói chuyện của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh về “Ý nghĩa ngày Lễ Phật Đản” do BBT Làng Mai phiên tóm tắt.

Có những nước Á Châu như nước Sri-Lanka, vào ngày Phật Đản không có ai bị đói bụng hết. Tại vì nhà nào cũng để mâm cơm ở trước cửa và bắt cứ ai đói bụng cũng đều được mời ăn cơm đó. Trong ngày Phật Đản không có ai bị đói vì nhà nào cũng cúng dường cơm, chùa nào cũng cúng dường cơm. Đây là một truyền thống có từ mấy ngàn năm trước, từ thời Đức Thế Tôn.

Tại thành phố Hué ở Việt Nam, vào ngày Phật Đản không ai giết một con gà, một con vịt. Ngày đó tất cả mọi người đều ăn chay, khi ra chợ những người bán hàng cũng chỉ bán đồ chay thôi. Đó là một ngày không sát sinh. Trong ngày Phật Đản và từ trước đó, nhiều người đã thả chim, thả cá tạo niềm vui và hiến dâng sự sống cho nhiều loài hữu tình. Đó là cách thực tập từ bi để báo ơn Bụt. Ngày này, chúng ta thực tập từ bi bằng nhiều cách: Không sát sinh mà lại phóng sinh, không trùng phạt mà lại tha thứ. Ngày Phật Đản là một cơ hội để cho các nhà cầm quyền có cơ hội phóng thích tù nhân.

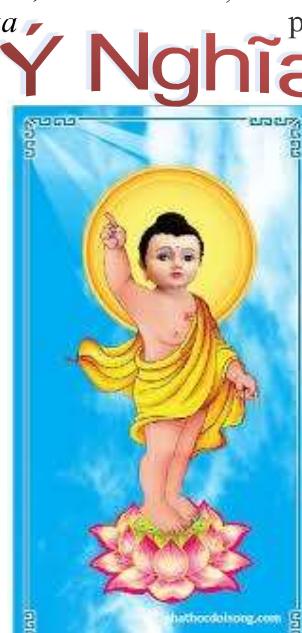
Có một người sinh cách đây 2600 năm mà cách sống của người ấy vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm trong xã hội loài người, người đó phải có một nhân cách rất vĩ đại. Chính vì

vậy cho nên chúng ta xưng tụng người đó là Đức Từ Bi. Những người Phật tử sống ở châu Âu và châu Mỹ đã chấp nhận ngày Giáng Sinh là một ngày lễ của người Phật tử. Đối với người Phật tử thì không khó khăn gì để chấp nhận đức Kitô là một vị Bồ Tát. Vì vậy người Phật tử sẵn sàng để ăn Noel. Thay vì giết một con gà lôi (gà tây) để ăn Noel thì người Phật tử ở phương Tây lại ăn chay để khỏi phải sát sinh. Nếu người Phật tử cứ thực tập như vậy một hồi thì ở châu Âu và châu Mỹ người ta sẽ chuyển hướng, họ cũng sẽ không giết một con gà lôi mỗi khi ngày Giáng Sinh tới.

Ở Việt Nam, ngày này Phật tử làm lễ đài rất lớn, có những xe hoa được trang hoàng công phu. Nhưng phải làm sao để đừng bị tốn kém, đừng phung phí vì thiêng dục vốn là một truyền thống của Phật giáo. So với lễ Noel thì lễ Phật Đản ít tốn kém hơn nhiều. Nếu quý vị Phật tử ở các nước châu Âu, châu Mỹ mà làm lễ Noel cho đảng hoàng theo tinh thần Phật Đản thì sẽ gieo được những hạt giống tốt. Các thân hữu Kitô sau này cũng sẽ chịu ảnh hưởng và sẽ tôn trọng sinh mạng của các loài cầm thú và cây cỏ.

Chúng ta là những người con Bụt, đã quy y, tức là đã quay về nương tựa Bụt. Nhưng từ nhỏ tới lớn chúng ta đã có nhiều quan niệm về Bụt khác nhau, cái quan niệm về Bụt của chúng ta cứ thay đổi hoài. Khi còn là một em bé, quan niệm về Bụt của chúng ta khác. Lớn lên, tìm hiểu, đọc sách về Bụt thì quan niệm của chúng ta về Ngài lại khác hơn. Theo năm tháng, ý niệm của chúng ta về Bụt ngày một thay đổi. Nếu tu tập tinh tấn thì tới một ngày nào đó chúng ta có một ý niệm về Bụt rất gần với sự thật. Ví dụ mình tu hành sáu mươi năm, hay sáu mươi lăm năm thì mình có thể trải qua bảy mươi hay tám mươi cái quan niệm về Bụt. Nhưng nhờ sự tu chứng, mình sẽ đi qua một cái ý niệm về Bụt sát với sự thật hơn. Nếu mình có một quan niệm về Bụt thì có thể quan niệm đó chưa gần với sự thật lắm đâu. Chúng ta phải sẵn sàng để buông bỏ cái ý niệm đó đi.

Trong Cơ đốc giáo cũng như Phật giáo, người



## Lễ Phật Đản

ta nghĩ đến đức Kitô hay đức Thích Ca với những tư liệu mà người ta có được trong Thánh Kinh và trong Kinh Bụt, rồi dựa vào những tư liệu đó mỗi người có một ý niệm về Chúa hay về Bụt cho riêng mình.

Cái đó cũng đúng thôi, nếu chúng ta thực tập cho sâu sắc thì chúng ta biết rằng Bụt cũng vô thường mà Chúa cũng vô thường. Vô thường đây không có nghĩa là sau khi chết không còn nữa, vô thường đây có nghĩa là sau khi chết thì vẫn tiếp tục, nhưng tiếp tục dưới hình thức khác. Cho nên đi tìm Chúa, đi tìm Bụt là trách vụ của người tu học. Mà tìm Bụt ở đâu? Tìm Chúa ở đâu? Bụt và Chúa có phải là những thực tại nằm ngoài chúng ta không? Đó là vấn đề cần phải đặt ra.

Chúng ta có một hình ảnh về đức Thích Ca qua những tư liệu mà chúng ta thu nhập được từ kinh điển. Đó là hình ảnh một vị thái tử thành Ca Tỳ La Vệ, lớn lên trong nhung lụa, tới khi trưởng thành thì bỏ nhà đi xuất gia, tu khổ hạnh, sau đó thành đạo và đi thuyết pháp bốn mươi chín năm. Đó là hình ảnh về đức Thích Ca của chúng ta. Khi tạc tượng hay vẽ hình thì chúng ta căn cứ trên dữ liệu đó. Ta phải biết rằng đó chỉ là hình ảnh đầu của đức Thích Ca mà thôi, sau khi ngài nhập diệt thì hình ảnh đó trở nên khác. Cho nên mình phải thực tập như thế nào để đừng bị dính mắc vào cái hình ảnh của Bụt mà mình đã tạo dựng ra từ những tư liệu mà mình đã sử dụng trong kinh điển.

Ban đầu thì đó là sự thật hết, chúng ta cần có một hình ảnh, và những hình ảnh đó mình tìm thấy được trong kinh điển. Chúng ta cần cái hình ảnh, nhưng nếu chúng ta bị vướng mắc vào cái hình ảnh đó và nghĩ rằng Bụt bây giờ cũng vẫn như xưa thì chúng ta sai lầm. Nếu cứ tưởng rằng Bụt bây giờ vẫn giống như Bụt của hai ngàn sáu trăm năm trước. Rằng sau khi chết tướng của Ngài không thay đổi, Ngài vẫn đang ở đâu đó trên trời hay dưới biển thì chúng ta lầm to. Chúng ta bị rơi vào một cái kiến chấp gọi là thường kiến. Còn nếu nói rằng: Sau khi chết Bụt không còn nữa thì đó là rơi vào đoạn kiến. Mà rơi vào đoạn kiến hay thường kiến thì cũng đều sai lầm cả.

Vậy thì chúng ta phải đi tìm Bụt như thế nào để thấy được Bụt, để tiếp xúc được với Bụt như là một thực tại mà không phải là một ý niệm. Nếu quý vị tới từ truyền thống Cơ Đốc

Giáo thì quý vị cũng biết như vậy. Nếu mình đi tìm Bụt như thế nào thì mình cũng đi tìm Chúa như thế. Nếu mình kẹt vào ý niệm thường thì mình không tìm được Bụt, được Chúa, mình kẹt vào ý niệm đoạn thì mình cũng không tìm thấy Chúa, thấy Bụt. Cái ý niệm đó nó giam hãm mình.

Trong cuốn *Sám Pháp Địa Xúc*, đoạn đầu chúng ta quán Bụt như một vị thái tử, có vợ, có con rồi đi xuất gia và thành đạo. Nhưng phần tiếp theo của cuốn sách, chúng ta đã đi khá hơn, chúng ta đã thấy được sự tiếp nối của Bụt sau khi thành đạo. Thấy được hình ảnh giáo đoàn của Ngài, và sau nữa thấy được hình ảnh của Bụt khi Ngài già yếu. Đó chính là một phương pháp hành trì gọi là quán Bụt, tức là nhìn sâu để thấy được Bụt. Ban đầu thì mình có thể nương vào những hình ảnh của Bụt mà mình có được từ những tư liệu trong kinh điển. Nhưng sau đó mình phải đi xa hơn. Mình phải thấy cái hình ảnh ban đầu đó nó vô thường, và mình phải tìm thấy sự tiếp nối của Bụt một cách rõ ràng, chắc chắn mà đừng nương vào những tưởng tượng.

Đọc kinh điển chúng ta thấy rất rõ Bụt là một con người mà không phải là một vị thần linh. Nếu chúng ta nghĩ Bụt là một vị thần linh không hề thay đổi thì chúng ta lạc vào tà kiến. Chúng ta biết rằng không phải khi hình hài của chúng ta tan rã thì chúng ta mới bắt đầu tiếp tục mà chúng ta tiếp tục ngay trong khi hình hài này còn nguyên vẹn chưa bị tan rã.

Tại Làng Mai, chúng ta đã từng nghe nhiều lần câu nói: “Trong từng giây phút của đời sống hằng ngày, chúng ta chế tác những tư duy, những ngôn ngữ, những hành động”. Không có giây phút nào mà chúng ta không chế tác những tư duy, những ngôn ngữ, những hành động. Những tư duy, ngôn ngữ hành động đó mang chữ ký của chúng ta, đó là ba nghiệp. Đó là sự nối tiếp rất đích thực, rất cụ thể của mỗi chúng ta.

Bụt cũng vậy, Bụt cũng có sự tiếp nối bằng những tư duy, ngôn ngữ và hành động của Ngài. Đọc trong kinh chúng ta thấy được những tư duy của Bụt. Những tư duy của Ngài được ghi chép lại, được diễn tả bằng một cái cách nào đó, một ngôn ngữ nào đó. Nếu chúng ta thông minh một chút, chúng ta không bị mắc kẹt thì chúng ta có thể tiếp xúc được với cái tư

duy của Bụt. Những tư duy của Bụt được gọi là Chánh Tư Duy. Tức là những tư duy đi theo Chánh Kiến. Chánh Kiến là tuệ giác về vô thường, vô ngã, tương túc, bất sinh bất diệt, vô khúr vô lai. Có những tư tưởng ghi chép trong kinh có thể chưa phản chiếu được cái tuệ giác thâm sâu đó (tuệ giác vô thường, vô ngã, vô khúr, vô lai, vô sinh bất diệt). Nhưng nó cũng có thể là những tư duy của Bụt tại vì tư duy cũng có nhiều cấp bậc. Có những người chưa thể đi sâu vào sự quán chiếu thì cần cái tư duy đơn giản hơn để bám víu vào mà đi tới.

Ví dụ khi chúng ta niệm Bụt thì đức Thê Tôn là thầy của chúng ta. Là bậc đã qua tối một cách nhiệm màu; là bậc đã hiểu thấu thế gian; là bậc nhân sĩ cao tột có khả năng điều phục con người; là bậc thầy của cả hai giới thiêん và nhân; là bậc tinh thức toàn vẹn; là bậc đáng tôn sùng và quý trọng nhất trên đời. Đó là những quan niệm về Bụt. Đó là những đức tính của Bụt, là những danh hiệu mà người ta nói về Ngài. Nhưng nếu ta quan niệm về Bụt như vậy thì Bụt trở thành một cái ngã, một thực tại nằm ngoài ta và ta phải cầu nguyện vì ta không có những cái đó. Như thế thì chúng ta chưa đi sâu lắm. Đó chưa phải là tư duy đi đôi với tuệ giác vô thường, vô ngã và tương túc.

Trong khi chúng ta chấp tay lại quán tưởng thì chúng ta nói rằng: “Bụt ơi! Con biết rằng Ngài và con là hai thực tại, nhưng không phải riêng biệt. Con thấy rõ ràng là Ngài có trong con và con cũng có trong Ngài. Tại vì Ngài và con đều có tính cách tương túc, cho nên sự cảm thông giữa con với Ngài trở thành sâu sắc. Đó là một phép quán tưởng trước khi lạy để mình có thể tiếp xúc được với tự thân của Bụt chứ không phải với cái ý niệm về Bụt. “Năng lề sở lề tính không tịch” tức là chủ thể lạy (mình) và đối tượng lạy (Bụt) bản chất đều là không. Không túc là không có một cái ngã riêng biệt mà cái này có trong cái kia, cái kia có trong cái này. Bụt có trong ta và ta có trong Bụt. Lễ Bụt như vậy sẽ đánh tan được cái ý niệm Bụt là một thực tại riêng biệt nằm ngoài mình và mình phải đi cầu xin, tìm kiếm.

Các bạn theo truyền thống Cơ Đốc Giáo cũng có thể cầu nguyện với Chúa Giêsu như vậy. Nếu các bạn thấy Chúa như là một thực tại hoàn toàn khác biệt nằm bên ngoài mình thì

các bạn không tiếp xúc được với thực tại hiện tiền. Hôm trước có một vị linh mục Công Giáo đặt câu hỏi như sau:

*“Tại sao trong đạo Bụt không thiết lập một biểu tượng ở ngoài mình để cầu nguyện? Cầu nguyện như vậy mới có ý nghĩa.”*

Vị linh mục ấy đã hỏi tôi như vậy. Ý ông ta là cầu nguyện thì phải có đối tượng. Cầu nguyện phải là cầu nguyện với ai. Tôi đã trả lời rằng: Mình có thể nói chuyện với em bé 5 tuổi ở trong mình hay không? Em bé 5 tuổi cũng là mình, em bé 5 tuổi bị thương rất nặng, nhưng vì mình bận rộn quá nên không có thời gian đoái hoài tới. Bây giờ mình đã biết quay trở về để nhận diện em bé 5 tuổi trong mình. Khi mình muốn nói chuyện với em bé thì liền nói chuyện được ngay chứ sao không. Em bé đó với mình là một hay hai? Mình có thể so sánh bức ảnh của mình khi lên năm và một bức ảnh mới nhất của mình trong hiện tại và hỏi: em bé năm tuổi là tôi ấy với tôi đã trưởng thành là một hay là hai? Theo tuệ giác của đạo Bụt thì hai con người ấy không phải một cũng không phải hai. Em bé nhỏ xíu đó không giống mình bây giờ. Em bé đó với mình không phải là một (vì không giống nhau), nhưng mà cũng không phải là hai (vì mình là sự tiếp nối của em bé). Mình có thể nói chuyện với em bé rằng: “Em bé ơi, tôi biết là em bé đang còn đó, em bé đã từng bị thương tích, đã từng bị khổ đau, em bé cần tới tôi, em bé cần sự nuôi dưỡng và trị liệu. Nhưng mà tôi bận rộn quá, tôi ít có thời giờ trao với em bé, nói chuyện với em bé.”

Đó là nói chuyện, đó là một sự cầu nguyện. Em bé đó không cần phải là một thực tại ngoài ta. Cho nên sự cầu nguyện là như vậy.

Khi cầu nguyện Bụt hay Chúa cũng vậy. Ta không hẳn phải có một đấng hoàn toàn ở ngoài ta thì mới cầu nguyện được. Vì vậy cho nên trong đạo Bụt mỗi khi mình chấp tay lạy Bụt thì phải cẩn thận. Đừng có coi Bụt là một vị thần linh có ở ngoài mình. Câu quán tưởng “năng lề sở lề tính không tịch” rất là hay. Người lạy và người được lạy đều có tính cách tương túc, người này có trong người kia vì vậy cho nên sự cảm thông mới có thể có được và có một cách sâu sắc. Lạy Bụt như vậy không phải là một cái sự cầu xin, không phải là một quy lụy. Lạy Bụt như vậy là để tiếp

xúc với Bụt, mà Bụt này không phải là một thực tại nằm ở ngoài mình, Bụt này cũng chính là mình.

Mỗi khi ta chế tác được một chánh tư duy, một tư tưởng mà biểu lộ được tuệ giác vô thường, vô ngã, từ bi, trí tuệ và tương túc thì ta là Bụt. Khi ta chế tác một tư tưởng hận thù, kỳ thị, hay ganh ty thì ta không phải là Bụt. Khi ta nói ra được lời nói có yêu thương, có tha thứ, gây được niềm tin cho người thì ta là Bụt. Khi ta nói một câu dỗ dàn, ác độc, chua cay thì ta không phải là Bụt. Tại vì Bụt cũng ở trong ta mà ma cũng ở trong ta.

Và sự thực tập là làm thế nào để ta có nhiều cơ hội chế tác ra chánh tư duy. Những tư duy có từ bi, có hiểu biết, có thương yêu mà không có kỳ thị, ganh ty ; Làm sao để mỗi giây phút ta nói ra được lời thương yêu ; Làm sao để mỗi giây phút có được một hành động chăm sóc, bảo vệ thì mình là Bụt rồi, đi kiêm Bụt đâu nữa! Cho nên Tổ Lâm Tế mới nói: “Phật và Bồ Tát hả? Phật và Bồ Tát là ai? Là các vị đây chứ ai, các vị đang ngồi đây nghe pháp chứ ai”. Khi ta chế tác ra được một chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp túc là mình đã là Bụt rồi tại sao phải đi tìm đâu xa xôi. Vì vậy cho nên Bụt tại tâm là rất đúng.

Ta thấy rõ ràng là ta tìm thấy Bụt ngay trong tự tâm của mình, mà ta cũng tìm thấy Bụt ở trong tăng thân của mình. Tăng thân của mình là gì? Tăng thân là một đoàn thể đang thực tập để có thể chế tác được chánh tư duy, chánh ngữ và chánh nghiệp. Tăng thân của ta có thể không hoàn hảo, nó còn có lén xuống, còn khổ đau, còn hờn giận...Nhưng tất cả mọi người trong tăng thân đều có ý chí muốn tu học. Cho nên người nào tu giỏi thì có thể mỗi ngày chế tác ra được nhiều chánh tư duy, nhiều chánh ngữ và nhiều chánh nghiệp. Thị người ấy đang đại diện cho Bụt, đang tiếp nối Bụt, đang công hiến chất Bụt cho tất cả những người khác trong tăng thân. Đó là Bụt. Những người xuất sĩ nam hay xuất sĩ nữ, những người tại gia nam hay tại gia nữ. Người nào mà thực tập chánh niệm hay chánh định; người nào mà nhìn sâu để có một cái thấy biểu lộ được tính vô thường, vô ngã, tương túc, không kỳ thị và chế tác được những tư duy có chất từ, chất bi, chất hỷ, chất xả thì người đó là một sự tiếp nối của Bụt. Bụt không ở đâu xa, Bụt rất rõ ràng và cụ thể và mình có thể tiếp xúc với Bụt bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Mỗi

khi có những khó khăn, những buồn khổ kéo tới thì mình nói: “Bụt ơi! Con biết Ngài có đó, con muốn tiếp xúc với Ngài để cho con khỏe nhẹ”.

Với phương pháp theo dõi hơi thở và bước chân, ta ôm áp được những nỗi khổ niềm đau của chính mình. Bụt cũng vậy, khi nào có những nỗi khổ niềm đau thì Ngài biết trở về với hơi thở. Và hơi thở đó giúp cho Bụt ôm áp và lìa bỏ được những nỗi khổ niềm đau của mình.

Quý vị cũng vậy, mỗi khi quý vị có một sự bất an trong lòng, có một chướng ngại làm cho mình không có hạnh phúc thì cách hay nhất là trở về hơi thở. Hơi thở giúp mình chạm được vào nỗi khổ niềm đau, chạm được vào cái cảm giác bất an, mông lung của mình để ôm áp và chuyển hóa. Không những mình tiếp xúc được bằng hơi thở mà mình còn có thể tiếp xúc được bằng bước chân. Rất là hay.

Bụt cũng có thể có những khó khăn, khó khăn của Bụt cũng có thể đến từ bên trong hoặc từ bên ngoài. Nhưng mỗi khi có khó khăn tới thì Bụt biết tiếp xúc với những khó khăn ấy và mím cười với chúng rồi tìm cách chuyển hóa chúng. Nếu khi những khổ đau tìm tới với ta mà ta biết sử dụng hơi thở và bước chân để chạm vào và xoa dịu những khổ đau ấy thì ta cũng đang là một vị Bụt. Còn nếu khổ đau tới với ta mà ta không biết thực tập thì ta không phải là Bụt. Bụt có mặt 24 giờ đồng hồ trong một ngày.

Thê nên trong ngày lễ Phật Đản, chúng ta có cơ hội quán chiếu để thấy rằng có thể tiếp xúc với Bụt một cách rất cụ thể. Tôi nghĩ rằng nếu thấy được Bụt như vậy rồi thì Bụt không còn là một cái gì mơ hồ nữa, không còn là một đấng thần linh ở trên mây nữa. Chúng ta là đệ tử của thiền sư Lâm Tế thì chúng ta phải nhớ lời này: “Phật và Bồ Tát hả? Phật và Bồ Tát là ai? Là các vị đây chứ ai, các vị đang ngồi đây nghe pháp chứ ai”.

Mỗi chúng ta đều có khả năng ôm áp niềm đau, chuyển hóa niềm đau của mình và giúp cho người khác ôm áp niềm đau, chuyển hóa niềm đau của họ. Chúng ta đang làm công việc của Bụt, chúng ta đang là sự tiếp nối của Bụt.

Mỗi chúng ta đều có khả năng chế tác ra

những tư duy lành, những ngôn ngữ lành và những hành động lành đó là chúng ta đang nối tiếp sự nghiệp của Bụt – sự nghiệp thương yêu, sự nghiệp hiếu biết, sự nghiệp từ bi. Ai trong chúng ta cũng có thể làm được điều đó.

Thông thường, Bụt ở đâu thì quốc độ của Ngài ở đó. Ngài đi tới đâu cũng mang theo quốc độ của mình. Chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng là Bụt, chúng ta là sự tiếp nối của Ngài nên chúng ta cũng phải có cõi Bụt quanh mình. Ví dụ ta ngồi nhìn ra cửa sổ thấy mùa xuân vẫn còn đang phơi phới, cỏ cây xanh mướt, hoa đua nhau khoe sắc thắm, ta thấy những thứ đó rất màu nhiệm. Tiếp xúc được với những màu nhiệm đó thì ta thấy cuộc đời này đẹp đẽ quá. Ta có thể ngồi trên một góc cỏ nhìn ngắm mọi thứ trong tâm trạng không có đau buồn. Ta ngắm một cái lá sen, ngắm một cái lá tre trong bình an thì lúc đó ta là Bụt.

Nếu bị giam hãm trong những cơn buồn giận, ta không tiếp xúc được với những màu nhiệm của thiên nhiên thì ta không phải là Bụt, ta đang không có cõi Bụt bao quanh. Bụt ở đâu thì cõi Bụt ở đó. Khi ta có an lạc, hạnh phúc thì quang cảnh xung quanh cũng có an lạc, hạnh phúc. Khi một sư anh, sư chị hay sư em không dễ thương mà mình ôm được cái không dễ thương đó, mình nhìn sư anh, sư chị, sư em của mình với con mắt từ bi thì mình là Bụt và sư anh, sư chị, sư em ấy là cõi Bụt của mình. Nhìn bằng con mắt từ bi thì mình khỏe và cõi của mình trở thành cõi tịnh độ. Nhìn bằng con mắt đau buồn trách móc thì mình không phải là Bụt và cõi xung quanh của mình không phải là cõi Bụt. Đó là sự thực tập của chúng ta. Một tăng thân được thiết lập ra là để tiếp nối Bụt.

Một người thực tập cũng là sự tiếp nối của Bụt. Nhưng nếu được sống trong tăng thân, được cùng tăng thân thực tập thì chúng ta sẽ được che chở, được yểm trợ nhiều hơn. Vì vậy tu tập mà có tăng thân thì dễ dàng hơn rất nhiều. Nương vào anh, vào chị, vào em, và vào những người bạn đồng tu để mỗi giây phút mình có thể chế tác được chánh tư duy, chánh ngữ và chánh nghiệp. Khi chế tác ra được ba cái đó thì trong người mình có Bụt và xung quanh mình là cõi Bụt. Còn khi chế tác ra những chất liệu ngược lại thì trong người mình không có Bụt và xung quanh mình cũng không có cõi Bụt.

Chúng ta có thể đã từng nghĩ rằng các chương trình sinh hoạt tại Làng Mai khá dày đặc: Buổi sáng phải thức dậy sớm đi ngồi thiền, phải ăn sáng, làm việc, đi thiền hành, ăn trưa, rồi đi theo các lớp học, rồi ăn chiều, rồi lại ngồi thiền tụng kinh vào buổi tối. Vừa kết thúc khóa tu hai mươi mốt ngày đã sang khóa tu mùa hè, rồi đi Ý, đi Đức, đi Đông Nam Á... Giống như không có thì giờ để chơi. Chúng ta có cảm tưởng như là chúng ta bị một sức ép phải đi theo. Chúng ta cảm thấy chúng ta không có đủ không gian. Khi chúng ta cảm thấy mình bị ép theo thời khóa, chúng ta cảm thấy mình thiếu không gian, thì trong chúng ta lúc ấy không có Bụt, không có tăng thân và hoàn cảnh xung quanh ta cũng không phải là cõi Bụt.

Ở đời có những người rất thích hát. Họ không có phải là người tu nhưng buổi sáng thức dậy họ muốn hát một bài. Trong khi xả nước tắm, họ vừa tắm vừa hát. Nhưng có những người khác khi thức dậy không hát được, lúc tắm họ cũng không hát được, tại vì họ bị kéo bởi hàng trăm thứ lo toan, dự tính trong lòng. Thường thì đó đều là những lo toan không đáng có như tại sao mình cứ phải dậy sớm đi làm? Không biết hôm nay ở công ty ra sao? Chết rồi, tí nữa phải nhớ đi đồ xăng v.v... Cùng thức dậy vào buổi sáng nhưng hai người này khác nhau: một người thì có niềm vui trong lòng do biết an trú, một người thì không có niềm vui do bị những lo toan kéo đi. Khi ta có niềm vui trong lòng thì thế giới xung quanh trở thành cõi Bụt. Khi có phiền não trong lòng thì thế giới xung quanh trở thành cõi Ta Bà.

Trong tu viện, mỗi sáng ta đều thức dậy đi ngồi thiền. Ngồi thiền làm cái gì? Ngồi thiền tức là khởi làm gì hết, lúc ấy không có ai sai mình phải làm cái này hay làm cái kia. Chỉ ngồi yên thôi thì sướng biết bao nhiêu. Thủ hỏi trên thế gian này có biết bao nhiêu người thức dậy được ngồi yên trong vòng nửa giờ hay một giờ? Được ngồi thiền rất yên vào buổi sáng giống như có tiếng hát trong lòng và ngồi thiền không phải là một cái áp lệnh nữa, mà là một niềm vui. Khi ngồi thiền mình có thể tiếp xúc được với Thầy, với sư anh, sư chị hoặc sư em đang ngồi chung với mình và mình được nuôi dưỡng. Cũng như có người khi thức dậy mở cửa sổ ra là có thể hát được. Ta cũng vậy. Khi thức dậy ta thấy được ngồi thiền, được đi thiền hành là một niềm vui. Ngồi

thiền và đi thiền hành đó không phải là công việc, không phải là một áp lực, không phải là lao tác cực nhọc mà mình phải trả nợ như là một người công dân.

Ở bên ngoài đa phần mọi người đều rất bận rộn không có cả thời gian để ngồi yên, trong khi đó tại tu viện, mỗi ngày chúng ta đều được ngồi yên không phải làm gì cả, đó là những cơ hội rất quý. Thế nhưng có lúc ta lại cảm thấy đó là một sự lao tác mệt nhọc, cảm thấy bị ép buộc. Khi ngồi thiền hay đi thiền hành mà ta biết cách an trú trong mỗi bước chân, mỗi hơi thở thì ta có an lạc, thành thoi. Lúc ấy ngồi thiền như là ngồi chơi, đi thiền hành như là đi chơi và xung quanh ta là cõi Bụt. Còn khi ngồi thiền hay đi thiền hành với tâm trạng bị ép uổng thì rất tội nghiệp và rất uổng.

Trong cùng một khung cảnh nhưng có người thì thành thoi, thư thái, có người lại cảm thấy gò bó, cảm thấy không có không gian, không có thời gian để sống cho mình. Có những người thấy rất hạnh phúc được ngồi thiền, được đi thiền hành, được nấu cơm cho đại chúng, được tổ chức và hướng dẫn khóa tu v.v... Trong khi đó lại có những người cảm thấy phải ngồi thiền, phải đi thiền hành, phải tổ chức khóa tu. Đối với những người ấy thì ngồi thiền, thiền hành không phải để sống cho mình, quét nhà, làm vườn không phải để sống cho mình. Cho nên tất cả là tùy theo cách mình nhìn. Cũng giống như ở ngoài, có những người họ rất thích đi làm vì họ yêu nghề. Lại có những người rất ngao ngán khi thức dậy thấy có một ngày làm việc trước mặt.

Thiền Sư Lâm Tế có nói với chúng ta rằng: “Quý vị đừng có tưởng tượng quá, đừng có nghĩ rằng cung trời Đâu Suất và đức Di Lặc ở trên mây. Quý vị đừng đi tìm báo thân, pháp thân, ứng thân và cũng đừng đi tìm Tịnh Độ, mất thời gian lắm. Quý vị chính là Bụt là Bồ Tát đó, nếu quý vị nhận ra được đời sống là những cái nhiệm màu”.

Có sáu đạo thần quang túc là sáu thức khiến cho mình có thể tiếp xúc được với tất cả những cái màu nhiệm đó. Cung trời Đâu Suất của đức Bụt Di Lặc, hay cõi Tịnh Độ hay tam giới có mặt hiện tiền để mình có thể tiếp xúc liền ngay được. Tam giới là tam giới của mình chứ đâu nữa? Người ta lặp đi lặp lại một cách máy móc

câu: “Tôi tu học để mau thoát khỏi tam giới”. Tổ Lâm Tế nói: “Đừng nói rằng quý vị đi tu là để thoát khỏi tam giới (cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc). Thoát khỏi tam giới thì quý vị đi đâu. Ở ngay trong tam giới này đã có đủ Bụt, Pháp, Tăng, có Tịnh Độ, cõi Bụt, có đủ hết”. Khi tâm mình có ham muốn thì tức là mình đang ở trong cõi dục. Khi tâm có từ bi, hiểu biết thì mình đang ở trong cõi bồ tát, cõi Bụt.

Chúng ta đã có cơ hội được nghe những lời giảng, những lời khai thị rất nhiệm màu của chư Tổ. Và chúng ta có cơ hội để được sống thật sâu sắc những giây phút của đời sống hàng ngày của chúng ta. Chúng ta có thể tiếp nối sự nghiệp của chư Bụt. Chư Bụt rất gần chúng ta để được tiếp nối một cách đẹp đẽ.

BBT Làng Mai phiên tả.

BBT xin cảm ơn anh Nguyễn Đăng Hùng đã gửi bài.

Nguồn: <https://thuvienhoasen.org/a9871/y-nghia-le-phat-dan-thich-nhat-hanh>



# Kinh Mừng Phật Đản

Vào xuân, khi nhìn thấy hoa tulip nở khoe sắc thắm trên các mảnh vườn dọc đường phố, tôi thầm biết sắp đến ngày rằm tháng tư, lễ mừng Phật Đản PL 2567 cận kề. Lòng tôi xao xuyến, dâng trào niềm vui khi nhớ đến không khí trang nghiêm, vang vang tiếng đại chúng tụng kinh mừng ngày Khánh Đản trong khói hương trầm lan tỏa của những năm trước Covid. Nếu không có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời cách đây hơn 2500 năm để chỉ cho nhân loại con đường giác ngộ giải thoát thì kiếp sống của chúng sanh sẽ còn tăm tối, đau khổ, trầm luân đến đường nào. Con người tuy có đôi mắt nhưng sẽ không trông thấy rõ sự vật trong bóng tối vì thiếu ánh sáng. Giáo Pháp của Đức Phật là ánh sáng trí tuệ nhiệm màu, bất khả tư nghị, giúp cho chúng sanh thấy rõ thật tướng của các pháp trong thế gian.

“Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cáp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vé. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có một con người mà xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian. Một con người ấy là ai? Đó là đức Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác\*. Đó gọi là một người xuất hiện ở thế gian, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở thế gian.

“Cho nên các Tỳ-kheo, hãy có tín tâm hướng đến Phật, chớ có nghiêng tà. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh Tăng Nhát A Hàm số 4)

Được làm đệ tử của Đức Phật, học hành giáo pháp của Ngài, ứng dụng Phật Pháp vào cuộc sống là hạnh phúc to tát nhất. Nói theo HT Tịnh Không, đó là sự hưởng thụ cao cấp nhất của kiếp người. Nếu không được học Phật, cuộc sống của con người chỉ quanh quẩn trong 18 giới của sáu căn,

sáu trần, sáu thức, luôn phóng tâm ra bên ngoài, không hề biết quay trở lại tìm hiểu ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) của thân tâm. Khi sống trong đời gặp nhiều đau khổ, ai cũng có khuynh hướng thoát khổ bằng cách thay đổi không gian, đi tìm nơi nào khác không có khổ đau. Kiếp này khổ quá thì cầu nguyện kiếp sau không khổ, hoặc tệ hại hơn là tự kết liễu cuộc đời, để chấm dứt sự khổ. Thiên tử Rohitissa đã hỏi Đức Phật nên đi tới đâu trong vũ trụ bao la này để thoát ly nỗi khổ. Đức Phật trả lời là không có nơi chốn nào cả trong tận cùng thế giới này mà hay ở nơi thân tâm của mình tìm thấy chân lý về sự khổ, nguyên nhân của sự khổ, sự diệt khổ và con đường chấm dứt sự khổ.



1. Một thời, Thέ Tôn trú ở Sàvatti, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thiên tử Rohitassa sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chiếu sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thέ Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thέ Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thέ Tôn:

- Tại chỗ nào, bạch Thέ Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới không?

- Nay Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.

2. - Thật vi diệu thay, bạch Thέ Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thέ Tôn; thật là khéo nói, bạch Thέ Tôn, lời nói này của Thέ Tôn:

"*Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới*". Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ân sỉ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thân thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai ném, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, đều tho đến 100 tuổi, đều đã sống một trăm tuổi, đều đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, nhưng giữa đường, con đã chết. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "*Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới*".

3. - Nay Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "*Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới*". Nhưng này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.

(Kinh Tương Ưng Bộ, Chương II Tương Ưng Thiên Tử, phẩm các ngoại đạo)

Ngày Phật Đản cũng có ý nghĩa nhắc nhớ ta nên xoay lại nhìn vào bên trong để nhận cho ra “ông Phật” sẵn có của chính mình. Hàng ngày, chúng ta luôn luôn sống với

tâm sanh diệt, cô phụ bản tâm chơn như hằng hưu của mình. Nhìn thấy chúng sanh miên man sống trong vô minh phiền não, tạo nghiệp để rồi mãi mãi trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, Đức Phật đau lòng xót thương nên đã giảng dạy giáo pháp nhiệm màu để cho chúng sanh được hạnh phúc, an nhiên tự tại. Nếu không học Phật, ta sẽ không bao giờ thấu cảm và hiểu được tình yêu thương to lớn của chư Phật dành cho chúng sanh. Chỉ cần áp dụng một chút xíu trí tuệ của Ngài, đời sống vốn dĩ đầy phiền não của ta sẽ thăng hoa, hạnh phúc đến không ngờ. Tôi có phước duyên được theo học Phật Pháp với Thầy giáo thọ của Tổ Đinh Phước Huệ bao lâu nay. Học biết như vậy tôi thầm tội nghiệp, cảm thương cho chính mình đã đời kiếp kiếp sống trong vô minh, phiền não và sẽ tiếp tục như vậy nếu không có ánh sáng trí tuệ Đức Phật chiếu soi. Đức Phật dạy ngài A Nan rằng được thân cận với các bậc thiện tri thức giáo thọ là nhân duyên thù thắng cho việc tiến đạo. Tôi muôn vàn cảm kích và trân quý nhân duyên đó mà hiện tôi đang có. Thành tâm kính tri ân Thầy Phước Viên và sư cô Phước Hỷ đã tạo duyên lành cho hàng Phật tử chúng con được học Pháp trên Zoom. Kính cảm niệm ân của Thầy Giáo thọ Tổ Đinh Phước Huệ đã bồ công sức giảng Phật Pháp hàng tuần cho chúng con.

*"Hạnh phúc thay Đức Phật ra đời,  
Hạnh phúc thay diễn nói chánh pháp;  
Hạnh phúc thay tăng già hòa hợp  
Hạnh phúc thay đồng tiền đồng tu"*  
(Kinh Pháp Cú, phẩm Phật Đà 194)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

## Diệu Duyên



# Vấn Đề Tích Trữ Tài Sản

Trong thời đại của Phật, có một thầy khất sĩ tên là Belatthisisa. Thầy thấy việc đi khất thực hằng ngày phiền toái, nên sau khi đi một vòng khất thực trong làng, thầy liền tìm nơi yên tĩnh để thọ thực. Thầy ngồi dưới một cây to, tán lá sum suê thật mát mẻ. Thọ thực xong, thầy tiếp tục đi khất thực qua những con đường khác. Thầy nhận thức ăn không có nước xốt hay càri, mang về tinh xá cát để dành. Nhập định được vài ngày, đói bụng thầy lấy ra dùng. Các thầy khất sĩ khác biết được phàn nàn với đức Thế Tôn. Nhân đó Phật công bố luật cấm chư tăng tích trữ thức ăn. Nhưng vì thầy Belatthisisa phạm lỗi trước khi Phật chế giới, nên thầy vô tội. Nhân đó Phật dạy cho các thầy khất sĩ khác:

*“Những vị A la hán không chất chứa tài sản, biết rõ mục đích của sự ăn uống, tự tại đi trong cảnh giới không, vô tướng, giải thoát như chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết”.*

Qua lời Phật dạy, ta thấy có ba vấn đề thiết yếu, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu khái lược qua.

## Tại sao Phật dạy một vị A la hán không được cất chứa tài sản?

Tài sản là mối họa hại. Nó là hiện tướng của lòng tham. Vì lòng tham nên người ta phải tìm đủ mọi cách để chiếm hữu. Người đời, vì tài sản mà họ tranh giành cầu xé sống chết với nhau. Họ bát chấp thủ đoạn thanh toán lẫn nhau. Cha con cũng có thể giết nhau. Vợ chồng cũng có thể tàn hại lẫn nhau...

Ngược lại, người xuất gia thì có khác. Người xuất gia thời Phật, như chúng ta đã biết, tài sản của các ngài chỉ là ba chiếc y thô và một bình bát (ứng lượng khỉ). Nếu có thêm, thì chỉ có một số dụng cụ lặt vặt như dao cạo tóc, tọa cụ, vải lược nước và kim chỉ để may vá v.v... Ngoài ra, các ngài không được cất chứa bất cứ những thứ gì khác. Lý do, vì đời sống của các ngài là đi khất thực. Đã sống cuộc đời hành khất rày đây mai đó, không có chỗ nới nhất định, thì thử hỏi tạo tài sản của cái để làm gì?

Phật biết rõ, những thứ vật chất tài sản là

những sợi dây trói buộc con người, nhất là đối với người xuất gia. Sống đời sống vô sản khỏi phải hệ lụy phiền hà. Từ đó dễ đối trị lòng tham. Vì lòng tham lam của con người không có cơ hội phát triển. Càng có tài sản nhiều, thì càng hệ lụy phiền toái rối rắm nhiều. Điều này không thể nào tránh khỏi.

Đọc câu chuyện trên, ta thấy thật cảm thương cho thầy Belatthisisa. Chỉ cất chứa một ít đồ ăn, không phải thứ cao lương mỹ vị gì, nước xốt càri còn không để vào, thì thử hỏi có thứ gì ngon đâu? Cà ri là thức ăn chính của người dân Ăn mà ngài còn không để vào bát. Thê thi, ta biết các ngài ăn kham khổ đến mức độ nào! So với vật thực thời nay thì sao? Chắc là khỏi phải nói. Cất chứa thức ăn của Đàn việt dâng cũng để tạm nuôi sống qua ngày tu hành, mà Phật còn cấm như thế, thử hỏi, còn những thứ khác thì sao? Chắc chắn đối với các ngài thì không bao giờ có. Như vậy, không giải thoát sao được. Bởi có thứ gì quý giá đâu để mà sanh tâm tham đắm.

Ngày nay đối với các nước Phật giáo Nguyên Thủy, thì các tăng sĩ vẫn còn giữ truyền thống khất thực như thời Phật. Tuy nhiên, vấn đề không cất chứa tài sản, như thời Phật, e rằng rất khó. Bởi những nhu cầu thời đại ngày nay có khác. Giới luật của những vị này, so với tăng sĩ Phật giáo phát triển (Đại thừa) thì có phần nghiêm nhặt hơn, ít ra, cũng trên phương diện hình thức.

Đối với Phật giáo Đại thừa, việc sinh hoạt trong các tự viện khác hơn thời Phật nhiều lắm, nếu không muốn nói là hoàn toàn. Lý do của sự biến đổi này, theo các nhà Đại thừa, thì cần phải thích nghi với thời đại. Việc thích nghi thời đại là điều tối cần thiết và hợp lý. Nhưng đứng trên phương diện giới luật mà nhận xét, thì ít nhiều gì, chúng ta cũng đã đi quá đà, nhất là vấn đề tạo mãi tài sản. Dù viện dẫn bất cứ lý do gì, ta cũng thấy nó là một trong những nguyên nhân gây ra sự tệ hại trong tăng đoàn. Chính sự tạo mãi nhiều tài sản, mang tính cách đầu tư thương mãi kinh tế để được có nhiều lợi nhuận cho cá nhân mình thụ hưởng, thì đây là một việc làm phải nói

khác xa thời Phật quá chừng.

Nếu đầu tư vì đáp ứng nhu cầu kinh tế tự túc cho tăng chúng có đủ phương tiện tu học, thì việc làm đó thật đáng kính và đáng được ủng hộ tán dương. Bằng ngược lại, thì đó là điều trái luật Phật chế và làm giảm mất thanh danh giá trị tăng đoàn rất nhiều. Đó là một thực trạng mà đã và đang xảy ra.

Nói lên điều này, để chúng ta ý thức cần trọng trong việc tu hành theo lời Phật dạy, nếu chúng ta muốn thực sự tu hành để giải thoát. Bởi vì giữa giải thoát và ràng buộc nó là hai phạm trù đối nghịch nhau. Hễ có cái này thì không có cái kia.

Ngẫm kỹ lại, thời Phật có đủ cơ duyên giải thoát rất lớn. Nhờ vào oai đức lớn lao của Phật và nhờ vào sự bảo hộ chặt chẽ của tăng đoàn, nên việc tu hành của các ngài mau có kết quả giải thoát. Đối với thời đại của chúng ta ngày nay, những yếu tính đó đã không có. Có chăng, chỉ trên chút hình thức và quá hời hợt.

### **Thế nào biết rõ mục đích của sự ăn uống?**

Câu nói: “ăn để sống, chứ không phải sống để ăn”, tự nó đã có một giá trị hạn chế lòng tham ăn của con người. Người đời thường nói: “Tham thực cực thân”. Thật vậy, con người cũng vì muốn ăn cao lương mỹ vị cho béo bổ xác thân mà ngày đêm phải lao tâm mệt xác. Làm trối chết để cung phụng cho xác thân. Có lầm người vì tham ăn món ngon vật lạ mà ra tay giết hại biết bao sinh vật không một chút từ tâm. Thật là đáng ghê sợ!

Ngược lại, đối với người tu hạnh giải thoát, Phật dạy, nên biết rõ mục đích của sự ăn uống. Mục đích của sự ăn uống là gì? Có phải ăn uống cho nhiều để nuôi vóc thân hư huyền này ngày càng cho béo bổ phì nộn hay không? Chắc không ai trả lời là phải. Vì ngày nay, thân thể ai càng béo phì thì người đó càng cảm thấy đau khổ chứ không sướng ích gì!

Người tu càng tiết chế ăn uống chừng nào, thì càng lợi ích chừng ấy. Lợi ích trên mọi phương diện, lợi ích trong sự tu học. Nói tiết chế, chứ không phải khô hạnh. Chúng ta cần biện biệt điều đó. Không nên hiểu là lời Phật dạy. Ở đây, Phật không nhằm thúc chúng ta về mặt ăn uống cho có vệ sinh hay kiêng cử chọn lựa thức ăn. Vì thức ăn mỗi thời, mỗi nước có khác. Tùy theo tập quán và truyền

thống ăn uống của mỗi quốc gia. Nhất là trong thời đại kỹ nghệ tân tiến ngày nay, việc ăn uống so với thời Phật khác xa.

Gạt ngoài những điều kiện nói trên, ở đây, Phật nhằm bảo người xuất gia nên phải biết tiết chế ăn uống vừa đủ. Ăn để mà có thêm sức khỏe tu học. Không nên có tâm tham đắm. Vì tham đắm là trái với hạnh người tu. Ăn là một nhu cầu cần thiết đáp ứng cho cơ thể về mặt sinh lý. Nhưng đừng vì thế mà quên lãng cái căn bản của sự tu học. Đừng vì miếng ăn mà tranh giành với nhau làm mất đi phẩm giá cao thượng của người tu.

Trong năm phép quán tưởng của người xuất gia khi thọ thực, Phật Tổ đã dạy rất kỹ. Nhất là điều phép quán thứ năm “ăn là vì thành đạo nghiệp, nên mới thọ cơm này”. Ăn là vì muốn sớm thành tựu đạo quả, chứ không phải ăn vì nuôi lớn vóc thân. Đó là lời cảnh tỉnh thiết yếu cho chúng ta trong mỗi khi thọ thực. Chúng ta cần phải nhớ rõ điều này.

### **Thế nào là tự tại di trong cảnh giới “không vô tướng giải thoát”?**

Đây là một vấn đề thật khó hiểu và cũng thật hệ trọng trong việc thật hành. Người tu, muốn được tự tại qua lại trong thế giới hiện tượng đầy cảm dỗ của vật chất, không phải là chuyện dễ dàng. Nên ở đây, Phật dạy, mỗi người phải trang bị cho mình đầy đủ ba yếu tố: KHÔNG, VÔ TƯỚNG, và GIẢI THOÁT.

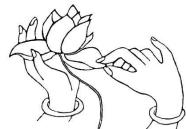
Thế nào là KHÔNG? Chữ KHÔNG ở đây, chúng ta chứ vội hiểu không đổi lại với có. Mà không ở đây, nó có nghĩa là tánh không của vạn pháp. Vạn vật do duyên hợp mà thành hình. Đã do duyên hợp, tất nhiên, các pháp chỉ là giả tướng. Trên mặt hiện tượng thì giả có, trên mặt bản thể thì không. Nói gọn thực thể của các pháp là không. Thí dụ cái đồng hồ chẳng hạn. Ai dám bảo cái đồng hồ là không có. Nếu không có, thì tại sao ta biết được giờ khắc để đánh keng báo hiệu giờ giấc. Ta không thể phủ định là không có. Nhưng sự có mặt của cái đồng hồ, chỉ là giả có. Nó chỉ có tạm thời, nói theo lý vô thường. Nói theo lý vô ngã, thì thực thể của nó là không, mặc dù nó đang chạy tít tắc từng giây phút. Sở dĩ nó hoạt động như thế là vì do nó có đủ duyên. Khi không đủ duyên, thì nó không còn hoạt động bình thường nữa được. Chữ KHÔNG này là chữ không của Bát nhã. Tánh của các pháp là không.

Thế nào là VÔ TƯỚNG? Vô tướng nghĩa là không có cái tướng chân thật. Tuy không có cái tướng chân thật, nhưng mọi sự vật trên đời không phải là không. Tất cả đều có hình tướng sai khác. Nhưng những hình tướng này, chỉ là tướng không rõ ràng tuếch, không có cái tướng thật. Thí dụ thân tướng mỗi người chúng ta, tuy có mập ốm, cao thấp khác nhau, nhưng tánh chất của mỗi người đều giống nhau. Tất cả đều do 4 yếu tố: đất, nước, gió, lửa, kết hợp mà thành. Như nhìn vào đám mây, ta biết đám mây không có tướng thật. Vì đám mây do những thứ không phải là mây đủ duyên kết hợp lại mà thành. Như sức nóng của mặt trời, nước ở các ao, hồ, sông, biển... những thứ này không phải là mây. Nhưng nếu không có những thứ này thì đám mây không có. Nhìn như thế là cái nhìn vô tướng của mọi sự vật. Thế là, ta không bị dính kẹt vào hữu tướng của đám mây.

Thế nào là GIẢI THOÁT? Nhận hiểu vạn vật chỉ là huyền ảo, tánh của nó là không. Nên chúng ta không sanh vọng tâm chấp trước. Do không chấp trước mà tâm ta được an vui giải thoát. Nói theo yếu lý của nhà Thiền, thì tâm cảnh không đến với nhau, chính ngay đó là giải thoát. Như vậy, giải thoát không tìm đâu xa, chính ngay nơi các pháp hiện tiền mà tâm ta không nhiễm trước, thì ngay đó là giải thoát rồi. Bởi vậy, câu cuối cùng Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ cụ thể như “*chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết*”. Làm sao tìm thấy được dấu vết của chim? Tuy không có dấu vết của chim mà bầu trời trong tịnh vẫn có.

Cũng vậy, mọi hiện tượng của cuộc đời đều hiện bày nhanh nhản trước mắt chúng ta, nhưng nếu chúng ta không để tâm dính mắc vào bất cứ một thứ gì, thì có khác nào chim bay ngang qua bầu trời mà không có để lại dấu vết gì cả. Mong sao, mỗi người chúng ta nên bắt chước hình ảnh của con chim kia tự tại thông dong bay qua lại tự tại trong bầu trời mà không vướng mắc thứ gì. Đó là một hình ảnh siêu thoát vô cùng, vô tận vậy.

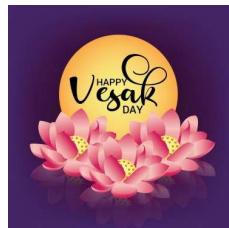
### Thanh Trì



## Kính Mừng Phật Đản

Hôm nay Phật ra đời  
Tôi thấy lòng vui tươi  
Đến chùa dâng hương Phật  
Nhìn Ngài miệng mỉm cười  
Chuông chùa nhẹ nhẹ ngân  
Lòng tôi thấy lâng lâng  
Người nhìn lên đức Phật  
Như sạch hết bụi trần  
Hương trầm nghi ngút bay  
Tôi quỳ chắp hai tay  
Miệng niệm Nam Mô Phật  
Thấy lòng nhẹ nhàng thay  
Thân Phật tự lưu ly  
Tâm Phật rất từ bi  
Trí Phật thật sáng suốt  
Không còn tham sân si  
Nhìn Phật thiện thân tôi  
Nhiều kiếp mãi luân hồi  
Thọ thai trong bụng mẹ  
Mang thân đây thúi hôi  
Thân này được sinh ra  
Khác nào bãi tha ma  
Chứa xác động, thực vật  
Nhiều bệnh tật thúi tha  
Bao năm sống ở đời  
Tạo nhiều nghiệp chuồng thoi  
Chạy theo tình, danh, lợi  
Khi chết bỏ hết rồi  
Đời người thật buồn thay  
Khác nào một đám mây  
Theo gió mà tụ tán  
Bao giờ giải thoát đây?  
Phật Đản lại trở về  
Tôi như tinh con mè  
Theo Phật lo tu niệm  
Không cố chấp, khen, chê

### Văn Thân





# Chào mừng Đại lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc - Vesak Day 2023

tại Tổ đình Phước Huệ, Sydney, Australia 06/05/2023

## I/ Vài nét về Vesak Day

Vesak là tiếng Sinhalese của người dân Sri Lanka (Tích Lan). Tiếng Pali là Vesakha, tiếng Phạn (Sanskrit) là Vaisakha, là tên gọi của một tháng theo lịch xưa của Ấn Độ, thời Đức Phật còn tại thế. Tháng Vesak tương đương với tháng 5 dương lịch và tháng 4 âm lịch.

Cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) và Phật giáo Đại thừa (Mahayana) đều công nhận Đức Phật Đản sanh vào tháng Vesak.

Trong truyền thống của Phật giáo Nguyên thủy, Vesak được xem là tháng thiêng liêng nhất, vì Đức Phật Đản Sanh, Thành Đạo và nhập Niết Bàn đều vào ngày Trăng tròn của tháng Vesak.

Chính vì vậy, Lễ Vesak (ngày trăng tròn tháng Vesak) là ngày đại lễ vô cùng quan trọng, được gọi là lễ Tam Hợp (Hợp nhất 3 sự kiện quan trọng trong cuộc đời Đức Phật: Đản Sanh, Thành Đạo và Niết Bàn)

Năm 1982, Đại hội Phật giáo tại Sri Lanka, với sự đồng thuận của 34 quốc gia tham dự, một thư kiến nghị đã được ký và gửi lên Liên hiệp quốc, xin công nhận Đại lễ Vesak là ngày lễ quốc tế.

Trải qua 17 năm tìm hiểu và xem xét, thông qua sự phát triển và ảnh hưởng của Phật giáo trên thế giới, đến ngày 15/12/1999, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã chính thức chấp nhận đề nghị trên và khẳng định:

Công nhận Lễ Vesak là ngày Đại lễ của thế giới, là Lễ Hòa Bình Liên Hiệp Quốc.

Công nhận Lễ Vesak là ngày Lễ thiêng liêng nhất của thế giới.

Công nhận sự đóng góp của Phật giáo là những đóng góp thiết thực cho thế giới như: Đạo đức, Hòa bình, Tâm linh, Bình đẳng, Bảo vệ môi trường v.v...

LHQ yêu cầu sự hỗ trợ tổ chức Đại lễ Vesak hàng năm, không những tại trụ sở chính của LHQ/ Newyork/ Hoa kỳ mà còn tổ chức ở tất cả các trụ sở của các nước thành viên từ năm 2000 trở đi.

Hơn 20 năm qua, Đại lễ Vesak đã được long trọng tổ chức tại trụ sở LHQ và tại quốc gia đăng cai cũng như trên toàn thế giới tại các quốc gia có Phật giáo phát triển.

Nước Úc của chúng ta cũng đã hân hoan đón chào Đại Lễ Vesak hàng năm và đặc biệt năm nay, dưới sự lãnh đạo của Thượng Tọa Thích Phước Tấn, Chủ tịch Tổng Hội Phật Giáo Úc Châu và là Tổng Thư ký Giáo Hội Phật Giáo

Việt Nam thống nhất Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan...đã kết hợp với Tổ đình Phước Huệ và các chùa Phật giáo Việt Nam cùng các chùa sắc tộc khác trên phạm vi lãnh thổ Sydney/ New South Wales...đồng tổ chức tại khuôn viên Tổ đình Phước Huệ vào ngày thứ Bảy 06/05/2023.

## II/Một số sinh hoạt trước giờ hành Lễ

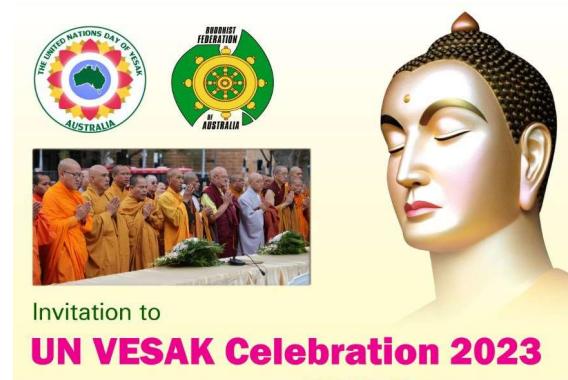
Sydney đang vào những ngày cuối Thu, thời tiết lành lạnh nhưng bầu trời lại trong vắt một màu xanh với vài cụm mây trắng hiền hòa lơ lửng, không đủ sức ngăn bớt những luồng ánh sáng rực rõ, liên tục chiếu rọi những tia nắng ấm áp trên khuôn viên Tổ đình Phước Huệ. Hôm nay là ngày Lễ Vesak.

Từ 9g sáng, rất nhiều Phật tử thuộc các sắc tộc: Việt Nam, Cambodia, Thái Lan, Lào, Sri Lanka, Korean, Taiwan, Trung Quốc...trong ban tổ chức đã tề tựu về Tổ đình Phước Huệ. Ai nấy đều diện những trang phục dân tộc xinh đẹp, khuôn mặt sáng ngời, bước đi thoăn thoắt... để hoàn thiện những chi tiết cuối cùng cho việc chuẩn bị đón chào chư Tăng- Ni và quý vị quan khách về đây tham dự buổi Lễ.

Ngay chính giữa Tam quan Tổ đình là một Đài tưởng niệm với 3 trụ màu vàng với độ cao lớn dần, trụ sau cao hơn trụ trước, được đặt thẳng hàng, hướng vào chánh điện. Bên trên mỗi trụ là một đoá sen hồng rất lớn, sáng tươi, lấp lánh dưới ánh mặt trời cùng ánh vàng phản chiếu từ 3 bức tượng Đức Thế Tôn, được đặt trang trọng trong từng đài sen. Theo thứ tự từ ngoài vào: Tượng Đản sanh, tượng Thành đạo và tượng Nhập Niết Bàn.

Phía ngoài cổng, quý thành viên Ban tổ chức đang đứng đợi chào đón chư Tăng- Ni và quan khách.

Bên trong khuôn viên Tổ đình, quý thành viên



BTC đang thoăn thoắt cùng nhau trong công việc đón chào, hướng dẫn ...quan khách. Khuôn mặt ai cũng vui vẻ, sáng ngời và bắt đầu lấm tấm mồ hôi!

Quanh sân Tổ đình, các gian hàng Kinh sách, Phật cụ, quà lưu niệm, nước giải khát, thức ăn...bắt đầu nhộn nhịp hân hoan với dòng người đến dự lễ càng lúc càng đông hơn. Đặc biệt, một lối đi bằng thảm nhung màu đỏ được lót vòng quanh bên ngoài chánh điện, lác đác dọc theo hai bên lối đi là những đoá sen đủ màu, như đang nở rộ, sẵn sàng đón những bước chân của quý Tăng-Ni.

Hai bên lối đi trải thảm này, rất đông Phật tử các sắc tộc, kẻ quỳ người đứng hoặc tụm năm tụm ba, trên tay ôm các phẩm vật hoặc tịnh tài, đợi giờ được “Sót Bát” cho quý vị Tăng –Ni. Khuôn mặt mọi người đều sáng ngời, hoan hỷ. Trong trai đường, chư Tôn đức Tăng – Ni đang ngồi đàm đạo bên những tách trà nóng, cùng chờ đợi giờ hành Lễ.

### 9g45

BTC bắt đầu yêu cầu Phật tử tham dự Lễ đứng đọc theo lối đi quanh chùa.

### 10g00

Từ trai đường, hơn 100 vị Tôn Túc Tăng-Ni bước ra nhận Bát, chậm chậm bước trên lối đi trải thảm. Một bức tranh quá đẹp đã được quý Ngài và Phật tử dựng lên dưới ánh nắng vàng rực rỡ: Suốt dọc lối đi, Phật tử đã chen vai nhau dâng cúng phẩm vật trong tiếng niêm Phật đều đặn “Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”. Khuôn viên Tổ đình Phước Huệ như vừa rộn ràng hân hoan lại vừa trang nghiêm sâu lắng theo từng bước chân của quý Ngài. Phải chăng chúng ta đang tái hiện lại hình ảnh của Tăng đoàn do Đức Phật hướng dẫn ngày xưa, đang đi khất thực qua những ngôi làng!? Và có lẽ tinh thần “Lục Hoà” của nhà Phật đã được



thể hiện ở một khía cạnh nhất định khi mà các màu áo đỏ, nâu, vàng đậm, vàng nhạt, lam... của các Tông phái đang được đan xen qua muôn màu sắc rực rỡ của những bộ trang phục truyền thống của nhiều sắc tộc khác nhau trên đất nước Đa văn hóa mà chúng ta đang sinh sống!

### 10g50

Những vị Ni cuối cùng đã kết thúc vòng “Khát thực” quanh chùa.

Chư Tôn Đức Tăng – Ni và quan khách thọ trai tại trai đường và giảng đường

Phật tử cùng dùng cơm dưới bóng mát của những bông cây và dưới cǎn lều ngay trước chánh điện.

Sau bữa trưa, một số vị Tôn Túc thong dong thả bước quanh sân chùa; đó đây từng nhóm Phật tử xin được hầu chuyện hoặc chụp ảnh cùng quý Ngài, sân chùa như linh hoạt hấn lên trong sự tương tác, đan xen nhau giữa nhiều ngôn ngữ và sắc màu!

## III/Nội dung buổi Lễ chính

### 12g30

Đoàn Phật tử dâng hoa tiến vào chánh điện, xếp thành hai hàng hai bên lối đi để đón chào 109 vị Đại lão Hòa Thượng và Chư Tôn Đức Tăng-Ni của 39 ngôi chùa thuộc các Tông Phái và các sắc tộc khác nhau quang lâm lễ đài.

### 12g40,

Thay mặt BTC, người dẫn chương trình chào mừng Chư Đại lão Hòa Thượng, chư Tăng Ni và toàn thể quan khách cùng quý Phật tử Đa sắc tộc về dự Đại Lễ Vesak tại Tổ Đinh Phước Huệ.

- Phút mặc niệm.

- Tụng Kinh cầu nguyện: Bằng tiếng Pali Theo

truyền thống Nguyên Thủy và tiếng Việt theo truyền thống Đại Thừa.

### 12g50

- Giới thiệu thành phần tham dự:

109 vị Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng –Ni từ các chùa, tự viện thuộc nhiều sắc tộc và truyền thống Phật giáo khác nhau trên lãnh thổ NSW (Cambodia, Lào, Thái Lan, Miến Điện, Trung Hoa, Tích Lan, Đại Hàn, Việt Nam...)

- Quý đại biểu, chính khách đại diện chính phủ Úc thuộc các cấp chính quyền Liên bang và Tiểu bang.

- Quý Thân hào nhân sĩ thuộc cộng đồng Phật tử Việt Nam.

- Quý Phật tử thuộc các sắc tộc và các truyền thống văn hóa từ khắp nơi thuộc tiểu bang NSW.

### 13g00

Đạo từ của Thượng Tọa Thích Phước Tân, Chủ tịch Tổng Hội Phật Giáo Úc Châu, Tổng Thư ký Giáo Hội Phật Giáo Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan, Trụ trì Tổ Đinh Phước Huệ/Sydney và Chùa Quang Minh/Melbourne:

\* Thật tuyệt vời cho toàn thể chư Tôn Đức và Phật tử chúng ta đang có một ngày thật đẹp để cùng về đây, cùng gặp nhau nhằm kỷ niệm ngày Đức Phật Đản Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn.

\* Trân trọng cảm ơn quý thành viên thuộc tất cả các sắc tộc trong BTC.

\* Trân trọng cảm ơn Thượng Tọa Thích Phước Viên, Phó Trụ trì và chư Tăng Ni Tổ đinh Phước Huệ.

\* Trân trọng cảm ơn quý Phật tử của tất cả các sắc tộc...đã tạo nên ngày hội hôm nay.

- Bà Tiến sĩ /Dr Patricia Jenkins, đọc thư chúc mừng Đại lễ Vesak của Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc.

- Ông Bộ trưởng Năng lượng và Khí hậu, Chris Bowen, đọc thư chúc mừng của Thủ tướng Úc đến cộng đồng Phật giáo Úc Châu nhân Đại lễ Vesak.

- Dân biểu Cabramatta, Luật sư Võ Trí Dũng, đọc thư chúc mừng của Thủ hiến NSW.

### 13g30

Thượng Tọa Thích Phước Tân thỉnh mời chư Hòa Thượng cùng lên lề đài dâng hương cúng Phật: Nghi thức tụng Kinh được thực hiện qua các ngôn ngữ Pali, Tây Tạng và Việt Nam.

BTC dâng cúng đèn sáp nhỏ cho quý Tăng-Ni và toàn thể Phật tử tham dự ngưỡng mong toàn

thể cử tọa cùng láng lòng, tọa Thiền.

Qua ánh sáng lung linh của ngọn đèn trên tay, cùng hướng đến trạng thái giác ngộ của Đức Phật và cùng nhận thức bản chất bẩm sinh của Phật tánh tiêm ẩn bên trong mỗi chúng ta.

#### 14g00

- Quý vị chính khách và thân hào nhân sĩ được mời dâng phẩm vật cho quý Đại Lão Hoà Thượng
- Quý Phật tử trong BTC dâng cúng phẩm vật đến chư Tăng-Ni



#### 14g15

Đại diện chư Tăng-Ni và quan khách phát biểu cảm nghĩ:

**- Thầy Dhammadavesi:** Hôm nay, chư Tăng, Ni chúng tôi đã nhận được rất nhiều phẩm vật cúng dường từ BTC và cộng đồng Phật tử sắc tộc. Quà từ buổi sáng, rồi bữa ăn trưa và vừa mới đây thôi, chúng tôi lại tiếp tục nhận được sự dâng cúng của quý vị! Rất cảm ơn quý vị. Mong rằng quý vị tiếp tục chăm sóc những vị Tăng-Ni lớn tuổi bằng sự cúng dường thực phẩm, thuốc men và những gì cần thiết cho đời sống để họ có điều kiện tu học. Đồng thời, quý Tăng-Ni cần phải biết thuyết Pháp, biết giúp đỡ cho quý Phật tử có đời sống an lành, biết hướng dẫn cho Phật tử tu tập v.v...

Quý vị đã thực hành tâm bố thí một cách thiết thực. Chúng tôi cầu nguyện cho quý vị đạt được đời sống an vui, cơ thể vật lý khỏe mạnh, trường thọ và trí huệ ngày càng phát triển. Đây cũng chính là điều quan trọng cho chúng tôi thực hành lời Phật dạy...

**- Bà Barbara Ward,** Phó thị trưởng thành phố Ku-ring-gai: Hôm nay là một ngày quan trọng và tuyệt vời! Ngày Đản sanh, Chứng ngộ và Nhập diệt của Đức Phật. Cả thế giới đều chúc mừng. Đức Phật đã dạy cho chúng ta cách

sống và phát triển tâm thức. Quý vị đã cung dường đèn lên Tam bảo và cầu nguyện cho tất cả chúng ta, cho thế giới có một đời sống an vui. Chúng ta đã được gặp nhau trong sự an hòa. Cám ơn BTC đã mời tôi tham dự buổi Lễ hôm nay.

**- Thượng Tọa Satit,** Tổng thư ký Tổng hội Phật Giáo Úc châu: Cám ơn Chư Tăng-Ni, quan khách và toàn thể Phật tử của tất cả các sắc tộc đã đến tham dự buổi lễ hôm nay. Cám ơn tất cả các nhà tài trợ, các thiện nguyên viên đã hết lòng trợ giúp cho buổi lễ hôm nay được thành công tốt đẹp. Hi vọng sẽ có một ngôi chùa tiếp theo, tinh nguyện đứng ra tổ chức cho đại lễ Vesak năm sắp tới.

**- Thượng Tọa Thích Phước Viên,** Phó Trưởng Tối cao Phước Huệ: Cám ơn Chư Tăng-Ni thuộc Tổ đình Phước Huệ, cảm ơn quý thành viên trong BTC, quý thiện nguyên viên đã nhiệt tình giúp đỡ cho buổi lễ được hoàn tất.

#### 14g45

Buổi lễ kết thúc viên mãn.

Chư Tăng-Ni và toàn thể quan khách, Phật tử...cùng chụp hình lưu niệm trước chánh điện.

#### Ban Tin Tức Tổ đình Phước Huệ



Phái đoàn cung thỉnh Chư Tôn Đức

# Nghĩ Về Ngày Phật Đản

Mùa Xuân qua đi, mùa Hạ lại tới, tiếp đến là Thu, Đông. Đời người chẳng khác nào thời tiết bốn mùa thay đổi không ngừng. Trong bài *TM Sñn*, vua Trần Thái Tôn đã tả mùa hè thật nóng bức, khí trời oi ả, khiến cho cây khô, cỏ cháy, cảnh vật tiêu diêu, xơ xác, chẳng khác nào thân người già yếu, tóc bạc, mặt nhăn, mắt mờ, tai điếc, lưng cong, tay chân run rẩy, nhìn lại đời người quá ngắn ngủi, thật là buồn bã, đau thương.

*Người đời nào khác bợt bèo trôi  
Thọ yếu đừng trông ở số trời  
Cảnh vật, cảnh dâu tàn hạ nắng  
Thân dường liễu úa, tiết Thu rơi.*

Đồng Minh dịch

Tuy thời tiết mùa hè khắc nghiệt đối với vạn vật, nhưng lại giúp cho sen trong đầm sinh trưởng, vượt khỏi bùn lầy hôi hám, trổ hoa, kết hạt, tỏa hương thơm thanh khiết, làm mát dịu lòng người, khiến các loài ong bướm phải tránh xa. Người bình dân đã tả đặc tính và hương sắc của sen như sau:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,  
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng,  
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*

Như vậy, ai ở trong cõi đời ô trược này mà tâm rỗng lặng không bị ô nhiễm thì chính là hoa sen vậy.

Tô xưa đã mượn hoa sen để ngụ ý nói lên cái diệu lý tu hành cho mọi người theo đó mà thực hành...

*"Sen nở trong đầm đó, trắng tươi,  
Sanh ra trong nước, đẹp hương thơm  
Thân ngay ngó rỗng, gương đây hột  
Ấy lý tu hành cũng thé thôi "*

Vậy thì sen trổ hoa ở ngoài mặt nước, thơm tho, nhưng gốc sen vẫn nằm sâu trong bùn lầy hôi thối, giống như Đức Phật đã tự nguyện vào đời tu hành thành Phật để cứu độ chúng sanh mà không bị nghiệp trần lôi cuốn, làm ô nhiễm. Vì vậy trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói rõ mục đích ra đời của Ngài như sau: Ta ra đời vì một nhân duyên lớn là mở bày chỉ cho chúng sanh nhận biết được Phật tánh của mình. Đó còn gọi là tuệ giác, là bản thể, là chơn tâm, là Nhu Lai, là tri kiến như thật có khả năng



nhận chân được thật tánh của vạn pháp. Chỉ có nhận rõ được Phật tánh của mình, nhìn thẳng vào sự thật, con người mới có thể giải thoát được mọi khổ đau triền phược của kiếp người.

Ngày nào con người còn sống trong sự dối trá, lừa đảo, tránh sự thật, còn chấp nhận thân phận nô lệ của mình, còn lo âu sợ hãi thì thế giới này vẫn còn đắm chìm trong điên đảo, hận thù chiến tranh, chém giết khổ đau. Nhiều nhà độc tài trên thế giới hiện nay đang có nguy cơ diệt vong nên cố bám chặt vào chiếc phao quyền lực đầy tham tàn bạo ngược, ngông cuồng tự đại, gây ra không biết bao nhiêu là thảm cảnh chết chóc, đau thương cho người dân vô tội hàng ngày. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có dạy: "Những kẻ cuồng si cứ mãi lo nghĩ như thế này, đây là con cái của ta, tài sản của ta nên cố ra sức gìn giữ. Nhưng họ không biết rằng chính bản thân không phải là của họ nữa, huống chi là con cái hay tài sản của họ"

Đức Phật xuất hiện ở cõi đời uế trược này như đóa sen hồng tươi thắm, nở giữa chốn bùn lầy, tỏa hương thơm thanh khiết. Ngài không tự cho mình là một vị Thượng đế hay đấng tạo hóa toàn năng tạo ra những mệnh lệnh, bắt buộc con người phải tuyệt đối tuân theo mà chỉ xác nhận Ngài là một con người. Nhưng là một con người đã giác ngộ thấy rõ sự thật của thế gian, thấy rõ sự sanh diệt của chúng sanh trong mười phương thế giới, nhất là chiến thắng được đạo quân hung dữ của ma vương là tham, sân, si,慢, nghi, tà kiến, ác kiến,...đã làm cho nhân loại phải cúi đầu khâm phục.

Sự ra đời của Ngài rất cần thiết như vạn vật cần không khí và ánh sáng mặt trời để sống. Trong bài " Mừng ngày Phật Đản", tác giả đã viết:

*"Ngài về đây để chỉ bày chân lý  
Học tiếng người mở ra đạo từ bi".*

Như vậy, chính lòng từ bi mà Ngài ra đời để

chỉ cho chúng sanh chân lý, nhận biết cái tâm chân thật sẵn có của mình và ngày ra đời của Ngài còn biểu hiện sức mạnh thiêng liêng của đại hùng, đại lực, đại từ bi mở ra cho nhân loại một kỷ nguyên mới. Đó là kỷ nguyên của từ bi và trí tuệ, xóa bỏ mọi gai cù bất công, áp bức, xây dựng cho đời một xã hội tình thương, bình đẳng, giác ngộ, giải thoát. Đức Phật đã dạy: "Ta là Phật đã thành. Tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành."

Thế thì mỗi chúng sanh đều có thể thành Phật, nếu tự mình biết vươn lên, dùng sức mạnh tuệ giác để chiến thắng ma quân: ma phiền não, ma ngũ ám, ma chết và thiên ma ba tuần. Tuệ giác đó còn gọi là Phật tri kiến hay tri kiến như thật. Người có tri kiến như thật dù ở trong hoàn cảnh nào cũng nhận diện được sự thật, sống trong sự thật, hành động theo sự thật. Nhờ sống trong sự thật mà lịch sử truyền bá Phật Giáo suốt hơn 25 thế kỷ qua trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển hiện nay, được nhiều người ngưỡng mộ. Tuy có bị các thế lực chính trị đánh phá hay hòn quân, bạo chúa tiêu diệt nhưng rồi lại được khôi phục hơn xưa, như loài cỏ dại ẩn tàng trong đất đũi duyên nước và ánh nắng là sinh sôi, nẩy nở.

Riêng ở Việt Nam, lịch sử Phật Giáo hơn 2000 năm cho thấy đạo Phật luôn gắn liền với dân tộc và đã góp phần làm rạng rỡ những trang sử oai hùng, công hiến những giá trị lớn lao vào gia tài văn hóa tinh thần của nòi giống Tiên Rồng.

Đó là nhờ các vị sư thật chứng bằng tuệ giác mà đạo Phật đã nung đúc nên những con người Việt bất khuất, kiên cường, nhưng rất cần cù, nhân hậu. Dân tộc Việt Nam tiếp nhận đạo Phật như vạn vật tiếp nhận ánh sáng của trăng sao trên nền trời mây dịu vì họ đã tìm thấy ở đạo Phật những giá trị thiết thực trong cuộc sống hàng ngày và những phẩm chất cao thượng của đời sống tâm linh. Đó cũng là di sản tinh thần truyền lại cho con cháu từ đời này qua đời khác không ngừng. Sư Vạn Hạnh là người đã thực chứng và đã thấy được thật tánh của vạn pháp nên đã vượt lên trên sự sống chết có, không, thành, bại thịnh suy của cuộc đời với một tinh thần lạc quan, vô ngã, vô cầu, vô úy và áp dụng nguyên lý duy nhất ở thế giới sự vật "bất biến ứng vạn biến" để phụng sự quốc gia dân tộc mà không tham đắm lợi danh. Sư không trụ vào chỗ có trụ, không nương vào chỗ không trụ để trụ, thoát ra khỏi cái ý thức

nhập thế của đạo Nho và xuất thế của đạo Lão vậy.

*Thân như bóng chớp chiều tà  
Có Xuân tươi tốt, Thu qua rụng rời  
Sá chi suy thịnh việc đời  
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành*  
Thích Mật Thể dịch

Như vậy, muốn có được cái tri kiến như thật, sống trong sự thật, người đệ tử Phật cần phải giữ gìn giới luật của Phật, thực hành giới, định, tuệ. Bởi vì có giới luật thì mới tạo nên được thiền định và thiền định ở bậc cao thì đương nhiên trí huệ tự nó khai sáng vậy. Trong sách *Quy Nguyên* có bài kê cũng nói lên ý đó như sau:

*Giới hay sinh định, định hay sanh tuệ  
Huệ thì sinh tâm, minh tâm thì kiến tánh thành  
Phật.*

Do đó, giới luật rất quan trọng đối với người con Phật. Nó là ngọn đuốc soi đường cho người đi đêm, là thuyền bè đưa khách qua sông và còn là tuệ mạng của người Phật tử. Người có giới luật lúc nào tâm hồn cũng được an vui, thanh tịnh và được chư Thiên, Long thần ngày đêm phù trợ. Trong kinh Niết Bàn, trước giờ Đức Phật nhập diệt đã nhiều lần căn dặn đệ tử: "Này các Tỳ kheo, các ông phải lấy giới luật làm Thầy". Ngài còn dạy các đệ tử phải thể hiện lòng từ bi đối với mọi loài và không được ăn thịt chúng sanh: "Ta dùng con mắt Phật xem thấy chúng sanh trong ba cõi luân hồi, sáu đường ác đều có giác tính. Tất cả đều là cha mẹ của nhau. Vậy các con không được ăn thịt." Thế thì đức Phật dạy các đệ tử giữ giới để có trí tuệ và không ăn thịt chúng sanh thì lòng từ bi phát khởi. Chỉ có lòng từ bi mới dứt bỏ hết hận thù, đau khổ và chỉ có trí tuệ, con người mới thoát khỏi vô minh, phiền não, triền phược hàng ngày. Vậy thì lòng từ bi phải đi kèm theo với trí tuệ, nếu không sẽ trở nên mù quáng, nhu nhược.

Trong Kinh Pháp Cú, đức Phật cũng đã dạy: "Hãy tinh tấn giữa đám người buông lung. Hãy tinh táo giữa đám người mê ngủ. Kẻ trí như con tuấn mã, thẳng tiến, bỏ lại sau những con ngựa yếu hèn."

Như vậy người đệ tử Phật lúc nào cũng phải biết tỉnh thức cuộc đời là vô thường, thân người ngắn ngủi, nếu không tinh tấn tu hành thì khi bỏ thân này rồi phải chịu trầm luân khổ hải. Nhưng tiếc thay, hiện nay chúng ta thấy

nhan nhản khắp nơi khắp chốn, ở trong nước cũng như ở ngoại quốc nhiều kẻ cung tự xưng là người xuất gia, Phật tử, nhưng chẳng chút giữ giới tu hành mà chỉ biết chạy theo thế tục tham danh, háo lợi, bày ra nhiều trò buôn thám, bán thánh, lập đàn, phá ngục, giải oan đói gạt người đời để thu lợi. Nhiều vị còn mờ khách sạn, buôn bán các thứ để kiếm lời. Thật là:

“Việc sống chết chẳng lo lường

Nỡ đem gương tánh mà vương bụi trần”

Kỷ niệm ngày Phật Đản là cơ hội tốt cho mọi người Phật tử gặp nhau, cùng nhau thắp nén tâm hương cúng dường đức Phật, tưởng niệm ơn giáo hóa của Ngài, đồng thời đọc lại những lời dạy bảo của Ngài để kiểm điểm bản thân, soi rọi lòng mình, tìm ra những ưu điểm mỗi ngày mà cố gắng thêm lên để làm tròn bốn phận người đệ tử Phật. Người đệ tử Phật là người biết giữ giới luật. Lúc nào cũng thể hiện lòng từ bi hỷ xả đối với mọi người, biết dùng trí tuệ hướng dẫn hành động của mình sao cho phù hợp chánh pháp, làm tan biến đi óc mê hoặc, ích kỷ, không còn tâm niệm đia phuơng, bè phái. Người đệ tử Phật còn phải biết sống lợi tha, mở rộng cõi lòng thương người như thương mình và luôn tâm niệm cứu người, giúp đời, để đời bớt buồn khổ. Ngoài ra, còn phải biết quán vô thường, thân người giả tạm, bất tịnh, cuộc đời là phù du mộng huyễn, nhờ thế mà bớt đi mọi tham cầu vật chất:

Sương khuya rơi nhẹ trên cành  
Nằm đêm mà nghĩ tấm thân bợt bèo  
Đến đi mang được gì theo  
Mà sao thế sự lầm điêu thị phi?

Được như thế thì ngày kỷ niệm Phật Đản mới có ý nghĩa lớn vậy.

## Đồng Minh

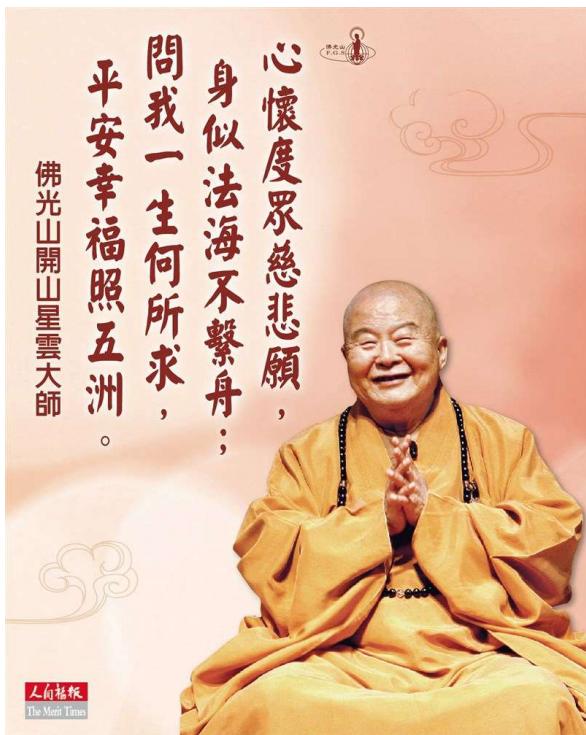
# Mừng Ngày Phật Đản

Hôm nay đức Phật vào đời,  
Mười phương chấn động, cung trời vang ca.

Mừng ngày đức Phật sinh ra,  
Tử bi thị hiện Ta bà độ sinh.  
Ngài ra đời lúc bình minh,  
Tại thành La Vệ đầy tình yêu thương.  
Vô ưu hoa nở ngát hương.  
Côn trùng táu nhạc du dương mừng Ngài.  
Trên cành chim hót vui tai,  
Dưới sông cá lượn, hulu nai reo mừng.  
Trăng rằm tỏa ánh sáng trưng,  
Ngàn sao lấp lánh cây rừng hò reo.  
Cung đình hoa kết đèn treo,  
Người giàu cho đến kẻ nghèo vui thay!  
Trên trời nhạc trỗi rất hay,  
Hoàng cung yến tiệc suốt ngày đón ca.  
Quần thần yết kiến vào ra,  
Khắp nơi dân chúng nhà nhà hân hoan.  
Trên trời năm sắc hào quang,  
Chiếu soi khắp cả ba ngàn đại thiên.  
Các đạo sĩ đang tọa thiền,  
Thấy hào quang la vội liên hạ son.  
Cùng nhau tìm đến hoàng cung,  
Xin gặp Thái tử chúc mừng ngợi ca.  
Chúng sanh trong cõi Ta Bà,  
Vang lời chúc tụng Thích Ca giáng trần.  
Các loài ma quái quỷ thần,  
Nghe Phật xuất thế ăn mừng khắp nơi.  
Chư thiên ở các cõi trời,  
Mừng ngày Phật đản sống đời bình yên.  
Ở địa ngục khổ triền miên,  
Hướng về Phật đản được liền thoát sinh.  
Súc sinh đang bị hành hình,  
Một lòng hướng Phật bỏ mình siêu thăng.  
Ngã quỷ lửa đốt không ăn,  
Hướng về Phật đản siêu thăng cõi lành.  
Loài thai, thấp, hóa, noán sanh,  
Hướng về Phật đản phước lành tăng thêm.  
Cô hồn dạ quỷ về đêm,  
Mừng ngày Phật đản được lên thiên đàng.

## Tuệ Tỉnh





# The Everlasting Star in Humanity

In Memory of  
Venerable Master  
Hsing Yun

1927-2023

星雲

## Vài lời giới thiệu:

Ngày 5/2/2023, từ Taiwan, một bản tin làm chấn động lòng những người con Phật trên khắp thế giới. **Hòa Thượng Tịnh Vân**, người khai sáng và lãnh đạo Phật Quang Sơn, Taiwan, đã an nhiên thu thần thi tịch vào ngày rằm tháng Giêng, năm Quý Mão, trụ thế 97 năm. Đại sư Tịnh Vân đã mang hết tâm lực trong suốt cuộc đời mình để hoàn thành nhiệm vụ hoằng dương chánh pháp và rộng độ quần sanh.

Khắp thế giới đã làm lễ tưởng niệm Ngài rất thành kính và trang nghiêm tại các cơ sở Phật Giáo, chi nhánh Phật Quang Sơn trên thế giới. Tổ Đinh Phước Huệ được mời đến dự Lễ Tưởng Niệm Ngài tại chùa Nam Thiên ở Wollongong để tham dự lễ tưởng niệm vào sáng ngày thứ hai 14/2/23 với sự hiện diện đông đảo của Chư Tăng Ni và đại đa số Phật tử khắp nước Úc.  
Để tưởng niệm công hạnh và công đức xiển dương chánh pháp lớn lao của Đại Sư, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu vài nét về cuộc đời và sự nghiệp hoằng pháp lời sanh của Ngài.

**I will be back..... Ngài sẽ trở lại .....**

“và nguyện được tiếp tục là một nhà sư để hoàn thành ước nguyện hoằng hóa độ sanh, xiển dương Chánh pháp”. Đó là nguyện ước sau cùng của Đại sư Tịnh Vân, người khai sáng và lãnh đạo Phật Quang Sơn, Taiwan

Tuổi thơ sống bên cạnh bà nội, Ngài đã bắt đầu ăn chay từ năm 5 tuổi. Xuất gia năm 13 tuổi với Hòa thượng Chính Kai tại Chùa Chính Sia với pháp danh là Wu Che. Về sau trở thành đệ tử thứ 48 của dòng thiền Lâm Tế của Thiền tông Trung Hoa. Năm 20 tuổi, Ngài theo học Đại Học Phật Giáo Chiao Shan. Năm sau, Ngài đến trụ trì tại một ngôi chùa ở Nam Kinh và làm chủ bút một tờ báo Phật Giáo.

Năm 1949, nội chiến bùng nổ trong nước. Ngài đến Keelung, Đài Loan và trú ngụ tại chùa Yuan Kuang. Tại đây Ngài đã cho xuất bản cuốn sách đầu tay của mình là "Hát Trong Thầm Lặng" (Singing in silence). Năm 1950, Ngài bắt đầu học tiếng Nhật và làm chủ bút tờ nguyệt san "Đời sống" (Life).

Sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp của Ngài phát triển mạnh mẽ bằng vô số việc ích nước, lợi dân như giảng pháp, viết sách, in các bộ Đại từ điển Phật giáo, lập hội từ thiện, xây dựng đạo tràng, đào tạo tăng ni, thành lập hội thiêu niên. Ngài đã xây dựng nhiều Phật Học

viện ở khắp nơi, thành lập Viện Nghiên Cứu Phật giáo Trung Hoa.

Từ năm 1994 đến nay HT Tịnh Vân dành nhiều thời gian để phát triển Phật giáo tại các quốc gia phương Tây thông qua Hội Phật Quang Sơn quốc tế, một tổ chức Phật giáo gây ảnh hưởng rất mạnh mẽ đối với thế giới phương Tây (Hội đã tổ chức đại hội thường niên tại Canada, Úc, Pháp, Mỹ)

Người ta cho rằng Phật Quang Sơn là tài sản quý báu của phương Đông. Quả thật, đây là một minh chứng hùng hồn của diện mạo Phật giáo ở cuối thế kỷ 20 này như là một tôn giáo, một nền văn hóa, giáo dục, từ thiện và một cảnh quan hấp dẫn cho mọi người trong xã hội.

PQS còn là một sự cố gắng khôi phục lại nền kiến trúc cổ thâm mỹ, tráng lệ nhằm giới thiệu cho mọi người một giáo lý nhiệm màu của đức Phật.

Năm 1977, Hòa Thượng Tịnh Vân đã thành lập một Ủy ban Biên tu Đại Tạng Kinh với sự tham gia của những bậc trưởng lão đủ tài đức và những học giả nổi tiếng. Nhiệm vụ của Ủy ban này là biên soạn lại bộ Đại tạng trong một dạng ngôn ngữ hiện đại, với hy vọng rằng kỳ ấn hành mới này sẽ giúp cho người đọc dễ hiểu hơn, hiểu rộng hơn và có được niềm tin vào Chánh pháp mạnh hơn.

Ngoài công trình Đại tạng PQS, PQS còn cho phát hành bộ Phật Quang Đại Từ Điển (Fo Kuang Encyclopedia). Công trình biên soạn này đã quy tụ trên hai trăm người tham gia, phần lớn là xuất thân từ PQS Học viện. Sau mười năm làm việc cực nhọc, đến năm 1988, công trình đã hoàn thành. Đây là một bộ từ điển PG tập hợp được hàng trăm nghìn tư liệu, gồm 9 quyển, 23.000 mục từ, 7.000.000 thuật ngữ và 5.000 hình ảnh, biểu đồ nhằm giải thích từ cạn đến sâu, bổ túc cho những chỗ vắng tự giải thích chưa hết, chưa đủ. Về phần thuật ngữ, danh từ Phật học, địa danh, nhân danh, tự viện, am thất, tôn phái giáo nghĩa, điển tích, từ chung, pháp nghi, nghi quỹ, nghệ thuật kiến thiết, thoại đầu công án v.v... Không gì không sưu tập liệt kê ra, không gì không giới thiệu tường tận. Đối với người thời nay quả thật đây là một bộ Phật giáo Bách khoa toàn thư, không thể không có.

Với mục đích truyền bá giáo lý, từ năm 1959,

nha Xuất Bản Phật Quang Sơn (NXBPQS) đã ấn hành hơn 360 kinh sách, các loại băng cassettes và băng video bằng tiếng Hoa, Anh và Triều Tiên. Nhiều tác phẩm đã được ghi nhận là làm hài lòng đọc giả và có sự đóng góp nhất định cho xã hội. Ngoài việc phát hành nhiều ấn phẩm khác nhau như kinh điển, lịch sử, văn học, nghi lễ, báo chí, nghệ thuật, sách tham khảo, truyện ngụ ngôn, truyện cổ tích, truyện tranh v.v... NXBPQS còn ấn tổng hàng trăm nghìn đầu sách và băng giảng để phát không cho Phật tử trên khắp thế giới. Chẳng hạn năm 1992, có 200.000 đầu sách các loại được ấn tổng; 200.000 băng giảng và 30.000 băng video cũng được ấn hành.

Với mục đích truyền bá lời Phật dạy đến khắp tất cả mọi người để họ có được sự an lạc và hạnh phúc từ giáo pháp nhà Phật, HT Tịnh Vân đã cho thành lập Trung tâm Nghe-Nhìn PQS từ năm 1998. Trung tâm có đủ mọi thiết bị máy móc hiện đại để thu, sang và chế tạo các loại băng hình để phục vụ cho cộng đồng. Nổi bật nhất là Đài Truyền thanh PQS, từ thành thị đến thôn quê, từ miền duyên hải đến cao nguyên, mọi người ở Đài Loan đều có thể nghe được tiếng nói Phật giáo của Đài phát thanh này. Đặc biệt là Đài Truyền hình Phật Quang, từ năm 1962 đến nay PQS đã ký hợp đồng với Đài Truyền hình Đài Loan - TTV - để phát đi chương trình Phật giáo của tổ chức này vào mỗi buổi tối. Bằng phương tiện truyền thông hiện đại như thế, lời Phật dạy đã được truyền đi khắp nơi để cho mọi người dân nghe thấy và nâng cao đời sống tâm linh của họ. Và về phương diện cập nhật với thời đại tin học, PQS là tổ chức Phật giáo đầu tiên trên thế giới quản lý công việc bằng máy tính và mạng lưới Internet.

Ngài còn thành lập nhà sách PQS, Viện bảo tàng văn hóa PQS, và đã có tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để truyền chất Phật vào đời, cụ thể là tổ chức thuyết giảng và biểu diễn văn nghệ PG tại Đài Loan và gửi các đoàn giảng sư đi thuyết giảng. Trong mỗi dịp như vậy thính giả có hơn 10.000 người đến nghe.

HT Tịnh Vân cho rằng "Phật giáo phải là hiện đại, tiến bộ và sinh động, nó không phải là một bức tranh u sầu, ảm đạm và buồn chán". Ngài nói "Phật giáo cần có giới trẻ và những người trẻ tuổi cũng cần đến Phật giáo". Trường Đại Học PQS phần lớn là Tăng Ni sinh trẻ tuổi, yêu đời, tự tin và cống hiến. HT Tịnh Vân đã

ban tặng cho các tu viện PG Trung Hoa một không khí sinh hoạt hoàn toàn mới mẻ.

Đỉnh cao của Đại học PQS là nghiên cứu Phật giáo Trung Hoa, với chương trình đào tạo 3 năm bao gồm các môn nghệ thuật truyền giáo và thuyết giảng, giáo dục Tăng Ni, triết học, quản lý tự viện học, trụ trì học, nghi lễ.... Hoàn tất chương trình Tăng Ni sinh sẽ được cấp bằng Cử nhân Phật học sau khi trình luận văn tốt nghiệp gồm 60.000 từ. Tiếp đó, các vị sẽ học lên chương trình cao học và tiến sĩ.

Từ ngày thành lập Hội PQS đến nay, số lượng người theo quy y và hành trì Phật pháp ngày càng đông trên khắp thế giới. Với sự lãnh đạo tinh thần tài đức của HT. Tịnh Vân, 120 chi nhánh được dựng lên ở khắp năm châu lục, một trong những công trình điển hình, đó là Chùa Nam Thiên (Nan Tien Temple), một ngôi chùa PG lớn nhất ở vùng Nam bán cầu, tọa lạc tại thành phố Wollongong, tiểu bang New South Wale, Australia.

Chùa Nam Thiên không phải chỉ dành cho tín đồ của PG mà là dành cho tất cả, cho mọi người khác nhau trong xã hội, họ có thể đến thăm viếng, lễ bái và tham dự vào những chương trình tu học của Chùa để đem lại an lạc cho bản thân và gia đình và xã hội.

Chùa Nam Thiên là một nơi mà mọi người trở về để thực hành Phật Pháp. Những lớp giáo lý được giảng hàng tuần. Mọi người có thể về Chùa để cầu nguyện, tụng kinh và bày tỏ lòng ngưỡng mộ lên chư Phật. Họ cũng có thể ghi danh vào các khóa tu ngắn hạn và các khóa giáo lý dài hạn.

Là một trưởng tử Như Lai, Đại sư Tịnh Vân đã mang hết tâm lực trong suốt cuộc đời mình để hoàn thành nhiệm vụ hoằng dương chánh pháp và rộng độ quần sanh.

Ngài đã an nhiên thu thần thi tịch vào ngày 5/2/23 (rằm tháng Giêng Quý Mão), trุ thê 97 năm tại Đài Loan. Khắp thế giới đã làm lễ tưởng niệm Ngài rất thành kính và trang nghiêm tại các cơ sở Phật Giáo chi nhánh Phật Quang Sơn trên thế giới. Chùa Nam Thiên ở Wollongong đã tổ chức lễ tưởng niệm vào sáng ngày thứ hai 14/2/23 với sự hiện diện đông đảo của Chư Tăng Ni và đại đa số Phật tử khắp nước Úc.

## Ban Tin Tức

Mong  
Cầu

Chơn Tâm

*Người đời gẫm lại sống bao lâu?  
Giành giựt làm chi gây khổ惱  
Com áo sót chia chung hưởng lộc  
Đâu còn thù oán phải lo âu.*

*Con người cũng trí cũng tay chân  
Ra sức cản cù nuôi lấy thân  
Lười biếng ham vui rồi truy lạc  
Làm càn tội ác chẳng cân phân.*

*Ganh ghét hận thù cũng bởi tham  
Ngòi không muốn hưởng cảnh an nhàn  
Lợi danh thúc đẩy không suy nghĩ  
Cố góp cho mau đầy túi tham.*

*Mong cầu nhơn loại bót tham sân  
Vui sống gần nhau nhu bạn thân  
Gặp khó cùng nhau lo giải quyết  
Ấy là Cực Lạc tại hồng trần.*





# Vấn Đề Kết Bạn



**S**óng trong một xã hội, dù bất cứ xã hội nào xưa hay nay, vấn đề kết bạn tâm giao là một vấn đề rất thiết yếu và không thể thiếu. Tuy nhiên, bạn cũng có nhiều hạng: bạn tốt có, bạn xấu có, bạn bằng mình hay hơn mình đều có. Vì thế nên ông bà ta ngày xưa hay thường khuyến nhắc con cháu, nên chọn bạn mà chơi. Nếu là bạn tốt, thì ta nên kết thân giao du. Còn bạn xấu, thì tốt nhứt là ta không nên thân thiết gần gũi. Tìm cách tránh xa họ thì càng tốt. Bởi vì ta không muốn có những chuyện rắc rối phiền toái xảy ra sau này. Tránh nhân thì không có quả. Vì là bạn xấu, nếu ta giao du qua lại với họ lâu ngày, thì chắc chắn thế nào trước sau sớm muộn gì cũng có chuyện xảy ra không hay. Chỉ bằng ta nên tìm cách tránh trước là hay hơn. Đây là một kinh nghiệm thực tế trong xã hội. Và cũng là kinh nghiệm thực tế trong khi giao tiếp. Bạn xấu là bạn thường chơi gác và lợi dụng lòng tốt của ta. Họ giao du với ta là ngầm có ý mưu đồ trực lợi bất chánh. Vì thế, mà ta cần ý thức cảnh giác để khỏi làm mất lòng nhau. Vì người bạn xấu họ hay tìm cách hâm hại và nhát là đâm sau lưng ta. Họ là hạng tiểu nhân, tốt nhứt là ta không nên gần gũi.

Trong Kinh Pháp Cú, đức Phật có dạy: “Không gấp kẻ hơn mình, cũng không gấp kẻ ngang mình để kết bạn, thà quyết chí ở một mình còn hơn kết bạn với người ngu”. Trước khi tìm hiểu ý nghĩa về lời Phật dạy qua Pháp Cú này, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về sự kết bạn. Trong Kinh Hiền Nhân, có nêu ra về 4 cách kết bạn:

Kết bạn như hoa.  
Kết bạn như cân.  
Kết bạn như đất.  
Kết bạn như núi.

## 1. Thế nào kết bạn như hoa?

Bởi vì hoa là loài sớm nở tối tàn. Khi hoa mới nở còn xinh tươi đẹp đẽ, thì ai trông thấy cũng đam mê thích thú, trầm trồ khen ngợi. Đến khi hoa héo úa tàn phai rồi, thì không ai để ý dòm ngó tới. Cũng một bó hoa đó, mới hôm qua, người ta còn yêu thích trọng vọng, nhưng hôm

nay, thì cũng bông hoa đó lại bị người ta hất hủi rẻ khinh. Đức Phật dùng hoa để dụ cho sự kết giao với bạn bè cùng thê. Khi ta còn địa vị giàu sang (như bó hoa còn tươi tốt), thì lăm bạn nhiêu bè, tới lui giao hảo, tiệc tùng chén tặc chén thù, thân mật vui cười hỷ hạ. Nhưng đến khi ta bị sa cơ thất thế, nghèo hèn túng thiếu (như hoa héo tàn) thì bạn bè ai nấy cũng lánh xa, không một người nào dám cho ta thấy mặt. Quả đúng như những câu ca dao đã nói:

*Khi vui thì vỗ tay vào  
Đến khi hoạn nạn thì nào có ai*

\*\*\*

*Còn tiền còn bạc còn đệ tử  
Hết tiền hết bạc hết ông tôi.*

Thật là:

*Thế thái nhơn tình gớm ghét thay  
Nhạc, nồng trong chiếc túi voi đầy  
Hết không điều lợi, khôn thành đại  
Mà có đồng tiền, dở cũng hay*

Thế thái nhơn tình là thế đó! Tình đời bạc bẽo như vôi là thế ấy!

## 2. Thế nào là kết bạn như cân?

Kết bạn như cân là vì cái cân muốn cho hai quả cân thăng bằng với nhau, thì người ta phải để trên đó hai vật có trọng lượng bằng nhau. Nếu một cái nặng, một cái nhẹ, tất nhiên là cái cân sẽ không cân bằng. Phật dạy, kết bạn như cân cũng thê. Khi giao tiếp bạn bè, đôi bên phải giữ cho cân bằng nhau. Người đời thường nói: “Bánh ít đi thì bánh qui lại”. Hay: “Có qua có lại mới toại lòng nhau”. Đó là nguyên tắc giao tiếp kết bạn, nếu ta muốn giữ cho tình bạn được lâu dài. Còn nếu như bánh ít cứ đi hoài mà bánh qui thì bắt mù tăm tít không thấy lại, tất nhiên, cán cân đã bị chênh lệch rồi và như thế, thì sớm muộn gì tình bạn cũng sẽ bị nứt rạn tan rã thôi! Nếu muốn giữ cho tình bạn được lâu bền, thì không có cách gì hơn là ta phải theo nguyên tắc đó.

*Than ôi!  
 Bánh ít cứ mãi đi hoài  
 Bánh qui không thấy mặt mày tăm hơi  
 Tình bạn như thế hé t chơi  
 Cân cân chênh lệch còn chơi nỗi gi!*

### 3. Thế nào là kết bạn như đất?

Vì đất là nơi sanh sản ra muôn vật. Là chỗ vạn vật nương tựa an ổn. Dùng đất để dụ cho người bạn tốt đáng cho chúng ta giao du qua lại. Khi ta chơi với bạn tốt, lòng ta cảm thấy tin tưởng an ổn vui vẻ hơn. Vì người bạn tốt, như là một thiện hữu tri thức đáng cho ta tin cậy nương nhờ. Như đất là chỗ cho muôn loài nương tựa. Bạn tốt là người sẵn sàng giúp đỡ ta khi ta gặp cơn hoạn nạn. Họ là người chia sẻ đắng cay ngọt bùi với ta. Họ là người hiếu, thương và thông cảm ta hơn ai hết. Chính họ mới là người đáng cho ta tin cậy gởi gắm tâm sự. Những lúc lòng ta bị rối bời, chính họ là người an ủi khuyên lòn ta. Họ không giống như người bạn xấu, lúc ta gặp hoạn nạn, thì họ lại ngoảnh mặt làm ngơ. Do đó, bạn tốt là bạn mà ta cần kết thân giao du. Giao du thân mật, để hôm sớm có nhau. Tương thân tương trợ và tương kính nhau. Điều ta nên nhớ, chơi bạn dù thân mật đến đâu, cũng phải giữ sự chừng mực và hết lòng tương kính nhau. Có tương kính thì tình bạn tốt mới được lâu dài. Thân nhau không có nghĩa là lợi dụng nhau. Nếu một trong hai, có ý đồ lợi dụng, thì chắc chắn tình bạn sẽ bị nứt rạn sứt mẻ ngay. Dù cho bạn tốt tới đâu, cũng không thể nào bền lâu được. Cũng như đất, tuy rắn chắc, nhưng có đôi khi cũng bị sụp lở, nếu chúng ta đào moi hầm sâu vào. Cho nên muốn giữ tình bạn tốt được lâu dài, thì ta không nên có ý đồ lợi dụng và thiếu thành thật tôn trọng với nhau.

### 4.Thế nào kết bạn như núi?

Vì núi là nơi an toàn nhút để cho chim muông bay về làm tổ. Nơi đó, vì ít người lai vãng. Dùng núi để dụ cho người có đức hạnh. Vì người có đầy đủ đức hạnh, mới xứng đáng cho chúng ta nương về học hỏi. Như chim bay về núi cảm thấy rất an toàn. Chúng không pháp phòng lo sợ bị bắt giết. Quả thật, sống gần gũi với người thật sự có đạo đức, thì ta cảm thấy có rất nhiều lợi lạc an vui. Một lời dạy của họ, như là kim chỉ nam để chúng ta noi theo mà thực hiện. Bởi người có đạo đức là người có trí huệ. Gần họ càng lâu, đạo đức ta càng sâu dày và trí huệ ta càng khai phát. Vì ta học hỏi ở nơi

họ rất nhiều. Quả đúng với câu: “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”.

Qua bốn hạng người trên, hai hạng người sau, Phật khuyên ta nên giao du gần gũi. Càng gần gũi họ, ta càng có thêm nhiều lợi ích trong sự tu hành cũng như trong sự giao tiếp.

Pháp cú trên, Phật dạy chúng ta về cách kết bạn. Trên đời này không ai là không có bạn. Nhưng bạn cũng có nhiều thành phần khác nhau. Song, chung quy cũng không ngoài hai hạng người: tốt và xấu hay thiện và ác. Ở đây, Phật dạy chúng ta nên kết bạn với người hơn mình. Tại sao Phật khuyên ta nên kết bạn với người hơn mình? Điều này, thiết nghĩ cũng không có gì là khó hiểu. Đôi với những người hơn mình, như hơn về đạo đức, tánh tình, kiến thức v.v...thì ta nên giao du gần gũi họ để học hỏi. Nhờ gần họ, mà ta càng ngày càng có thêm những đức tính tốt và kiến thức rộng.

Tô Qui Sơn dạy: “*Đi xa cần nương bạn lành, thường trông nom tai mắt, ở đâu cũng phải chọn bạn, mỗi giờ nghe được những lời chưa nghe. Cho nên có câu: Sanh ra thân ta là nhờ công ơn cha mẹ, làm nên thân ta là nhờ sự tận tâm của bạn lành. Nương gần người bạn lành như đi trong sương móc; tuy không ướt áo, nhưng mỗi giờ có thâm nhuần. Ngược lại, quen gần người ác, thêm chỗ tri kiến ác, sớm tối làm ác, mắc bão trước mặt, chết rồi trầm luân, một phen mất thân người, muôn kiếp không trở lại.* (bản dịch của HT Hành Trụ trong quyển Sa Di Luật Giải trang 537 ).

Câu nói: “Nương gần bạn lành như đi trong sương móc, tuy không ướt áo nhưng mỗi giờ có thâm nhuần”. Thực vậy, sáng sớm bước ra ngoài trời, lúc đầu, ta không cảm thấy gì thấm ướt. Nhưng đi lâu, ta sẽ cảm nghe ướt lạnh. Gần gũi với bạn cũng thế. Nếu gần người hiền người tốt, thì ít nhiều gì, ta cũng ảnh hưởng những đức tính hiền tốt của họ. Ngược lại, gần với kẻ xấu ác cũng thế. Vì tâm vô thường, nên rất dễ tiêm nhiễm. Sống chung với người tốt, có kiến thức rộng ta học hỏi ở nơi họ rất nhiều. Nhứt là qua cung cách hành xử của họ. Những gì ta không hiểu, hỏi họ, họ sẵn sàng chỉ giúp cho ta. Nên nói: “Học thầy không tà học bạn” là thế. Họ không phải là hạng người ích kỷ nhỏ nhoi. Họ là mẫu người có tâm lòng bao dung độ lượng. Vì họ là người có đạo đức, nên hành động, ngôn từ của họ cũng toát ra từ bản chất đạo đức. Vì thế, gần họ ta cảm thấy an tâm vui

tươi mát mẻ hơn. Họ không phải là hạng người mura nồng bát thường. Họ là người khiêm tốn và luôn nhã nhặn hòa ái với mọi người. Lời nói của họ rất hiền từ và mềm mỏng. Họ không khoác lác phô trương bản ngã. Ngần ấy đức tính tốt, cũng đủ cho chúng ta bái phục mà kết giao học hỏi. Bởi vậy, Phật dạy ta nên kết thân với hạng người này. Vì Phật quá hiểu rõ tâm lý con người. Câu nói: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Đó là lời nói đầy kinh nghiệm của người xưa. Vì người xưa cũng đã quá hiểu rõ tâm lý dễ nhiễm này của con người. Ta cần học hỏi cái túi khôn của loài người, nhứt là đối với người xưa.

Tiếp theo, Phật bảo: “Ta nên kết bạn với kẻ ngang mình”. Tại sao vậy? Vì người ngang ta có nghĩa là họ dễ cảm thông với ta hơn. Họ có cùng trình độ hiểu biết như ta. Sóng chung gần gũi nhau, sự cảm thông nhau rất là quan trọng. Thiếu sự hiểu biết, yêu thương và cảm thông nhau thì tình bạn dễ bị sút mẻ. Cảm thông qua nhiều phương diện như trình độ, kiến thức, tánh tình, đạo đức v.v... Sóng chung với nhau không có gì bằng hiểu thương và cảm thông nhau. Ta nói người hiểu, người nói ta nhận. Cảm thông từ ngôn ngữ và hành động. Cùng trình độ hiểu biết với nhau thì thật là dễ sống dễ thở.

Ngược lại, nếu ta kết giao với những người có trình độ hiểu biết quá kém, họ có những thái độ cứng đầu, ngang bướng, khó dạy, thì chỉ càng làm cho ta thêm tức tối bức mình mà thôi. Sóng chung với những người này, lòng ta càng thêm phiền não. Chẳng những ta không học hỏi được gì ở nơi họ, mà trái lại, họ còn làm cho ta càng ngày càng thêm u tối. Vì sao? Vì họ làm điều gì đó, ta cảm thấy khó chịu, không nhẫn nhịn được, thế là ta ăn thua đủ với họ. Như thế, có phải là ta đã hạ mình xuống thấp như họ không? Ở đây, ta nên hiểu về cách kết giao bạn, chớ không phải là việc cảm hóa. Xin chớ vội lầm lẫn điều này. Điều chúng ta nên nhớ, lời Phật dạy trên là ở phẩm “Ngu” hay kẻ “Khờ dại” trong kinh Pháp Cú. Nếu ta là người trí, ta không thể kết giao chơi thân với người có trình độ thấp hơn ta. Nói rõ hơn, theo đây, là kẻ ngu hơn ta nhiều. Vì gần gũi chơi thân với họ, lâu ngày sẽ xảy ra lầm chuyện phiền phức không vui. Tốt hơn hết là ta nên tránh họ trước là hay hơn. Tránh họ, không có nghĩa là ta khi dễ hay khinh thường họ. Vì ta muốn làm theo lời Khổng Tử dạy: “Kính nhi viễn chí”. Nghĩa là ta vẫn kính

trọng họ. Tuy xa họ, nhưng ta rất thương họ. Chỉ không có kết thân với họ đó thôi. Vì trình độ nhận thức của họ quá kém, nên rất khó hiểu nhau để làm bạn đồng hành. Nếu trường hợp ta không có bạn để thân giao, thì thà không có còn hơn là có người quá ngu si đần độn dốt nát. Bởi thế nên kế tiếp Phật mới nói: “Thà quyết chí ở một mình tốt hơn kết bạn với người ngu muội”. Điều này, nếu chúng ta bình tâm suy nghiệm, thì quả thật đúng như thế. Phật thường dạy: “Nói pháp cho người ngu nghe như nói với kẻ điếc”. Kẻ đã điếc, mình có nói gì họ cũng chẳng thèm nghe. Người ngu cũng thế. Mình nói gì họ cũng không hiểu, như thế, thì có khác gì là kẻ điếc kia. Cho nên, càng gần gũi với họ, chỉ tạo thêm cho mình nhiều sự bức mình tức tối mà thôi.

Ở thế gian, có nhiều cặp vợ chồng luôn có sự bất hòa cãi vã với nhau hoài, phần lớn cũng do trình độ quá chênh lệch mà ra. Như chồng có bằng cử nhân, trong khi đó, thì người vợ chưa xong cấp tiểu học. Như thế, thì thử hỏi làm sao sống chung cho được? Bởi vậy, có nhiều người nói, “Thà ở vậy còn hơn”. Chớ sống chung sao được. Chồng nói gà, vợ hiểu vịt. Nói chơi không biết, nói thiệt không hay. Vì trình độ hiểu biết không tương đồng rất khó cảm thông nhau. Cho nên, muốn sống chung được lâu bền, thì trình độ học hỏi kiến thức phải ngang nhau. Không những chỉ có kiến thức trong nhà trường, mà còn phải có kiến thức xử thế trong trường đời. Như thế, thì không ai coi thường và khinh rẻ ai. Tuy nhiên, điều quan trọng không những chỉ có kiến thức không thôi, mà còn phải biết cách cư xử với nhau. Cung cách hành xử rất là quan trọng. Đó là một nguyên tắc sống gần như là một định lý muôn đời. Cho nên, qua lời Phật dạy trên, cho chúng ta một bài học sâu sắc về sự kết bạn. Sóng không thể không có bạn. Nhưng vui cũng vì bạn, mà khổ cũng vì bạn. Có người vì quá tin bạn, nên bị bạn lường gạt mà không hề hay biết. Đến khi biết ra, thì tiền của cao bay xa chạy mất hết rồi. Vì quá tin bạn mà phải lỡ khóc lỡ cười. Cho nên, chơi với bạn, ta phải đặt niềm tin ở nơi bạn trong một chừng mực nào đó thôi. Không phải cái gì cũng tin hết. Dĩ nhiên, trong cuộc đời, dù người có khó tánh đến đâu, ít nhiêu gì cũng có một, hai người bạn. Chả lẽ suốt cuộc đời mình sống thu mình lẻ loi như thế. Tục ngữ có câu: “Nước trong quá không cá, người xét nét quá không bạn”. Thật vậy, trong trường đời cũng như trường đạo, người nào quá xét nét, đắn đo, tính

toán, khó tánh, thì người đó chỉ có nước sống một mình mà thôi. Ai dám bảo đám mình luôn luôn mạnh khỏe. Nếu là người tu không có gia đình, thì phải cần đến bạn đạo đồng tu. Vì bạn đồng tu cùng đồng lý tưởng dễ cảm thông và giúp đỡ cho nhau.

Do đó, rất cần trong việc giúp đỡ lẫn nhau khi đau yếu bệnh hoạn. Câu nói: “Bà con xa không bằng láng giềng gần”. Láng giềng gần tuy họ không là ruột thịt gì với ta, nhưng khi hữu sự mà chờ tới bà con ở xa đến giúp, thì ta đã chết mất rồi. Vì vậy, người bạn sống bên cạnh ta, ta nên quý trọng tương kính giúp đỡ cho nhau. Nếu bạn có làm điều gì làm lỗi mà ta không vui, thì ta nên tìm cách khéo léo giải bày. Xong rồi, ta nên vui vẻ buông bỏ và tha thứ cho nhau. Muốn buông bỏ, thì phải có hiểu và thương. Thiếu hai yếu tố quan trọng này, đừng mong giữ tình bạn được lâu dài. Choi với bạn mà không hiểu được bạn mình, tốt hơn là đừng thân giao. Một điều tối kỵ nhứt là ta không nên đem chuyện của bạn mình ra để bêu xấu cho người khác biết. Đây là một hành động rất tệ bạc thấp hèn. Đạo đức và lương tâm không cho phép ta hành xử như thế. Như trên đã nói, việc kết bạn cũng là điều quan trọng. Thế nên, ta

cần phải chọn bạn mà chơi. Nhưng khi đã chọn rồi, thi ta có thể sống chét vì bạn. Tuyệt đối, ta không nên lợi dụng, chơi gác, hay dùng những mánh khéo vặt vãnh để lừa bạn và hại bạn. Điều tối kỵ là nói xấu bạn, một khi tình bạn đã bị sứt mẻ. Đừng có:

*Khi vui trái áu cũng tròn  
Lúc ghét bồ hòn cũng méo*

Hay:

*Thương nhau thương cả đường đi  
Ghét nhau ghét cả tôn ti họ hàng*

Tệ hại hơn nữa là “ Uốn cong ba tát lưỡi” để đâm sau lưng bạn mình. Hành động đó thật là quá tiểu nhẫn và vô liêm sỉ! Người như thế, thật không có chút lương tâm đạo đức. Lương tâm đạo đức không có, thì nói chi đến việc tu chứng cao xa! Đối với những hạng người này, ta nên tránh xa họ còn hơn tránh xa hầm lửa hay miệng rắn độc vậy.

### Lê Văn

## Tâm Phật tức gột rửa Tâm mình

**K**hi đức Phật ra đời, cung trời Phạm thiên có cho mưa thơm xuống tắm Phật, vì vậy trong pháp hội Phật Đản chúng ta có thêm nghi thức Tắm Phật. Nhiều người cho rằng tắm Phật trong ngày Lễ Phật Đản là tắm cho đức Phật, kỳ thật pháp thân của Phật vốn thanh tịnh, hà tất cần đến chúng ta tắm rửa? Chơn đế của việc tắm Phật, đó là mượn việc tắm Phật để gột rửa nội tâm hầu tim lai tự tánh sáng ngời của tâm mình. Đúng như lời của Cố đức ‘Phản phác quy chơn, phản cầu chư ký’ là chí lý như vậy!

Khi đứng trước đài sen, đối diện với Phật như đối diện với tự tâm, ta tinh tế mà quán sát những chuyển biến của nội tâm mình. Mục một muỗng nước thanh tịnh từ trên vai Phật tưới xuống, nếu tâm ta có tham niệm, nguyện cho tham niệm này theo dòng nước thanh tịnh mà buông bỏ, nếu tâm ta có sân hận, nguyện cho sân hận này theo dòng nước thanh tịnh mà cuốn sạch đi; nếu tâm ta có si mê, ngu dại, nguyện cho ngu si này trôi theo dòng nước thanh tịnh để trí tuệ được khai mở, trong sáng.

Tất cả những tạo tác từ thân khẩu ý của chính mình, khi thời khắc mà dòng pháp thủy quang lưu qua tâm điền đều khởi sanh tâm sám hối, từng bước chuyển biến thăng hoa “ Ngã kim quán mộc chư Như Lai. Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ. Ngũ trực chúng sanh linh ly cầu. Đồng chứng Như lai tịnh pháp thân”

Từ hơn 2600 năm trước, dòng nước pháp chảy chan hòa trên thân Phật xuyên lưu, nhu nhuyễn chảy qua tập khí con người, chảy qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để rửa sạch đi những ô nhiễm của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trước mặt chúng ta, một tượng Phật sơ sanh được biểu thị bằng tâm sơ thi cùng với bản chơn chiểu diệu của hài đồng, hãy nghỉ lại xem tâm ta hiện nay đã cách sự thuần khiết, không nhiễm bao xa rồi? Đây cũng chính là thời khắc mà chúng ta nên quay về với tâm sáng ban đầu.

(Trích từ Nghi thức Lễ Mộc Đức - Tổ Đinh PH)





## Chuyến Hoang Phap Úc Châu của Thượng Tọa Thích Trí Siêu

01/04/23 – 03/05/23



Vừa qua, trong tháng Tư năm 2023, Tổ đình Phước Huệ đã có dịp tiếp đón Thượng Tọa Thích Trí Siêu - từ Hoa Kỳ - ngay tại Tổ đình với những ngày Tu học mang chủ đề “Ý – Tình – Thân”

Được sự đồng ý của Thượng Tọa Thích Phước Tấn, trụ trì Tổ đình Phước Huệ và sự hoan hỷ, tạo điều kiện tốt nhất của Thượng Tọa Thích Phước Viên – Phó trụ trì – cùng sự đón tiếp đặc biệt của chư Tăng-Ni thuộc Tổ đình cũng như sự đóng góp nhiệt tình của quý Phật tử thiện nguyện viên...một khóa Tu học ngắn ngày đã được thực hiện ngay tại Tổ đình dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Thượng Tọa Thích Trí Siêu.

Đây là cơ hội để Phật tử Sydney về lại dưới mái chùa sau hơn 3 năm dịch bệnh Covid hoành hành! Cùng ngồi bên nhau ôn lại giáo lý của Đức Phật dưới một hệ thống rất mới, rất riêng... của Thượng Tọa Thích Trí Siêu: “Ý – Tình – Thân”

- Ý thanh tịnh
- Tình vắng lặng
- Thân buông xả

Mục đích Tu học “Ý – Tình – Thân” là để nhận thức rằng:

- ◆ Mọi đau khổ đều do nhận thức sai lầm.
- ◆ Muốn hết khổ thì phải sửa, phải thay đổi cách suy nghĩ của chính mình!
- ◆ Do đó, người học Phật cần phải:
- ◆ Tu Ý: Sửa nhận thức sai (chánh kiến)
- ◆ Tu Tình: Xả ưu phiền (tập Từ-Bi-Hỷ-Xả)
- ◆ Tu Thân: Thể dục dưỡng sinh và quan tâm giúp đỡ tha nhân.

Trên đây chỉ là vài nét rất đơn sơ, giới thiệu về nội dung Tu học “Ý-Tình-Thân”

Với 3 ngày thuần túy Tu học, cùng những buổi Pháp đàm rất lợi lạc dành cho Phật tử tại Tổ đình Phước Huệ, Thượng Tọa Thích Trí Siêu đã đem đến cho các Tu sinh những hiểu biết cũ và mới rất thiết thực cho quá trình phát triển

tâm thức của mỗi người mà không ai có thể quên được!

Ngoài ra, Thầy còn có nhiều buổi giảng Pháp thu hút đông đảo Phật tử ở các chùa và tự viện quanh Sydney:

- ◆ Dhammahome/ Yagoona: chủ đề “Duy thức học”
- ◆ Chùa Minh Giác/ Smithfield: chủ đề “Thức đeo người Tu”
- ◆ Thiền đường Vô Ưu/ Caley Vale: chủ đề “Học Đạo một cách thông minh”
- ◆ Bankstown Senior Citizens’ Centre/ Bankstown: chủ đề “Tứ vô lượng tâm”

Sau đó, Thầy đã cùng nhóm đệ tử đến các chùa:

- ◆ Chùa Nam Hải Phổ Đà/ Noumea, Cal- edonie (18, 19/04/2023): Thuyết giảng chủ đề “Oan gia, hạnh phúc”
- ◆ Chùa Quang Minh/ VIC, Australia (22, 23/04/2023)
- ◆ Thuyết giảng chủ đề “Tu theo Phật là tu làm sao?”
- ◆ Chùa Linh Sơn/ QLD, Australia (29/04/2023)
- ◆ Thuyết giảng chủ đề “Nguyên nhân khổ đau”
- ◆ Chùa Phật Đà/ QLD, Australia (30/04/2023)
- ◆ Thuyết giảng chủ đề “Tu hành căn bản”
- ◆ Thượng tọa Thích Trí Siêu đã hoàn tất chuyến hoằng Pháp tại Úc châu vào ngày 03/05/2023.

- Phật tử Việt Nam tại Úc Châu luôn tri ân Thượng Tọa Thích Trí Siêu đã không ngại đường xa xa xôi, thời gian quý báu và sức khỏe có giới hạn để đến Úc, truyền trao giáo lý của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

- Phật tử Úc châu rất mong được đón Thầy trở lại trong tương lai.

- Người mong chư Phật và chư Bồ tát luôn song hành và gia trì cho Thầy “Thân tâm thường an lạc” trên mọi nẻo đường hoằng Pháp mà Thầy sẽ đi qua...

**Ban Tin tức Tổ đình Phước Huệ**  
03/05/2023



# Tăng Đáo Phật Lai

Hàng nén ngũ sắc tỏa sáng rực rỡ trên bàn, tạo thành hàng chữ UN Vesak 2023 lung linh huyền ảo. Trang trọng đặt chính giữa lề đài là tôn tượng Đức Phật đản sanh ngự trên một đài sen thủy tinh trong vắt. Hàng đóa hoa đủ loại và đủ màu được xếp khéo léo đỡ bước chân Ngài. Hai bên lề đài là những lá cờ Phật Giáo, cờ nước Úc và cờ Liên Hiệp Quốc phất phới bay.

Bây giờ là mới sáng tinh mơ của ngày mùng 6 tháng 5 năm 2023. Bầu trời trong xanh, láng đảng vài làn mây trắng phớt nhẹ tạo thành một bức tranh thanh thoát.

Cái ấm của nắng, cái mát rượi của gió làm tâm tư mọi người thêm rộn rã, chờ đón giây phút thiêng liêng của ngôi già lam Tô Đinh Phước Huệ. Hôm nay là ngày lễ tưởng niệm ngày Phật đản sanh, ngày Phật Thành Đạo và ngày Phật Niết bàn, lần đầu tiên được tổ chức tại Tô Đinh Phước Huệ.

Bao năm về trước, lễ hội UN VESAK này thường được tổ chức tại các công viên lớn hay gói gọn trong không gian của Sydney City Hall. Nhưng năm nay, 2023, Tô đinh nhận trách nhiệm làm host cho Đại lễ. Một nhiệm vụ mới đầy cam go và thử thách, nhưng với lòng nhiệt tâm phụng sự Đạo pháp và sự lãnh đạo vững chãi của quý Hòa Thượng, quý Tôn Đức từ Giáo Hội Phật Giáo Úc Châu, nhất là được sự hướng dẫn tỉ mỉ của Chư Tăng Trung Tâm Dhamakaya, Tô Đinh đã bắt tay vào việc. Sau nhiều phiên họp chuẩn bị cho buổi lễ, sáng nay, mọi người đều ráo riết siết chặt tay nhau để hoàn thành thật tốt Phật sự quan trọng này.

Hai bàn reception đặt bên cạnh cổng Tam Quan là nhóm bận rộn nhất vì phải ghi danh, gửi tài liệu và các bảng tên, hướng dẫn chư

khách tăng vào an vị trong Hội Trường Đa dụng. Tiền đình sân chùa nổi bật với các nóc lều màu trắng che gần hết khoảng sân để cho Phật tử ngoài tham dự. Những em bé nhỏ với y phục sắc tộc Việt Nam, Lào, Khmer, Thái, Lào... quần quích theo chân mẹ, mắt tròn xoe nhìn đôi rồng Thanh Long nằm trải dài trên bờ tiền đình. Nhóm Phật tử khác súng sinh trong quốc phục Korea đang loay hoay chọn góc đứng đẹp nhất để chụp ảnh trước lễ đài Phật Đản sanh, Thành Đạo và Niết Bàn. Nhóm Phật tử Thái, Lào với y phục toàn trắng đang chú tâm vào việc sắp xếp cho nhóm đứng rải rác theo lộ trình khắt thực của Chư Tăng Ni. Sân chùa được trải thảm đỏ vòng quanh từ Trai đường chạy dài qua điện Tam thánh, cổng Tam Quan, Đài Quan Âm lộ thiên và trở về Hall Đa dụng. Chư Tăng ni sẽ nối bước theo Chư Hòa thượng Trưởng Lão xuất phát từ phương trượng để tham dự Lễ Sót bát vào lúc 10:30am.

Hình ảnh đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni tay cầm bình bát, chậm rãi bước đi trong chánh niệm, miệng nở nụ cười từ hòa đón nhận thực phẩm dâng cúng từ dân làng được làm sống lại một cách chân thực trong buổi sáng nắng ấm hôm nay. Chim chóc như ngừng tiếng, dường như chỉ còn lại tiếng tim đập rộn ràng, vui mừng hồn hở của những người con Phật hòa vào hơi gió thoảng nhẹ, những giọt nước mắt hân hoan được nuốt nhẹ vào lòng trước cảnh tượng vừa tráng lệ, vừa trang nghiêm. Tà áo nâu xen lẫn y màu đất của Chư Tăng Khất sĩ, màu vàng rực rỡ của Chư Tăng đèn từ các chùa Bắc Tông, phát phói tung bay trước gió. Từng bước chân nhẹ nhàng, thẳng hàng của Chư





Tăng Ni từ hơn ba mươi đơn vị Phật giáo trong toàn Sydney như các chùa, tự viện, thiền viện, tịnh thất... tham dự lễ srot bát. Phật tử xếp thành một hàng dài rải rác theo đường đi của Chư Tăng Ni. Bên cạnh các thanh niên, thiếu nữ là các cụ già, các em bé nhỏ, đầu đội nón, tay cầm những quà nhỏ đã được gói cẩn thận hay từng xấp phong bì để chờ đợi một cách kiên nhẫn dưới ánh nắng bắt đầu chói chang để được chính tay mình gửi quà vào bình bát của quý Thầy Cô. Đầu đó, theo truyền thống, Phật tử các xứ Nam Tông như Tích Lan, Lào, Miến, quỳ xuống, hai tay chấp cung kính khi Chư tăng đi qua. Đằng kia, một em bé nghiêm túc háo hức chờ đợi để gửi quà vào bình bát, nhưng vì nhỏ quá không với tới được nên đôi miệng chum chím kêu nho nhỏ "Mum, please help!". Khung cảnh dường như lắng đọng hòa vào tâm cảm mọi người. Tiếng niệm Phật vang vang từ chánh điện với tiếng niệm trầm hùng của vị Thầy dẫn lễ. "Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật"

Sau bao năm khổ hạnh chôn rùng già, gian lao bước ngược đường trần, Đức Phật đã mang ánh sáng chân lý gieo rắc cho nhân loại, hiếu rõ và thực hành con đường diệt khổ. Ánh sáng Phật Pháp dạy chúng sanh tự mình thấp đuốc lên mà đi, biết chọn gieo những hạt giống



thiện lành để gặt những quả tốt đẹp cho đời này và nhiều đời sau nữa. Đạo Phật là đạo của hòa bình, của sự hòa hợp.

Cảm niệm ân đức cao dày của Ngài, các Phật tử đồng dâng lên Ngài những ngọn đèn cúng dường từ tận tâm cảm với niềm tri ân sâu xa, đầy lòng kính ngưỡng. Cầu nguyện cho Phật pháp trường tồn, chúng sanh thức tĩnh, xa lìa ác đạo, phát triển Bồ Đề tâm, tinh tấn tu hành, sớm thành Phật Đạo.

**"Tăng đáo, Phật lai".** Ngôi già lam cổ kính Phước Huệ đã hân hoan đón mừng hơn trăm vị Tăng Ni đến từ nhiều tự viện tại Sydney, Melbourne, BlueMountain, Wolongong.. trong dịp lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc. Lá cờ Phật giáo ngũ sắc tung bay trên hàng cột hoa sen trước tiền đình vẫy chào tạm biệt những người con Phật. Mọi người không quên ghi lại những



hình ảnh lưu niệm cho gia đình và bước đi trong tâm cảm yên lành, hạnh phúc cho sự kỳ ngô hiếm có của ngày đại lễ. Nắng vẫn chan hòa. Mây trắng vẫn trôi nhẹ trên bầu trời.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa!

### Ban Tin Tức

(tiếp theo)

## 54. Suối vàng và chín suối ý nghĩa giống nhau hay khác nhau?

**Hỏi:** Kính thưa thầy, thường con nghe người ta nói, người chết xuống suối vàng hay chín suối, con không hiểu suối vàng chín suối là gì? Mong thầy giải thích cho con rõ. Con kính cảm ơn thầy.

**Đáp:** Hai chữ “Suối vàng” người ta dịch từ chữ huỳnh tuyền. Huỳnh là màu vàng còn tuyền là suối. Nghĩa là suối nước màu vàng. Theo truyền thuyết của người Trung Hoa, thì người ta tin rằng, ở dưới âm phủ có chín cái suối nước vàng. Chín suối do dịch từ chữ cửu tuyền của chữ Hán. Suối vàng hay chín suối là chỉ cho chỗ ở của người chết. Sở dĩ có truyền thuyết này, theo sử liệu ghi lại là người ta y cứ vào câu chuyện xảy ra ở đồi Xuân Thu Chiến Quốc. Câu chuyện nói về bà Khương Thị vợ của vua Trịnh Vũ Công.

Truyện tích kể rất dài dòng, nhưng ở đây, tôi chỉ xin kể ngắn gọn tóm lược mà thôi. Đây là câu chuyện nói về chúa nước Trịnh là Trịnh Trang Công tên là Ngộ Sinh. Ông này rất có hiếu với mẹ. Mẹ của ông là bà Khương Thị. Bà này là vợ của vua Trịnh Vũ Công. Bà có hai người con. Người lớn là thái tử Ngộ Sinh, sau lên ngôi là vua Trang Công. Còn người con kế tên là Đoan. Tuy cả hai đều là con của bà, nhưng bà lại thương không đồng. Bà có ác ý hay ghét Ngộ Sinh, vì khi sanh Ngộ Sinh ra một cách thình lình làm bà chịu nhiều đau đớn khổ sở. Và kể từ đó, bà cho Ngộ Sinh là đứa con oan gia bất hiếu, vì hành hạ bà đau đớn ngay từ lúc đầu. Do đó, mà bà sanh tâm ác cảm với Ngộ Sinh. Ngược lại, bà rất thương yêu nuông chiều người con kế tên là Đoan.

Vì có ý muốn cho Đoan lên làm vua, nên bà tìm đủ mọi phương cách thủ đoạn dèm pha hãm hại Trang Công. Việc hãm hại của bà kể từ khi Trang Công còn làm thái tử, cũng như sau khi ông này lên làm vua. Về sau, việc âm mưu hãm hại của bà bị bại lộ. Trang Công biết được em mình là Đoan nỗi loạn phản nghịch, nên cử binh đánh dẹp và cuối cùng Đoan phải tự tử. Từ đó, vua Trang Công mới an trí mẹ mình nơi vắng vẻ và thốt lên lời thề nặng là: “Chẳng phải chốn suối vàng thì chẳng nhìn mặt nhau”. (Bất cập huỳnh tuyền vô tương kiến dã).

# 100 Câu Hỏi Phật Pháp

Tập 2

PHƯỚC THÁI

Trang Công vốn là người con có hiếu nên sau đó nhà vua nghĩ lại, cảm thấy rát hối hận về việc xử tệ bạc với mẹ mình, nhưng đã lỡ thề nặng nên nhà vua không biết phải làm sao để gặp lại mẹ mình. Bấy giờ, có ông quan cận thần tên là Đinh Khảo Thúc biết ý Trang Công, nên ông ta tìm cách giải lời thề bằng cách là cho người đào đất đến tận mạch nước, rồi cho xây cất một cái nhà nhỏ bên cạnh suối nước. Xong, liền cho người dẫn bà Khương Thị xuống đó ở. Mục đích là để cho Trang Công xuống đó gặp lại mẹ. Quả thật khi gặp lại, hai mẹ con ôm chầm lấy nhau khóc than một cách thảm thiết! Vì lẽ đó, nên mới có câu chuyện là gặp nhau ở suối vàng.

Trong truyện Kiều có câu:

“Đã không kẻ đoái, người hoài  
Sẵn đây ta thấp một vài nén hương  
Gọi là gặp gỡ giữa đường  
Họa là người dưới suối vàng biết cho”

Tóm lại, nói suối vàng hay chín suối ý nghĩa không khác nhau, cả hai đều là chỉ cho chỗ ở của người chết vậy.

## 55. Tại sao người tu pháp môn niêm Phật không thờ riêng Đại Thế Chí mà thờ đức Quán Thế Âm?

**Hỏi:** Kính bạch thầy, trong kinh nói, Bồ Tát Quán Thế Âm do tu thiền mà chứng đạo, trái lại, Bồ Tát Đại Thế Chí do tu niệm Phật mà chứng đạo. Thế thì, tại sao những người tu theo pháp môn niêm Phật mà không thờ riêng tượng Bồ Tát Đại Thế Chí (có thờ chẳng cũng thờ chung tượng Tam Thánh) mà lại riêng tôn thờ hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm? Xin hỏi, lý do tại sao phải thờ như thế? Và thờ như vậy có đúng không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.

**Đáp:** Xét trên phương diện hành môn, thì

Phật nói có vô lượng pháp môn, tùy theo căn cơ trình độ của mỗi người mà chọn lựa cho mình một pháp môn tu thích hợp. Phương tiện bày ra tuy nhiều, nhưng cứu cánh đạt thành quả vị Phật thì chỉ có một. Như cái nhà tuy có nhiều cửa vào mà căn nhà thì chỉ có một. Tùy theo sở thích, ai thích cửa nào thì bước vào cửa đó. Điều quan trọng là phải bước vào đúng cửa đã chọn. Một khi đã chọn lựa kỹ càng rồi, thì cứ thế mà thẳng tiến vào. Có thể, thì mới thực sự vào trong ngôi nhà được.

Đối với hai vị đại Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thí Chí trong lúc tu nhân, hai Ngài đã tự chọn cho mình một pháp tu riêng. Người chọn tu Thiền, tức Bồ Tát Quán Thế Âm từ “Nhĩ Căn” “phản văn văn tự tánh” mà vào. Người chọn tu Tịnh, tức Bồ Tát Đại Thí Chí từ “Thiệt Căn” và Ý Căn (nói rộng là thu nghiệp sáu căn) mà vào. Nghĩa là theo sự trình bày của Ngài trong Kinh Lăng Nghiêm thì, chỗ nhân địa tu hành của Ngài là do dùng tâm niệm Phật mà ngộ được “vô sanh nhẫn”. Như vậy, ta thấy giữa Thiền và Tịnh tuy có hai, lối vào tuy có khác, nhưng cứu cánh quả chứng thì không hai. Đó là yếu lý dung thông hội chứng của Phật pháp vậy.

Nhiều người tu hành thời nay, vì không hội thông được pháp tu, cho nên dễ gây ra tình trạng nghi ngờ và thậm chí họ còn kích bác chống đối nhau. Ai có quan niệm đó, thì hãy xem noi theo tấm gương của hai vị Đại Bồ Tát này.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nói thêm, nếu nhìn vào hình tượng Tam Thánh thì, chúng ta cũng có thể thấy rõ sự biểu trưng cho sự hội thông đó. Hai vị Bồ Tát đứng hằng hai bên trái, phải của đức Phật A Di Đà. Trái, phải là hai, như Thiền, Tịnh là hai, nhưng tánh giác nào có hai. Đứng về mặt sự tướng, danh ngôn đối đai, thì thấy dường như có hai, nhưng đứng về mặt bản thể lý tánh thì không khác, tức muôn pháp đồng nhứt thể. Nhìn trên mặt hiện tượng thi thấy có muôn ngàn lượn sóng lớn nhỏ khác nhau, nhưng thể nước chỉ là một. Đức Phật A Di Đà là tiêu biểu cho tánh giác vượt lên trên đối đai nhị nguyên. Đó là biểu thị cho sự hội nhập dung thông triệt tiêu nhị nguyên đối đai vậy.

Người tu hành mà còn thấy có hai bên: Tịnh khác, Thiền khác, đạo khác, đời khác, anh khác, tôi khác v.v...thì làm sao ngộ được tự

tánh? Không ngộ được tự tánh, thì làm sao giải thoát? Chính do vọng chấp thiên kiến này nên chúng ta mới thấy có những cặp đối đai nhị nguyên. Đây là đầu mối của sự tranh chấp hơn thua đấu đá chém giết lẫn nhau. Thế giới đảo điên thác loạn cũng bởi do cái nhìn “biến kế” vọng chấp này mà ra. Từ đó, con người tạo ra vô số nghiệp ác, để rồi phải chịu cảm thọ lãnh vô số nghiệp quả khổ đau. Vì thế, mà con người mãi phải chịu trầm luân nỗi trôi trong biển đời đầy đau thương khóc hận. Kinh Duy Ma Cật ở phẩm “Pháp Môn Bát Nhị” đã dạy rõ cho chúng ta bài học “Không Hai” vô giá này. Nhưng rất tiếc thay! Con người vì vô minh che lấp nên chưa nhận ra được cái chân lý siêu việt này.

Phật tử hỏi tại sao người tu theo pháp môn Tịnh Độ, lẽ ra là phải tôn thờ tượng Đại Thí Chí mới phải, vì Ngài tu theo pháp môn niệm Phật mà được chứng quả Thánh. Thế nhưng, hầu hết Phật tử (dù tu theo Tịnh Độ Tông hay các Tông phái khác) cũng đều thờ riêng hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Lý do tại sao?

Xin thưa, vì mỗi vị Bồ Tát đều có phát khởi hạnh nguyện riêng. Do vì trong lúc tu nhân, các Ngài mỗi người đều phát đại nguyện độ sanh khác nhau. Như Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài phát đại nguyện là tâm thính cứu khổ chúng sanh ở cõi Ta bà này. Bất luận chúng sanh nào, khi gặp hoạn nạn khổ đau, mà hết lòng thành tâm xung niêm danh hiệu Ngài, thời Ngài sẽ hiện thân đến để cứu độ họ. Bởi do hạnh nguyện đó, nên Ngài có nhân duyên rất lớn với chúng sanh ở cõi này. Vì vậy, mà chúng ta không lạ gì khi thấy hầu hết các nước tu theo hệ phái Phật Giáo Phát Triển đều có tục tượng tôn thờ hình tượng của Ngài. Sở dĩ người ta tôn thờ Ngài là vì người ta rất tin tưởng vào việc cứu khổ cứu nạn theo bản nguyện của Ngài.

Còn Bồ Tát Đại Thí Chí mặc dù Ngài chuyên hành trì theo pháp môn niệm Phật mà chứng đạt Thánh quả, nhưng Ngài không có phát nguyện rộng lớn độ sanh ở cõi Ta bà này như Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài chỉ phát nguyện phụ lực với đức Phật A Di Đà để tiếp dẫn những chúng sanh nào có nhân duyên niệm Phật A Di Đà được vãng sanh về cõi Tây phương Cực lạc. Và Ngài chỉ trực tiếp giáo hóa chúng sanh ở cõi nước đó mà thôi. Căn cứ vào bản nguyện độ sanh của Ngài như thế, nên người ta không có thờ riêng hình tượng của

Ngài giống như Bồ Tát Quán Thế Âm. Người ta chỉ thờ Ngài qua hình tượng Tam Thánh mà thôi.

Ngược lại, riêng Bồ Tát Quán Thế Âm không những Ngài phát nguyện phụ lực tiếp dẫn chúng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc giống như Bồ Tát Đại Thế Chí, mà Ngài còn phát nguyện thị hiện 32 ứng thân ở cõi Ta bà này để hóa độ chúng sanh. Bởi lý do đó, nên người ta mới tạo tượng tôn thờ riêng Ngài. Thờ như thế quả đúng với bản nguyện độ sanh của Ngài, chứ không có gì là sai trái cả.

## 56. Thực phẩm chay nhưng thực đơn nêu toàn đồ mặn.

**Hỏi:** Kính thưa thầy, Phật dạy người Phật tử nên tránh những thứ dục nhiễm, những thứ có tánh cách gọi cảm làm cho con người sanh tâm đắm nhiễm. Nhưng con không hiểu sao, ở các tiệm cơm chay, người ta hay bày thực đơn tên gọi những thức ăn toàn là đồ mặn nghe thật hấp dẫn. Nào là cá kho tộ, gà xé phay, mì vịt tiềm v.v... Xin hỏi lý do tại sao phải đặt tên như thế? Và như thế có phải gọi cho người ta ăn chay mà còn nghĩ tưởng đến đồ mặn hay không? Và việc làm đó có mang tội hay không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.

**Đáp:** Xin thưa ngay chúng tôi không phải là người đặt ra tên gọi của những thức ăn đó. Vì vậy cho nên, tôi không thể nào trả lời chính xác cho Phật tử thỏa mãn được. Vả lại, đây là lãnh vực chuyên môn trong phạm vi thương mãi. Đã thương mãi, tất nhiên ai cũng muốn có lợi nhuận. Dù đó là bán thức ăn chay. Tôi nghĩ, nếu Phật tử trực tiếp hỏi những người đặt ra tên gọi của những thức ăn đó, thì có lẽ họ sẽ trả lời chính xác và chắc chắn là hay hơn tôi. Tuy nhiên, để khỏi phụ lòng Phật tử đã hỏi, thì tôi cũng xin mạo muội góp chút ngu ý trong vấn đề này.

Tôi đồng ý với Phật tử, Phật dạy người Phật tử nên tránh những thứ dục nhiễm, những thứ có tánh cách gọi cảm làm cho con người sanh tâm đắm nhiễm. Tuy nhiên, trong nhà Phật thường có nêu ra hai thứ dục nhiễm: thiện nhiễm và ác nhiễm. Dục nhiễm ác là những thứ mà một khi con người vướng vào thì rất là đau khổ. Như những thứ dục nhiễm say sưa rượu chè, cờ bạc, hút xách xì ke ma túy v.v... Đó là những

thứ gây ra có tác hại rất lớn cho sức khỏe bản thân cũng như làm tan vỡ mất đi hạnh phúc gia đình và có ảnh hưởng không tốt đối với nhân quần xã hội. Những thứ đó, là Phật tử chúng ta cần nên tránh. Tuy nhiên, đối với những thứ dục nhiễm thiện có lợi cho bản thân, gia đình và xã hội, thì ta cần nên tích cực cỗ xúy, thật hành và phát triển. Như những dục nhiễm thiện: ăn chay, niệm Phật, tụng kinh, lễ bái, hành thiện lợi tha v.v... đó là những thứ dục nhiễm thiện mà ta cần phải phát huy cỗ vũ mạnh mẽ. Người tu hành ở noi nhơn thura và thiên thura, thì Phật dạy cần phải có những thứ dục nhiễm thiện. Nói rõ ra là chúng ta cần phải tập cho mình có những thói quen tốt, đó là thiện nghiệp. Thói quen ăn chay, là một trong những thiện nghiệp mà người Phật tử cần phải phụng hành.

Việc đặt tên gọi giả danh cho những thức ăn mang tính gọi cảm thích thú, theo tôi, đó cũng là một bí quyết thủ thuật rất hay của những nhà làm thương mãi mà họ đã tư duy đặt ra. Bí quyết đó nhằm đánh động được tính hiếu kỳ của con người. Đã biết đó là tiệm cơm chay, thì dù cho tên gọi có hấp dẫn đến đâu đi nữa, thực chất của nó cũng vẫn là đồ chay mà thôi. Tên gọi chẳng qua cũng chỉ là một thủ thuật khai thác lòng thị hiếu hấp dẫn khẩu vị của con người.

Có gọi cảm đặc biệt như vậy, thì mới có thể lôi cuốn hấp dẫn thực khách ăn chay. Cách bày ra đó, ngoài việc đánh động thị hiếu tò mò của con người ra, nó còn có một tác dụng là làm cho người ta không gây thêm tội sát sinh hại vật nữa. Đó cũng là cách bày ra phương tiện tốt. Nói thế, hoàn toàn tôi không có ý biện minh hay xu phụ theo những chủ nhà hàng chay. Xin Phật tử chớ vội hiểu lầm. Tôi nghĩ, việc làm đó, tuy mang tính thương mãi, nhưng cũng là điều rất tốt. Trong một quốc gia nếu có được nhiều tiệm cơm chay và nhiều người ăn chay như thế, thì đó là một điều đại hạnh cho quốc gia đó. Vì ít ra, cũng còn có nhiều người lương thiện.

Tôi nghĩ, dù cho họ đang ăn chay mà lòng họ có nghĩ tưởng đến đồ mặn đi chăng nữa, theo tôi, cũng không có gì là mang tội cả. Nếu bảo nghĩ đến là có tội vậy thử hỏi những người không ăn chay mà họ vẫn nghĩ đến đồ mặn vậy là đều có tội hết hay sao? Nên nhớ, Phật tử đang tu theo nhơn thura kia mà! Hơn nữa, những người vào quán ăn chay, đâu phải tất cả

đều là thực khách Phật tử hết. Có những người họ không phải là Phật tử, nhưng họ thích ăn chay, như vậy, chả lẽ họ không được quyền nghĩ đến đồ mặn (mang) hay sao? Nếu chỉ có ý thức nghĩ đến thì đó chưa hẳn là thành tội. Tuy rằng, ý thức là chủ động để sai khiến thân và miệng tạo nghiệp. Nhưng ở đây ta thấy, những người một khi đã bước vào tiệm ăn chay, tất nhiên là lòng họ đã có phát khởi thiện tâm rồi. Nếu không, thì họ vào quán ăn chay để làm gì? Dù họ ăn với lý do kiêng cử hay thay đổi thử khẩu vị cũng là điều tốt cả. Ít ra, họ cũng tránh được một bữa ăn trên sự đau khổ kêu la giãy chết của những loài sinh vật khác. Dù trực tiếp sát hại hay gián tiếp cũng thế.

Và như, hằng ngày cả nhơn loại đều đắm nhiễm thức ăn chay như thế, thì thử hỏi thế giới loài người sẽ ra sao? Có phải sống trong cảnh thái bình an lạc hết không? Đã bày ra như thế mà vẫn còn quá ít người đắm nhiễm. Nếu không bày ra tên gọi hấp dẫn đó, thì thử hỏi có được bao nhiêu người bước vào quán cơm chay? Riêng chúng tôi, thì chúng tôi cũng rất ước mong mọi người đều đắm nhiễm thức ăn chay qua giả hiệu đồ mặn. Có thêm được một người ăn chay, thì xã hội sẽ bớt đi một người sát hại sanh vật. Sát sanh hại vật còn không có, nói chi đến cảnh tượng giết người. Đã thế, thì làm gì nhơn loại còn sống trong cảnh pháp phông lo sợ hiện tượng đao binh chiến tranh khủng bố xảy ra nữa chó?!

Tóm lại, theo tôi, việc đặt giả hiệu gọi thức ăn đồ mặn như thế, cũng là một cách rất hay để khêu gợi cảm giác thường thức háo ăn của con người. Và những thực khách thường thức ăn chay qua nhãn hiệu đồ mặn đó, giả như có vọng tưởng nghĩ đến đồ mặn đi chăng nữa, cũng là điều tốt chó không có gì là tội lỗi cả. Và người đặt ra tên gọi cũng không có tội lỗi gì. Biết đâu nhở sự gọi cảm đó mà Phật tử thích ăn chay. Khi ăn chay lâu ngày trở thành thói quen. Từ đó, Phật tử phát tâm ăn trường chay luôn. Như vậy, có phải nhờ nghĩ tưởng giả hiệu đồ mặn mà trở thành người ăn chay trường, thế thì, không phải tốt lắm hay sao? Như vậy, có đắm nhiễm cũng là một điều rất tốt chó không có tội lỗi chi cả. Hiểu thế, thì chúng ta cần nên cảm ơn người bày ra tên gọi giả hiệu đồ mặn. Nhờ họ mà người ta mới phát tâm ăn chay nhiều.

## 57. Cách thờ Phật và Quy y Tam Bảo như thế nào mới đúng?

**Hỏi:** Kính bạch thầy, con là Châu Anh, con có một thắc mắc kính xin hỏi thầy: Gia đình con muốn lập bàn thờ Phật tại nhà. Có người cho rằng có thể đặt bát hương chung thờ Phật và thờ thần linh. Có người nói phải lập bàn thờ Phật riêng làm con rất bối rối. Con xin thầy chỉ dạy làm cách nào mới đúng và nên thờ tượng Phật nào tại nhà. (Ba con mất được 1 năm, mẹ con theo Tịnh độ tông và đang tu tập Thiền tông). Nhân đây, con hỏi thêm một câu, mẹ con khuyên con nên quy y Tam bảo. Nhưng con chưa tìm hiểu kỹ nên chưa dám nghe theo. Con xin thầy chỉ cho con biết sau khi quy y thi có gì khác với cuộc sống bình thường không? Con cần phải làm những việc gì và không được làm những việc gì? Con kính cám ơn thầy.

**Đáp:** Trong câu hỏi của Châu Anh, gồm có 4 vấn đề mà Châu Anh muốn biết. Để tiện bàn giải, tôi xin nêu ra đây từng vấn đề một để xin chân thành góp ý.

1. Châu Anh nghe người ta nói có 2 trường hợp trái ngược nhau:

- a. Nên lập bàn thờ Phật chung với thần linh.
- b. Nên lập bàn thờ để thờ Phật riêng.

Do hai ý kiến trái nhau, nên Châu Anh đâm ra hoang mang phân vân không biết phải thờ Phật như thế nào mới đúng.

Theo lời Phật dạy, trời thần vẫn còn là chúng sinh, vẫn còn phải chịu trôi lăn trong tam giới. Do đó, nên khi quy y Tam bảo, Phật dạy người Phật tử không được quy y với thiên, thần, quý, vật. Vì thần cũng là một loại quý, nhưng chẳng qua loại quý có thể lực quyền uy cao hơn những loài quý khác, nên người ta gọi là thần. Nói chung là quý thần. Đã thế, thử hỏi làm sao quý thần dám ngồi chung một bàn với Phật? Thần có ác thần và thiện thần. Những vị thiện thần thì luôn luôn phát nguyện hộ trì chánh pháp của Phật.

Tôi rất thông cảm cho sự băn khoăn bối rối của Châu Anh. Tại vì Châu Anh chưa có cơ hội để học hỏi nghiên cứu tìm hiểu kỹ càng về Phật pháp, nhất là về phương diện đời sống tâm linh mang tính siêu hình. Vì thế, nên Châu Anh mới có sự băn khoăn thắc mắc nghi ngờ về vấn đề đó. Hơn nữa, chính người nói thờ Phật chung với thần linh, thật ra bản thân của họ cũng chưa hiểu gì về Phật pháp cả. Nghĩa là họ không phân biệt sự sai khác hơn kém giữa thần linh và chư Phật, Bồ tát.

Người nói, nên thờ Phật riêng, chứng tỏ người đó có hiểu phân nào về cách tôn trí thờ phụng. Và họ biểu lộ được tấm lòng tôn kính ở nơi đức Phật. Vì họ biết giữa Phật và thần linh có sự khác biệt rất xa. Thiết nghĩ, Châu Anh nên nghe theo lời khuyên của người đó.

Nói tóm lại, qua câu hỏi này, thì tôi thành thật khuyên Châu Anh nên thiết lập bàn thờ Phật riêng và chỉ thờ một vị Phật mà thôi. Nên nhớ phải thiết lập bàn thờ nơi chỗ trang nghiêm thanh tịnh. Đó là vì chúng ta biểu lộ lòng tôn kính ở nơi đức Phật. Có thể, thì chúng ta mới có thêm nhiều phước báo.

2. Nên thờ tượng Phật nào? Theo Châu Anh nói, người mẹ theo Tịnh Độ tông, nhưng hiện thời bà lại tu theo Thiền tông. Thông thường, người Phật tử tu theo tông nào thì người ta hay thờ tượng Phật cho phù hợp với tông chỉ của mình đang tu theo tông đó. Tuy rằng, Phật nào cũng thờ được cả. Vì đã là Phật thì tất cả đều như nhau, Phật Phật đại đồng, không có gì là sai biệt. Tuy nhiên, điều này còn tùy theo quan niệm và Tông phái mà người đó đang tu theo. Do đó, nên việc tôn thờ Phật tượng có sai khác. Xưa nay, người tu theo Thiền tông, thì người ta chỉ tôn thờ một tượng Phật Thích Ca. Vì đức Phật Thích Ca do tu Thiền mà chứng quả. Ngược lại, người tu theo Tịnh độ tông, thường người ta hay thờ đức Phật Di Đà hoặc là thờ tượng Tam Thánh (Di Đà, Quan Âm và Thế Chí). Vì người ta muốn sau khi lâm chung được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Mà thế giới Cực lạc là do Phật Di Đà làm giáo chủ. Cho nên người ta chí thành quy hướng tôn thờ và niêm danh hiệu của Ngài để cầu vãng sanh về cõi đó.

Vấn đề này, theo ý kiến của tôi, thì tôi thành thật khuyên Châu Anh tốt hơn hết là Châu Anh nên hỏi qua ý kiến của mẹ, xem thử mẹ thích thờ tượng Phật nào. Nếu như hiện giờ Châu Anh còn đang chung sống với mẹ, thì nên tôn trọng ý kiến của mẹ. Tùy theo sở thích của bà mà thỉnh Phật về thờ. Như thế thì tôi nghĩ, sẽ được tốt đẹp cho cả hai. Vì đó cũng là cách làm cho mẹ vui và cũng không trái ý của bà mà gây nên phiền lòng giữa mẹ con với nhau không tốt. Vì chưa thỉnh Phật về nhà thờ mà tinh mẹ con đã bất đồng bị sứt mẻ rồi, thì điều đó không nên. Như thế, thì dù cho mình có thỉnh Phật về thờ thì cũng không có ông Phật nào chứng minh cho lòng mình điều đó. Đó là điều mà tôi thành thật khuyên Châu Anh cần

nên hỏi qua ý kiến của mẹ.

3. Có nên quy y Tam bảo theo lời mẹ khuyên hay không? Điều này, thiết nghĩ, Châu Anh cũng không nên vội gấp. Vì bất cứ việc làm nào, trước khi quyết định, mình cũng phải tìm hiểu suy tư cho thật kỹ càng. Việc thông thường còn như thế, huống gì là việc quy y Tam bảo. Đó là một quyết định tối ư hệ trọng cho đời sống tâm linh suốt cả cuộc đời của mình sau này. Do đó, nên mình cần phải cân nhắc tìm hiểu cho thật kỹ càng thận trọng trước khi quyết định.

Tuy nhiên, việc quy y có đôi khi, người ta vẫn quy y trước rồi sẽ học hỏi tìm hiểu Phật pháp sau. Lý do, là vì người ta sợ quý vô thường thịnh linh cuồng mất đi mạng sống. Nếu như thế, thì e rằng, chừng đó có muôn quy y thì cũng đã quá muộn màng chậm trễ rồi! Theo tôi, thì Châu Anh, nếu muốn quy y theo lời mẹ khuyên, thì cũng tốt không có sao đâu. Tuy nhiên, sau khi quy y Tam bảo rồi, Châu Anh nên cố gắng siêng năng nghiên tâm trau dồi học hỏi Phật Pháp. Mục đích là để cho mình biết rõ đường lối tu hành, không bị rơi vào con đường tà ngoại. Và như thế mới có lợi ích thiết thực cho sự tu hành và mới thực sự thăng tiến xứng danh mình là người con Phật.

Điều này, tùy Châu Anh quyết định phương cách nào cũng được. Một là tìm hiểu trước rồi quy y sau, hoặc quy y trước rồi tìm hiểu học hỏi Phật pháp sau. Cả hai đều có lợi ích cả. Tuy nhiên, theo tôi, thì có đôi khi nhờ có quy y rồi, nên mình mới chịu nỗ lực gia công nghiên tâm học hỏi. Vì đó là điều do mình ý thức bốn phận của mình. Cũng như mình có vào trường rồi thì mình mới cố gắng gia công học hành. Còn không vào trường, thì mình đâu có chịu học hành, vì không có ai thúc đẩy khuyên bảo hay bắt buộc mình cả.

4. Châu Anh hỏi sau khi quy y rồi đời sống có thay đổi như trước khi mình chưa quy y không? Hay cũng vẫn bình thường không có gì khác lạ? Và mình cần phải làm gì? Dĩ nhiên, sau khi quy y Tam bảo mình phải giữ gìn Tam quy (quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng) và đồng thời mình cũng phải giữ gìn 5 giới cấm túc 5 nguyên lý đạo đức căn bản của người Phật tử tại gia để tăng thêm nhơn cách đạo đức phẩm giá của một con người. Năm nguyên lý đạo đức Phật dạy gồm có:

**Thứ nhứt**, Phật dạy người Phật tử không

được sát hại sinh vật, chủ yếu là không được giết người. Nguyên lý đạo đức này là Phật dạy người Phật tử phải có lòng từ bi thương yêu muôn loài mà tôn trọng mạng sống cho nhau. Vì loài nào cũng đều ham sống sợ chết cả. Hơn nữa, còn tránh được quả báo oán thù hiện tại và mai sau.

**Thứ hai,** Phật dạy người Phật tử không được gian tham trộm cắp, vật gì của người ta mà người ta không cho thì mình không được lấy. Nghĩa là không được ngang nhiên chiếm đoạt cướp lấy vật sở hữu của người làm của mình. Nguyên lý đạo đức này là Phật dạy người Phật tử phải tôn trọng tài sản của người khác. Tài sản của mình nêu vô có bị người chiếm đoạt, tất nhiên là mình rất đau khổ. Người khác khi mất tài sản họ cũng đau khổ luyến tiếc như mình.

**Thứ ba,** Phật dạy người Phật tử khi có gia đình rồi không được làm việc tà hạnh tư thông dâm loàn làm mất trinh tiết gây tổn hại danh giá của người khác phái. Nguyên lý đạo đức này, chủ yếu là Phật nhằm bảo vệ mái ấm hạnh phúc gia đình, làm cho vợ chồng và gia đình luôn luôn có được nếp sống an vui yêu thương hòa kính lẫn nhau.

**Thứ tư,** Phật dạy người Phật tử phải luôn luôn tôn trọng sự thật, không được nói dối. Nói dối hay nói láo là chuyện có nói không, chuyện không nói có, hoặc dùng những lời lẽ thêu dệt, việc ít xích cho nhiều, gây nên đồi đảng xích mích với nhau. Không nên dùng lời ác khẩu trù rủa chửi mắng đối phương v.v... Nguyên lý đạo đức này, chủ yếu là Phật muốn cho người Phật tử phải luôn luôn trau dồi nuôi dưỡng đức tánh thành thật và phải nói lời ái ngữ thương yêu tôn trọng hòa kính với nhau. Đây là phương cách nhằm bảo vệ uy tín cho mình và người.

**Thứ năm,** Phật dạy người Phật tử không được uống rượu túc là những thứ mang chất kích thích tố làm cho con người mê say đắm nhiễm mất đi nhơn cách phẩm giá đạo đức con người. Vì những loại có chất ma túy này, nó tác động gây nên rất tai hại cho mình, gia đình và xã hội. Vì thế, Phật răn cấm không cho người Phật tử dùng đến. Vì một khi bị mê say đắm nhiễm nó rồi, thì con người rất là đau khổ. Và từ đó không những có hại cho bản thân mà còn gây nên tệ hại mất đi mái ấm hạnh phúc gia đình. Nguyên lý đạo đức này, chủ yếu là

Phật nhằm nâng cao phẩm giá đạo đức con người trong việc bảo vệ hạnh phúc cá nhân và gia đình vậy.

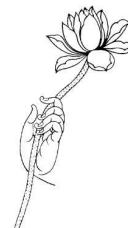
Đại khái, đó là năm điều cấm giới căn bản đạo đức mà người Phật tử sau khi quy y rồi, thì Phật khuyên phải nên gìn giữ cẩn thận không được phạm phái. Giới luật của Phật chế ra, không phải là điều bắt buộc làm cho con người mất đi tự do, mà trái lại Phật muốn bảo vệ tự do hạnh phúc tối đa cho con người.

Như vậy, sau khi quy y đời sống của mình có thể thay đổi làm mới tốt đẹp hơn. Nhưng với điều kiện là mình phải vâng theo lời Phật dạy mà giữ gìn giới cấm và làm những điều phước thiện lợi lạc cho mình và người. Nói rộng ra là cho cả nhân quản xã hội. Do đó, sự quy y Tam bảo và giữ gìn giới cấm rất có lợi cho đời sống của mình. Còn việc sinh hoạt hằng ngày Châu Anh vẫn sinh hoạt giao tiếp bình thường không có gì thay đổi. Tuy nhiên, Châu Anh đã có sự thay đổi làm mới cuộc đời của mình theo con đường thiện nghiệp để được an lạc hạnh phúc.

Tôi chỉ trình bày nêu ra một cách khái quát, để cho Châu Anh có một khái niệm qua thôi. Mong rằng, nếu có dịp, Châu Anh sẽ tìm hiểu nghiên cứu học hỏi nhiều hơn. Tìm hiểu học hỏi để tự trau dồi tu tâm sửa tánh, cho đời mình ngày càng thăng hoa tốt đẹp hơn. Sự tìm hiểu học hỏi, đôi với thời đại kỹ thuật điện tử thông tin toàn cầu hiện nay, thì thật là quá ư tiện lợi. Vì hiện nay, phương tiện truyền thông giúp cho người ta tìm hiểu học hỏi Phật pháp không còn là vấn đề trở ngại khó khăn nan giải như xưa nữa.

Kính chúc Châu Anh chóng đạt thành sở nguyện.

(còn tiếp)



# Những Bí Pháp Trong Kinh Pháp Hoa

## Phẩm Phân Biệt Công Đức thứ 17



**T**hế nào là phân biệt công đức? Phân biệt công đức là nói rõ công đức của người tu theo Kinh Pháp Hoa. Đó là thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nghĩa, cúng dường kinh Pháp Hoa. Ở phẩm này, cho thấy người nhận ra tri kiến Phật nơi mình công đức thật vô lượng, vô biên hơn hẳn các người tu theo các hạnh khác như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn... đều là pháp hữu vi có hình tướng nên còn bị sinh diệt giới hạn, còn tri kiến Phật là pháp vô vi không hình tướng sinh diệt, vượt hẳn thời gian và không gian không thể suy lường noi người thọ trì kinh Pháp Hoa công đức hơn tất cả vậy.

1.- Những sự lợi ích của Pháp khi được nghe Phật nói về thọ mạng của Như Lai sau đây:

a.- Vô sanh pháp nhẫn: tức thấy tánh gồm có sáu trăm tá mươi vạn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh.

b.- Văn trì đà la ni: tức nghe hiểu và nắm giữ được gồm có hàng Bồ Tát một nghìn lần gấp bội.

c.- Nhạo thuyết vô ngại biện tài: có đại Bồ Tát như vi trần thế giới.

d.- Triền đà la ni tức thông hiểu đầy đủ ra vào của pháp vô ngại gồm có đại Bồ Tát nhiều như vi trần một thế giới.

e.- Pháp luân bất thối, tức tu hành tinh tấn Đại Bồ Tát nhiều như vi trần của Tam thiền.

g.- Pháp luân thanh tịnh tức được sự thanh tịnh gồm có đại Bồ Tát nhiều như vi trần của hai ngàn cõi.

f.- Vô thượng chánh đẳng chánh giác tức thành Phật gồm có bốn hàng Bồ Tát nhiều ít khác nhau và mau chậm cũng khác nhau.

k.- Phát tâm vô thượng tức phát tâm tu thành Phật gồm có chúng sanh nhiều như vi trần của tam thế giới.

2.- Những công đức của người hiểu và tin lời dạy của Phật về Như Lai thọ mạng: Quan

trọng vô cùng vì hơn công đức của người tu năm ba la mật như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định. Chỉ có những ai tu thêm trí tuệ ba la mật thì công đức mới lớn hơn.

3.- Kết quả lòng tin thuyết Nhu Lai thọ mạng: Tin theo thuyết này là người đã khai mở trí tuệ, nhờ đó mà cái thấy được biến cải:

a.- Không thấy chúng sanh mà thấy Phật tức là không thấy chúng sanh theo hình tướng mà thấy Phật theo đúng chân tâm thực tướng.

b.- Không thấy Ta bà thế giới uế dơ mà thấy quốc độ thanh tịnh. Cõi này do tâm hay Như Lai mà biến hiện và Ta bà thật ra không uế trước mà cũng không tịnh. Uế hay tịnh là do tâm chúng sanh. Chúng sanh tâm uế thì Ta bà uế trước. Tâm chúng sanh thanh tịnh thì Ta Bà là Cực Lạc, huống chi trên căn bản Ta bà là hoàn toàn thanh tịnh vì từ tâm, từ bản thể từ Như Lai phát ra.

4. Tin là pháp cúng dường tối thượng.

Cách cúng dường là dựng chùa tháp, xây cất tăng phường hay lo miếng ăn, thức uống, nhà cửa, quần áo, thuốc men cho chư Tăng. Nhưng cúng dường những thứ ấy để được minh tâm kiến tánh tức thấy được Như Lai thọ lượng vô cùng ở trong ta thấy tâm hoàn toàn sáng suốt bất sanh bất diệt. Khi nghe Phật giảng về Như Lai thọ mạng và đã nhận ra cái vô sanh tức là đạt đến mục đích của cúng dường.

5.- Thứ cúng dường cao nhất:

Công đức của người vừa hiểu, vừa tin thuyết Như Lai thọ mạng mà cũng vừa thực hành năm ba la mật lại vừa tạo tháp, xây dựng tăng phường và cúng dường khen ngợi chúng Thanh văn và Bồ Tát hoặc giải nói Kinh Pháp Hoa cùng thanh tịnh trì giới, nhẫn nhục với việc ngồi thiền, tinh tấn mạnh mẽ, cẩn lành trí sáng thì đó là những người đã đến đạo tràng ngồi dưới cội Bồ đề để chứng thành Phật. Ý nghĩa phẩm kinh có thể là như vậy. Nay giờ chúng ta hãy tìm bí pháp trong đó để áp dụng

vào đời sống hằng ngày.

Trong phẩm kinh có nhiều bí pháp, nhưng đáng kể là những bí pháp:

1.- Thọ mạng của Như Lai không cùng tận: Như Lai là tâm mà tâm thì bất sanh, bất diệt nên nói thọ mạng Như Lai vô cùng cực. Trong mỗi con người chúng ta có hai phần:

a.- Phần sinh diệt gồm có ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức là xác thịt và tinh thần gọi là vô thường giả ngã, không chân thật.

b.- Phần bất sanh, bất diệt hay vô sanh tức là tâm hay bản thể không đổi dời gọi là thường hằng. Chính phần này mới là con người thật hay chân ngã. Thường thì người ta lấy phần giả làm thật nên làm tưởng mình có sanh, có chét và sống theo sự kích thích của xác thịt và tư tưởng, nghĩ ngợi. Nay đức Phật đem sự thật ra nói và dạy cho biết con người thật là tâm, là Như Lai, không sanh, không diệt, sống mãi không cùng tận. Người nào nghe được chân lý này và hiểu được thì được nhiều lợi ích. Nhưng không phải cũng cùng được sự lợi ích như nhau mà còn tùy căn cơ của chúng sanh không đều cho nên sự hiểu biết về Như Lai thọ mạng có khác do đó sự hưởng được lợi ích trong chỗ giác ngộ cũng không đều. Vậy thì hiểu cạn hưởng lợi ích nhỏ thì nhiều và hiểu sâu hưởng lợi ích lớn thì càng ít.

## 2.- Ta bà thế giới thanh tịnh.

Thế giới Ta Bà do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ vốn vẫn thanh tịnh, sở dĩ bị ô uế là do tâm chúng sanh tạo nên. Độ đệ của đức Phật Thích Ca có đến ba ngàn đại thiên thế giới. Một thái dương hệ gồm có mặt trời, mặt trăng, trái đất, sao Hỏa, sao Kim, sao Mộc, sao Thủy, sao Hải vương và gần đây khoa học đã tin thấy một hành tinh thứ 10 ở gần mặt trời tương đương một tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Vậy ba ngàn đại thiên thế giới là một thế giới nhân ba lần nhân ngàn.

Thế giới =  $1,000 \times 1,000 \times 1,000 = 1,000,000,000$   
Gồm 1 núi Tu di và 1 núi Thiết Vi và 25 loài hữu tình ở trong 3 cõi; cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

1.- Cõi dục gồm có 14 loài hữu tình gồm có:  
a.- Bốn châu thiên hạ: Nam Thiệm bộ châu,

Đông thắng thàn châu, Tây Ngưu hóa châu, và Bắc Câu lưu châu - chúng sanh ở châu này sung sướng nên không có Phật pháp - Bốn châu này ở dưới đáy bốn góc núi Tu Di và trên đỉnh núi là mặt trời và cõi trời Dao Lợi.

b.- Bốn ác thú: A tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh

c.- Sáu cõi trời: Tứ Thiên vương, Dao lợi, Dama, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha hóa tự tại.

## 2.- Cõi Sắc có bảy loại hữu tình:

Bốn loại ở trời Tứ Thiên: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền.

Ba loại ở trời: Phạm vương, Vô tưởng, Ngũ tinh Cư.

3.- Cõi Vô sắc có bốn loại hữu tình: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng tưởng xứ.

Tổng cộng có 10 pháp giới như sau:

1. Phật
2. Bồ Tát
3. Bích chi Phật
4. Thanh Văn
5. Trời
6. Người
7. A Tu La
8. Địa Ngục
9. Súc sanh
10. Ngạ quỷ.

3.- Thọ trì Kinh Pháp Hoa là tin nhận mình có tri kiến Phật.

Thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nghĩa, cúng dường kinh Pháp Hoa là thực hành về sự tu dưỡng còn nhận ra mình có tri kiến Phật rồi cố gắng tu hành gìn giữ phát huy cho trí huệ Phật càng hiển hiện trong sáng là thông đạt được lý tánh. Hơn nữa, người nào có lòng tin nhận chắc chắn lời Phật nói về Như Lai thọ mạng thì thấy Phật đang nói pháp ở núi Linh Thủ, tức là người đó đã giác ngộ và tri kiến Phật đã hiển hiện nên sống gần Phật và luôn thấy Phật thuyết pháp vậy. Như thế, mọi sinh hoạt như là quét nhà, rửa chén, nấu cơm, làm việc, ngủ nghỉ... lúc nào cũng có Phật bảo hộ, không hề xa cách. Người nào sống được như vậy là lòng đã thanh tịnh nên thấy cảnh vật cũng thanh tịnh. Do đó, nói thấy cảnh Ta bà này đất bằng lưu ly, trang nghiêm trong sạch, không có nhơ uế. Chúng ta đã nhìn thấy cõi này ô uế là vì nhìn bằng đôi mắt thịt, đầy phiền não, nghiệp chướng, tâm không trong sạch nên cuộc sống theo đó mà khổ đau.

*"Tôi sanh ra làm người  
Tranh giành mãi không thôi  
Từng miếng ăn, tắc đất  
Sống chét cứ luân hồi"*

Con người lại lòng tham vô tận. Đem đến cúng chùa một nải chuối xanh, xin Phật đùi thứ, xem Phật như một vị thần linh lúc nào cũng ban phước, trừ họa cho họ. Như vậy đã trái với luật nhân quả mà đức Phật đã dạy:  
Nhân nào quả nấy không sai.

4.- So sánh công đức của người thực hành năm ba la mật và người tin hiểu khi nghe Phật nói thọ mạng của Nhu Lai:

Người thực hành năm ba la mật là người tu theo 5 trong 6 độ của hàng Bồ Tát nhưng không tu trí tuệ là độ thứ sáu. Công đức của người tu năm độ này không bằng công đức của người tin hiểu khi nghe Phật nói thọ mạng dài lâu. Tại sao lại như vậy ? Bởi năm pháp trên thuộc pháp hữu vi còn có tướng sinh diệt nên quả báo còn giới hạn, còn Nhu Lai thọ mạng chính là tri kiến Phật là pháp vô vi, không hình tướng, không sinh diệt, không hạn lượng. Lấy pháp hữu vi hạn lượng mà so sánh với pháp vô vi không hạn lượng thì không thể nào sánh kịp. Trong Kinh Kim Cang, đức Phật cũng đã nói rõ ý đó như sau:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã  
Dĩ âm thanh câu ngã  
Thị nhon hành tà đạo  
Bất năng kiến Nhu Lai*

Có nghĩa là:

*Nếu dùng sắc mà thấy ta  
Dùng tiếng tăm câu ta  
Người ấy tu theo đạo tà  
Không bao giờ thấy được Nhu Lai*

Tại sao Phật lại nói như thế ?

Bởi vì sắc tướng và âm thanh thuộc pháp hữu vi, có hình tướng sinh diệt. Dùng tướng sinh diệt này để thấy Nhu Lai, tức tri kiến Phật thì không thể thấy được. Vậy muốn thấy Nhu Lai thì tâm phải thanh tịnh.

Nhiều người tự hào cho mình đang tu Kinh Pháp Hoa, mỗi ngày mặc áo, đắp y kính cần lạy từng chữ, từng câu kinh hoặc người chích máu chép kinh, nhưng suốt đời tâm vẫn u tối thì cũng chẳng ích gì cho sự giác ngộ giải thoát cả, còn thua những kẻ gánh nước, bửa cùi, nấu cơm mà nhận được yếu chỉ của Phật dạy trong kinh Pháp Hoa. Xưa tổ Huệ Năng đã gánh cùi đi bán để nuôi Mẹ, nhân nghe được câu :” Ưng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” trong Kinh Kim

Cang mà ngộ đạo và về sau được truyền y bát. Còn người tụng kinh Kim Cang lúc ấy không ngộ được gì nên chỉ thành một ông thợ tụng mà thôi.

Để kết luận cho bài này, xin mượn mấy câu thơ sau đây của Xuyên Thiên sư:

*Sớm trưa bố thí phát tâm đồng  
Công đức vô biên tính chẳng cùng  
Đâu bằng tinh tâm không trụ chấp  
Một tay đánh phá cõi hư không.*

Theo ý bài kệ thì phát tâm bố thí công đức vô lượng, vô biên nhưng công đức không bằng người tin hiểu Kinh Pháp Hoa và tâm không còn chấp một nơi nào.

## Đồng Minh

# Buông!

*Còn có đến có đi nào niệm Phật  
Sen vẫn hồng và đã nở khắp hè qua  
Áo nâu, lam trong ánh nắng chan hòa  
Đất có chủ không hoang miền thôn dã  
Mời khách uống chung trà thay nước lã  
Đến rồi đi vất vả chỉ thêm đau  
Sóng biển đòi bợ nước nổi lao xao  
Thôi! Buông gánh đạo chơi mùa xuân ấm  
Nắng lên đẹp! Ngàn hoa cười tươi thắm  
Mây dần trôi! Gió thổi dưới chân đồi  
Ngát hương lòng không鲥n kẽ nỗi trôi  
Về quê cũ trăng soi ngàn thuở trước  
Đẹp chướng ngại hành trình luôn cắt  
bước  
Trải rộng lòng muôn chốn khắp nhơn  
gian  
Nụ cười tươi trong ánh mắt chúa chan  
Nguồn thơ đó thênh thang ngàn sao sáng.*

## Tịnh Đức



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Phật đản này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này. Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tòng lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



### **Danh sách quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Phật Đản 2647**

Thầy Phước Nhơn	700	Hl. Phạm Thị Sương	50
Thầy Phước Viên	50	Hl. Diệu Tín	50
Thầy Phước Quảng	50	Hl. Lưu Cường	50
Sư cô Phước Ngọc	50	Hl. Trần Láng	50
Chùa Nam Hải Phố Đà Noumea	500	Hl Ngô Kieran Quang	50
Diệu Trang	50	Hl. Vương Vũ	50
Minh Quang	50	Hl. Phạm Thị Sim	50
Diệu Huệ	50	Hl. Nguyễn Thị Phi	50
Trần Văn Ba	100	Hl. Phạm Thị Lê	50

#### **Hội hướng cầu siêu chư hương linh:**

Hl. Trần văn Hưng	50	Hl. Trần Láng	50
Hl. Huỳnh Thị Thom	50	Hl. Lưu Phúc Tài	50
Hl. Bùi Thị Én	50	Hl. Nguyễn Mộng Long	50
Hl. Minh Chiếu	50	Hl. Nguyễn Thị Xuân	50
Hl. Nguyễn Thanh Vân	50	Hl. Diệp Thị Thìn	50
Hl. Lý Huệ Tiên	50		
Hl. Mee Sithakoul	50		
Hl. Đỗ Thị Kim Yến	50		
Hl. Nguyễn Thị Phi	50		
Hl. Lạc Phụng	50		

### **Danh sách ủng hộ Đại Tòng Lâm Phật Giáo**

Ni sư Phước Hoàn 500, Sư cô Phước Lạc 100, Gđ.Hl. Trần Thị Khánh, Pd. Diệu Lạc 200, Vô danh 100, Hành hương chùa sác tộc 1500, Gđ.Hl. Quảng Thanh và Quảng Trần 220, Nha sĩ Thảo Nguyễn 100, Kim Nga Nguyễn – Pd. Diệu Huệ 100, Gđ.Hl. Nghiêm Thị Nghi – Pd. Diệu Luận 200, Gđ.Hl. Nguyễn Thị Xuân – Pd. Diệu Mỹ 80, Gđ.Hl. Trương Mỹ En 100, Gđ.Hl. Ngô Kieran Quang - Pd. Tâm Ngộ 400, Gđ.Hl. Nguyễn - Pd. Thiện Chính 100, Gđ.Hl. Nguyễn Thị Phi – Pd. Diệu Hòa 200, Thầy Phước Quảng 50, Đạo hữu Diệu Trang 150, Ân danh 390, Gđ.Hl. Tiêu Chiếu 50, Hùng Trần và Loan 100, Gđ.Hl. Phạm Thị Sim - Pd. Tâm Thành 270, Võ Hà Thị Xuân Dung 150, Gđ.Hl. Trần Láng 100, Gđ.Hl. Lưu Cường 200, Gđ.Hl. Lưu Phúc Tài – Pd. Giác Phúc 250, Gđ.Hl. Lạc Phụng – Pd. Hỷ Lạc 350, Đạo hữu Diệu Ngọc 1000, Gđ.Hl. Mee Sithakoul 100, Gđ.Hl. Đỗ Thị Kim Yến - Pd. Tâm Trang 100, Gđ.Hl. Bùi Thị Én – Pd. Diệu Thiện 190, Gđ.Hl. Phạm Thị Sương - Pd. Khoan Ngọc 300.

### **Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Phật Đản số 84**

- |                                 |                               |
|---------------------------------|-------------------------------|
| - Công ty kế toán Bùi Thanh Lân | - Thực phẩm Á châu Tường Phát |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín              | - The Triumph Institute       |
| - Huyện Motor Repair            | - An Lạc Vegan                |
| - All Villa Print               |                               |